

PHƯƠNG ĐÔNG

TRẦN TIỀN HY - NG. BẠT TỤY
KIM ĐỊNH - NGUYỄN VĂN THỌ
NGHIÊM TOÀN - NGUYỄN VĂN BA
SIÊU THIÊN - HOÀNG VĂN ĐỨC
HÙNG LÂN - HOÀNG SỸ QUÝ
GIẢN CHI - HOÀNG MỘNG LƯƠNG
NHẬT THANH - NGUYỄN HIỀN LÊ
THAI V. KIÊM - NGUYỄN BÁ LÃNG
QUÂN HÙNG - ĐỖ BẰNG ĐOÀN
TRẦN T. SAN - NGUYỄN V. HẦU
ĐỖ Q. CHÍNH - ĐINH V. TRUNG

NGUYỆT - SAN
THÁNG 3
NĂM 1973

Số 21

trong số này :

1. Phương pháp huyền sử. KIM ĐỊNH — 133
2. Cây tê bằng châm thuật TRẦN TIỀN HY — 140
3. Khảo cứu Đông dược bằng phương pháp thực nghiệm ĐÀO SĨ CHU — 150
4. Góp ý vào việc nghiên cứu sơ bộ Đông . .
dược (tt) TRẦN VĂN TÍCH — 159
5. Giáo dục mới (tt) HOÀNG VĂN ĐỨC — 167
6. Hành hương Tây trúc mới (tt). HOÀNH SƠN — 172
7. Đạo giáo ở Việt nam. NHẤT THANH — 178
8. Sự chuyển mình của ngành giá phả Việt Nam. NGUYỄN ĐỨC DUY — 185
9. Trả lời ông Trần kim Thạch NGUYỄN BẠT TỤY — 191
10. Mạ, Mạ da và Mạ ta BÌNH NGUYỄN LỘC — 198

TIN TỨC VĂN HÓA VÀ TÔN GIÁO

HỘP THƠ

Nguyệt san **PHƯƠNG ĐÔNG**

161, Yên-Đồ Saigon — H.T. 2094 — Đ.T. 24592

GIÁ BẢO

Mỗi số	90đ
Công sở	giá gấp đôi
Một năm	950đ
Một năm (độc giả sinh viên)	850đ
Một năm độc giả ân nhân	2500đ sắp lên

Cao nguyên và miền Trung : thêm 100đ cước phí máy bay một năm. Ngoại quốc : thêm 300đ cước phí đường thủy một năm.

AI tìm được 7 độc giả dài hạn 950đ, hoặc 10 độc giả dài hạn 850đ, sẽ được thưởng một năm báo.

CÁCH TRẢ TIỀN

- 1) Ngân phiếu và bưu phiếu, đề cho :

Cô Đỗ thị Phương, **PHƯƠNG ĐÔNG**
161, Yên Đồ, Saigon, H.T. 2094

- 2) Đến ty bưu điện, trả qua Trương Mục Bưu Điện :

Saigon T/M 2790, Tạp chí **PHƯƠNG ĐÔNG**
161, Yên Đồ, Saigon
ghi địa chỉ và lý do

- 3) Công sở, có thể gửi trả vào Trương Mục Tổng Ngân khố V.N. :

Saigon T/M 57070, Tạp chí **PHƯƠNG ĐÔNG**
161, Yên Đồ, Saigon

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

1	trang quảng cáo ân nhân	:	12.000 đ
1	trang quảng cáo thân hữu	:	7.000 đ
1/2	trang trong , mỗi kỳ	:	2.500 đ
1/4	trang trong , mỗi kỳ	:	1.300 đ
Trang bìa mặt sau 2 màu (nhiều kỳ liên tiếp) :			14.000 đ
Trang bìa mặt sau 1 màu :			10.000 đ
6 kỳ liên tiếp sắp lên :			bớt 20 phần trăm

Quản lý :

Đỗ-thị-Phương

Thư ký tòa soạn :

Lê-thành-Chung

Xuất-bản :

Phạm-ích-Linh

Đặc ủy viên :

Nguyễn-ngọc-Lễ

Phương pháp huyền sử

KIM ĐỊNH

I. MÊ HAY CHU.

ĐỌ C *Việt-Lý-Tổ-Nguyên* có người cho là lơ mơ không nói lên được gì xác định. Ngược lại có người tìm đến tận nhà tỏ vẻ bức tức vì những chữ « rất có thể » : « Mỹ nương rất có thể do Mê nàng đọc trại ra » .v.v. Tôi cũng công nhận là lơ mơ nhưng đó là điều cố ý, kiêu những hoạ sĩ ưa lối Mê hơn lối Chu, và nên biết rằng những bức tranh có tính chất siêu hình nhất lại là những bức lơ mơ, như bức «Viễn phố qui phàm» trong bộ «Tiêu tương bát cảnh» thì không còn gì lơ mơ bằng vậy, nhưng trên thế giới này không thể tìm được bức tranh nào siêu hình hơn.

Thế cho nên lơ mơ ở huyền sử là thứ lơ mơ thuộc phương pháp. Huyền sử không nhằm xác định như lịch - sử; huyền - sử nhằm đi xa hơn bên ngoài tầm với của sử liệu, và nhất là sâu hơn vì nó nhằm đáp ứng một nhu yếu khác thâm viễn hơn nên cũng cần thiết hơn của con người, mà sử - ký không đủ khả năng làm được. Là vì sử - ký thuộc bác vốn (information) hàng ngang nhằm kể lại những biến cố; chỉ còn huyền sử mới đi vào hàng dọc tâm linh nói đến những khả thể sâu nhất của con người mà huyền-sử cũng kêu là sơ-nguyên-tượng. Vì thế nó không hạn cục trong thời không. Với sử - ký sai chạy vài thế kỷ là hỏng, còn với huyền sử thì

đừng nói vài ba trăm năm, mà cả ngàn năm cũng còn được, vì đó là chiều sống của sơ-nguyên-tượng thuộc minh - triết. Mà minh - triết mới cần cho sự sống còn của một nước vượt xa hẳn việc bác vấn. Không nên lấy quan điểm sử học để đánh - giá những kiến tạo của văn hoá. Làm thế là giống người chê thịt nhòng giai mà không kể tới lời nói của nhòng. Nuôi nhòng để cho nó nói chứ có phải để ăn thịt đâu. Lập ra huyền sử không phải để thay sử - ký ghi nhận sự kiện nhưng để đầy văn hóa xa hơn và sâu hơn đạt đến những mối liên hệ vô hình. Đó mới là văn hóa. Văn hóa nhằm khai triển chủ đạo sống nên có tính cách bao trùm khác hơn sử học chỉ là một ngành chuyên môn, mặc dầu nó là ngành đòi phải biết rất nhiều khoa liên hệ đến cuộc sống, nhưng vẫn còn là chuyên môn, nghĩa là hạn hẹp. Có thể nói sử ký đứng vào hàng đầu các khoa chuyên môn ở chỗ nó phải bao quát quá nhiều khoa, nhưng mục tiêu vẫn chỉ là bác vấn, là một tri thức, một cái biết thuộc khoa học khách quan, chưa phải là khoa giúp thấu đến cõi u linh sống động. Vì thế nó vẫn chưa là khoa cần hơn bất cứ cái biết nào khác. Đánh giá như vậy là phạm một sự lầm tai hại cho nền quốc học. Nên biết rằng có những nước rất hùng cường và tiến mạnh như Tàu, Nhật, Pháp... vậy mà họ vẫn mù tịt về nguồn gốc thì rõ rệt là cái biết về nguồn gốc

nước ta cũng không hơn gì Tàu, Nhật, Pháp... vậy mà nước vẫn tồn tại. Nói thế không phải để hạ giá cổ sử học đặng đề cao triết học. Vì triết bậy bạ không bằng một sử gia có khám phá. Nhưng khi nói về môn học cách lý-thuyết thì triết khác xa cổ-sử-học cũng như cần hơn cổ-sử xa lắm : vì một nền quốc học mà thiếu triết là thiếu linh hồn. Có biết đích xác về nguồn gốc mà thiếu một nền triết chân thực thì vẫn là thiếu một khoa thiết yếu hơn hết cho một nước đang bị phân hóa. Với những nước này cần một mặt trận văn hóa mạnh, mà muốn có được mặt trận thì hết mọi ngành trí thức phải liên kết với nhau như một đạo binh. Còn khi môn nào biết môn đó kiểu bề quan tòa cang, thì chỉ là những trí thức bác vấn có ích cho một ngành chuyên môn, nhưng không hẳn là tham dự vào mặt trận văn hóa. Đã nói đến mặt trận là phải có tổng tham mưu và khoa giữ bộ đó không là sử, kẻ cả thượng cổ sử, nhưng là triết mà trong đó có huyền sử. Vì sự quan trọng là thế nên hôm nay tôi xin đặt rõ vị trí cho huyền sử.

2. THẾ NÀO LÀ TRIẾT SỬ VÀ SỬ TRIẾT.

Muốn thế cần phân biệt giữa mấy tiếng thường bị dùng lẫn lộn đó là triết thuyết, sử triết, triết sử, huyền sử.

Vậy trước hết sử triết là gì ? thừa đó là lịch sử các triết học gia cùng với những hệ thống tư tưởng của họ, gọi là *histoire de la philosophie*. Trái lại triết sử (*philosophie de l'histoire*) không là sử mà là những

quan niệm lớn về đường vận hành của lịch sử... thí dụ Auguste Comte chia lịch sử loài người ra ba giai đoạn là thần học, siêu hình, thực nghiệm. Vico thì chia ra : thần kỳ, anh hùng kỳ và nhân kỳ. Jaspers thì đưa ra thời Trục... Đó toàn là triết sử, khoa này mới có từ thế kỷ 18 trở đi. Và nếu dịch đặng tả để tránh lẫn lộn thì sẽ gọi là triết lý về lịch sử

Chúng tôi cũng đưa ra một cái nhìn kiểu triết lý về lịch sử theo đó tâm thức con người tiến theo ba giai đoạn là bái vật, ý hệ và tâm linh. Và cái nhìn kiểu triết sử đó tôi gọi là huyền sử vì nó bao hàm chất u linh, là bởi nó đi theo nền nhân bản tâm linh, là triết thuyết cũng do tôi đề nghị. Như vậy là quả thực huyền sử theo nghĩa trên do tôi đề ra, và muốn nó là một thứ khoa học nhân văn thuộc văn hóa. Trong quyền Triết Lý Cái Đỉnh tôi đã định nghĩa « huyền sử là nền minh triết của một dân được trình bày bằng những mảnh vụn lịch sử của dân ấy ». Xin nhấn mạnh chữ mảnh vụn có nghĩa là những sự kiện lịch sử được nhắc tới không theo điều kiện thời không như lịch sử. Lịch sử nói về những biến cố, còn huyền sử nói về lý tưởng trường tồn xuyên qua các đời, nên không mấy cần đến thời-diêm không-diêm. Có người nói về lịch sử tiểu thuyết rằng phần lịch sử chỉ là cái dành cho nhà tiểu thuyết treo truyện của mình : cũng có thể nói phần nào về huyền sử như thế : tức là những sự kiện lịch sử nhắc đến chỉ là cái danh không quan trọng cho bằng những điều treo vào đó tức là những suy tư triết. Những suy tư trong quyền Việt Lý

Tổ Nguyên cũng thế, không những chúng nhằm minh họa nền triết thuyết Việt nho, nhưng còn đưa ra những yếu tố uyên nguyên giúp nhận diện khuôn mặt của nền triết thuyết đó. Nó không nói đến những triết gia, đời sống và tác phẩm của họ. Vì đó là việc của sử triết. Nếu có nói đến vị nào thì chỉ lựa chọn những nét đặc trưng giúp vào mục đích của triết sử. Riêng phần tôi, tôi không chú ý đến sử triết, vì đã có nhiều người làm rồi. Tôi chỉ dành chú ý cho hai ngành sau: là triết thuyết và triết lý về lịch sử.

Có người bảo tôi xây triết thuyết trên con số ba của Tam Miêu. Nói thế là hai lần ngộ nhận đề khởi nói là liễu lĩnh. Triết thuyết của tôi là nền nhân bản tâm linh được trình bày trong 9 sách ra trước, trong đó có những quyển chính như: Nhân Bản, Chữ Thờ, Tâm Tư... không liên hệ chi hết với Tam miêu hay Bách Việt. Chỉ đến quyển thứ 10 tức là Việt Lý Tổ Nguyên thì mới đi vào triết sử và triết sử đó được giới thiệu như là giả thuyết làm việc (Việt Lý tr. 427) chứ không là triết thuyết. Sự ngộ nhận xảy ra vì đọc vội không kịp nhận ra hai nghĩa chữ Việt nho nghĩa chính là nho siêu Việt và đó là triết thuyết, nghĩa tùy phụ là nho của người cổ Việt và nó nằm trong giả thuyết của triết sử. Trong giả thuyết đó tôi nhấn mạnh con số 3 (cũng như 2, 5, 9) không vì là của Tam Miêu nhưng vì nó liên hệ tới thuyết Tam Tài, mà Tam Tài là nền tảng của nhân bản. Thế có nghĩa là chữ Tam trong Tam Miêu chỉ được chú ý đến như cái gì gần sau đề minh họa chứ không phải đi trước như minh chứng, tức không phải tự đó xây lên triết thuyết. Đây là điều tôi không muốn ai hiểu lầm vì có hại cho nền quốc học, vì như

thế là lấy 10 % làm khuôn lấp mắt phần quan trọng nhất được biểu thị bằng 90 %. Con số này là tôi ước lượng theo số trang sách dành cho triết thuyết. Ai đọc Việt Lý hay Triết Lý Cối Đình hoặc Tục Thư Minh Triết v.v. đều thấy rằng đầu đó là những sách về triết sử mà thực ra triết sử chỉ chiếm phần nhỏ còn toàn là triết thuyết nên khi tôi nói 10% cũng còn là nói gia lên, chứ thực ra chỉ chiếm chừng 5 %. Vậy mà những người duy sử lại nắm lấy đó dựng giay gì làm như không có 95 % kia thì quả là ma giáo, thủ đoạn. Nói ngay quyển Việt Lý thì những bài đầu có liên quan đến triết sử không được tôi coi trọng (đã nói rõ ở trang 75). Quan trọng là phải kể từ chương năm trở đi gồm những bài suy tư về lưỡng nhất tính của nền triết Việt. Đó là những bài vừa mới lạ, vừa cổ nhìn sâu vào tận nguồn ngọn văn hóa nước nhà. Thế nhưng không may đó lại là những chương gặp số phận hăm hiu của viên ngọc bị xéo qua. Tôi biết hiện nay số người hiểu tôi còn quá ít nhưng đó là luật chung dành cho các triết thuyết mới thường chỉ được hiểu lâu sau khi xuất hiện, vì thế không có chi phải ái ngại, nhưng không hiểu thì khác, còn cố ý xuyên tạc thì khác. Vì lúc ấy sẽ lấy cái phụ thuộc làm cái chính yếu. Bởi thế ở đây xin được quảng diễn thêm về huyền sử và trước hết xin nói tại sao phải đặt danh từ huyền sử và nhất là tại sao nó phải lơ mơ? Thưa là vì triết sử có hai đầu: một đầu là triết một đầu là sử. Mà vì theo triết thuyết nhân-bản-tâm-linh thì triết đi vào tận cõi u linh của con người nên nó

khác với triết học lý niệm là thứ ngừng lại ở đợt lý trí, nên rõ ràng: còn đây vưon vào miền tiềm thức thì làm sao có thể rõ ràng đích xác. Đích xác là việc của sử ký. Mục đích của huyền sử khác với sử ký nên không đích xác được. Vậy xin đừng nói: sử giáo sư Kim Định... Nói vậy là bỏ mất 95% rồi, tức bỏ phần quan trọng nhất mà tôi gọi là huyền, rồi không chú trọng đến những điều kiện đó tôi đã trình bày sơ lược trong Việt Lý (nhất là bài đầu) và Triết Lý Cối Đình, lại đã viết thêm trong Loạ Thành Đồ Thuyết và Cơ Cấu Việt Nho tuy chưa xuất bản nhưng tôi đã thuyết trình với sinh viên từ hai năm qua. Nhiều sinh viên cao học đã làm bài theo đề tài đó (những qui luật của huyền sử). Sở dĩ không viết hết ra một trật là vì sách tôi viết theo thể giảng khoa, nhằm hướng dẫn sinh viên tìm tòi, nên dù giáo sư đã tìm được 10 cũng chỉ nên nói chừng 6.7... cốt để khuyến khích sinh viên cùng tìm kiếm. Ấy là chưa kể những điều không viết ra nhưng chỉ đề giảng trong lớp là phương tiện kiểm soát sự chăm chỉ đi lớp của sinh viên.

3. HAI QUY LUẬT CỦA HUYỀN SỬ.

Vì thế ở đây tôi xin tóm lược các điều đã viết: qui luật huyền sử có một là mạch-lạc-nội-tại (coherence interne) hai là sự kiện lịch sử. Sự kiện lịch sử là vòng ngoài có thể kiểm soát thí dụ cao trào thiên di từ Tây Bắc tới Đông Nam của Bách Việt, hay: những sự kiện khác rõ ràng như thế chế, lễ lạy v.v. Còn vòng trong

là mạch lạc nội tại nó hệ tại những đề quyết có hợp với bầu khí văn hóa chung. Và đề cụ thể hóa bầu khí thì phải đưa ra một số chuyện hay câu nói tương tự thí dụ cái bọ cạp trăm trứng phải được kèm theo những truyện quả bầu nhiều hột v.v. hoặc những câu kinh điển, ca dao, thói tục, lễ lạy. Theo đó thì không thể thấy chữ tam trong Tam miêu thí dụ mà đề cao đại số 3. Nhưng khi nhận thấy nó vận hành trong bầu khí của Tam tài (nhân bản) rồi lại có những biểu lộ khác như mang trên trán ba dấu (Mã 408) hay như con lốt: thứ rồng ba đầu chín khúc đuôi; hay chín cái đỉnh ba chân hai tai... Ngoài ra còn có những tục lệ, thói quen, thể chế... như tam công tam sinh, cửu khanh... hay kiểu nói người Việt xưa là 3, 9 thay vì 27 hoặc kiểu thiết tiệc đãi ba bô lão, 5 vị giấy kinh nghiệm (kinh lễ XXI, 30) biết bao thí dụ khác. Người không chuyên triết thì bảo đó chẳng phải là triết chi cả, nhưng với người chuyên triết thì đó là những dấu hiệu bảo phải đào sâu, y như thứ sỏi nọ đất kia bảo tin cho những chuyên viên dấu hỏa biết dưới lòng đất sâu có mỏ dầu thì với người học triết nhất là chuyên về huyền sử cũng vậy, vì đã nhận ra không đâu trên thế giới có bộ ba kiểu Tam tài, nên việc nhấn mạnh trên con số ba và mấy con số đi kèm không thể coi là một sự biểu hiệu thường, nhưng có cái chi đặc biệt đó và khi xét thấu triết thấy nó ăn chịu với nhau cách thâm sâu như một cơ thể. Và đó là cả một công trình triết lý, nên muốn nắm vững qui luật này thì phải nắm vững nền triết lý nhân bản tâm linh. Cái đó tôi gọi là «mạch-lạc-nội-tại»! Nó không xác định như sử, nhưng ngoài nó ra thì không thể tìm được phương

thể khác ở cái nền âm u này, đến những con số cũng không phải đề mà đo đếm mà chỉ là tiêu biểu. Thí dụ Tam miêu thì không nên biểu tam là ba vì trong tôực tế có đến 6, 7 thứ miêu:

- Miêu tử.
- Linh gia miêu
- Bạch miêu
- Hoa miêu
- Thanh miêu
- An thuận miêu
- Lương Khê (Leng Ki) miêu

v.v...

Thế là chữ tam miêu cũng như ngũ linh hay cửu lê: không chơi vai trò đo đếm mà chỉ là vai trò biểu thị huyền nghĩa. Khi có được nhiều dấu như vậy thì gọi là mạch-lạc-nội-tại. Cái mạch lạc này thay cho sự minh hiện khách quan là đặc điểm của khoa học thực nghiệm mà nhân văn không thể có; nhưng không phải vì vậy mà được quyền muốn nói chi thì nói, làm thế thì những điều nói ra thiếu giá trị. Muốn có giá trị, muốn cho huyền sử đạt vinh dự của khoa học thì phải nắm được mạch ngầm của một nền văn hóa. Đề cho thêm phần xác định thì tôi gọi mạch ngầm là mạch-lạc-nội-tại kèm theo những qui luật ám hợp. Thiếu những qui luật đó thì huyền sử chỉ là tán dóc. Nói khác huyền sử đặt nền trên những cái nhìn cai quát (khác hẳn với lịch sử đặt nền trên chi tiết khách quan), vì đó mà trong *Việt Lý* tôi hay nhắc nhở rằng dấu chi tiết có sao thì đại cương vẫn vững (*Việt Lý* tr. 279, 179...) nhưng có người phê bình bắt kẻ tới ý của người viết thì đó là một sự thiếu

lương thiện đáng tiếc. Trong *Việt Lý* tr. 178, tôi đã ví huyền sử với nhạc Việt mà bản chất là động nghĩa là người chơi các nhạc khí khác nhau chỉ cần gặp nhau trong những mốc lớn như tiết nhịp. Chẳng hạn câu «hồ sự hồ sự sang» thì chỉ cần gặp ở hai cung hồ đầu và sang cuối, còn giữa tùy ý sáng tạo, thế gọi là nhạc động. Trong quyển «*Vấn đề quốc học*» tôi đưa ra hệ thống dụng, từ, ý, cơ, thì dụng và cơ là như hai mốc quan trọng còn từ và ý là những nốt trung gian có thể thay đổi thành tượng và số. Vậy trong hai mốc quan trọng thì dụng là sử, còn cơ thuộc tâm linh giữ phần huyền. Vì cơ thuộc tâm linh nên cũng gọi là «Cái động khởi đầu», còn rất tế vi không thể nói thẳng ra bằng từ và ý như ở đợt dụng (kiểu lịch sử hay triết học lý niệm) nên phải dùng tượng và số (tức huyền thoại), cả hai điều là một thứ biểu tượng, nên nội dung rất cơ giần uyển chuyển, đó là điều làm nên tính chất động của huyền sử y như nhạc Việt, vì cả hai đặt nền trên Kinh Dịch, nên cần phải động mới đúng bản chất. — Nếu ở nhạc được động ở những cung giữa, nhưng phải gặp nhau ở hai cung đầu và cuối, thì ở huyền sử cũng phải gặp nhau ở hai điểm đầu cuối. Điểm cuối là dụng thì tương đối rõ nghĩa là phải có bằng chứng cụ thể, nhưng còn cơ vì âm u vi tế không thể có bằng chứng cụ thể, thì phải thay vào đó bằng mạch-lạc-nội-tại. Muốn nhìn ra mạch-lạc-nội-tại thì cần đến cái nhìn bao trùm để thấy được cái cơ hay cái toàn thể. Muốn bao trùm thì phải lùi rất xa khỏi đối tượng. Phương pháp đó cũng gọi là lối biết theo thiên văn, vì thiên văn nhìn đối tượng ở rất xa (Xem

Triết Lý Cái Định tr. 90). Làm được như trên thì kẻ là giữ được qui luật thứ nhất là mạch lạc nội tại, nghĩa là nhìn ra được những nét lớn lao và trường tồn là những yếu tố làm nên cái cơ. Vì trong phạm vi huyền không có tiêu điểm khách quan nên phải qui chiếu vào cái cơ, tức cái toàn thể, cũng gọi là cái bầu khí văn hóa. Đó là qui luật nhất. Còn qui luật hai thuộc sử thì phải có những gì cụ thể kiểm soát được. Giữ được cả hai qui luật đó rồi thì mấy cung giữa có quyền "sáng tạo" tức là "giải nghĩa" các huyền thoại. Giải nghĩa ở đây như vậy có nghĩa là dùng huyền thoại để chiếu giải ý tưởng của triết thuyết. Vì lý do đó mà mỗi câu truyện có thể mang nhiều ý nghĩa tùy người giảng nghĩa theo triết thuyết nào, hơn nữa nhiều huyền thoại có hai, ba dịch bản. Cũng vì lẽ đó mà có những tác giả còn tự đặt ra huyền thoại nữa, mà cũng chẳng sao. Vì giá trị không nằm trong huyền sử: tức trong sự minh họa triết thuyết của tác giả. Đó là điều tôi đã nói đến ngay từ quyền đầu (*Cửa Khổng*) về Nghiêu Thuấn: rằng truyện Nghiêu Thuấn có thực hay không, không quan trọng, quan trọng là chủ trương triết lý chính trị, là chủ trương truyền hiền hay truyền tử. Đó là cái tự do của nhà huyền sử mà sử gia không có, vì hai đảng nhắm hai mục tiêu khác nhau, nên phải có những phương thức làm việc khác nhau...

4 — HUYỀN SỬ NHƯ MỘT NGÔI SAO MỚI MỌC.

Xét như trên thì phải nói huyền sử là ngôi sao mới xuất hiện có tính

chất rất Việt và đồng thời lại cũng rất mới. Việt vì nó được xây lên từ nhân thoại nên khác với Tây phương quê hương của thần thoại: một vài nhân thoại lẻ tẻ không thay đổi được cơ cấu văn hóa khởi đầu xây trên thần thoại, và tính chất này còn được ngự trị mãi về sau khi đã chuyển sang bên triết học là vì triết thiếu chất u linh nên không đủ yếu tố cho sự nảy sinh huyền sử mặc dầu nay Âu Tây có những khoa nhân văn mới (phân tâm cơ cấu). Còn các cụ ta xưa cũng lại không có huyền sử vì tuy có nhiên liệu là các nhân thoại nhưng thiếu các khoa mới làm như máy móc để khai thác, nên trước kia hoặc coi huyền thoại như truyện truyền kỳ vui tai, giải trí; hoặc tin là có thật như nghĩa đen, đều không phải là huyền sử. Đợi khi chúng tôi dùng chữ huyền sử để chỉ những huyền thoại đó thì chỉ là dùng theo nghĩa rộng, nói là huyền sử là thực ra mới chỉ là nhiên liệu của huyền sử.

Thế hệ mới trước đây hầu hết cho huyền thoại là hoang đường, một hai người đã ngờ rằng nó hàm ngụ ý nghĩa nào đó nhưng chưa được trang bị đủ để khai thác. Những trang bị đó là hai qui luật huyền sử đã bàn trên. Gọi là kỹ thuật vì nó được gợi hứng từ những khoa nhân văn cận đại là tâm phân, cơ cấu, nhân chủng, văn hóa cũng như triết học ti giáo v.v Do đó nó có nền tảng khoa học, sánh vai được với mấy khoa học nhân văn tân tạo kia, và đem lại cho sự hiểu các huyền thoại một ánh sáng mới có tính chất khoa học, và đó là chỗ mới khác cũ. Thí dụ các cụ xưa coi rồng là vật tổ của nước và các ngài

thấy mạch của rồng ẩn tàng dưới đất dưới nước; còn với huyền sử thì rồng lại là một thứ tiềm thức cộng-thông được « đồ khuôn » theo tinh thần Kinh Dịch là sách mở đầu với các thẻ của rồng : tiềm long, hiện long, phi long. Với huyền sử thì mấy chữ ấy được hiểu là tiềm thức quốc gia Việt vẫn tiềm tàng trong lòng người Việt, lâu lâu hiện lên và cũng có lúc bay lượn. Nhìn như thế thì dưới ánh sáng của phân tâm thực là hợp, và có thể được coi như khoa học riêng của Việt Nam được thiết lập ra để làm một cuộc thám quật văn hóa của một miền rộng mênh mông, mà khi dùng huyền sử để ước lượng bờ cõi thì là cả miền Đông Nam Á Châu, bắc từ miền sông Bộc dưới phận dã sao ngư sao nữ (huyền thoại Ngư Lang, Chức Nữ) xuyên qua Hồ Quảng, Đông Sơn, Nam Dương, Mã Lai Á. Còn trục Tây Đông là từ vùng Ba Thục đến núi Thái Sơn, Đại Hàn, Nhật Bản cũng như mạn Nam gồm cả Miên, Thái, Miến Điện.

5. XIN ĐỪNG CỘT CÁNH CHIM HỒNG.

Sử ký cần chi tiết khách quan cụ thể, những cái đó với huyền sử lại trở nên những sợi dây trói chân không cho tung cánh bay cao để nhìn bao trùm được những mốc lớn (nơi phát xuất của Lạc Việt, làm chủ nước Tàu trước người Tàu, Thiên di tự Tây Bắc xuống Đông Nam...) Còn

những chi tiết thì phải được cho là tùy phụ hoặc không cần thiết hoặc không thể tìm ra. Thế mà mấy nhà chuyên môn cứ nhằm những tiểu tiết mà day đả thì làm sao nhìn ra sự dị biệt cũng như phương pháp của huyền sử. Huyền sử là một thứ triết sử mới. Nó rất cần cho một triết thuyết mới, vậy không biết gì đến triết thuyết thì thấy sao được sự cần thiết của huyền sử.

Nhưng dù không đi vào triết thuyết đi nữa khi đụng đầu với thượng-cổ-sử thì huyền sử cũng còn cần, vì đó là những vùng âm u mà sử liệu còn sót lại quá ít hay chẳng còn chi thì dụ thời Hồng Bàng. — lúc ấy muốn đi xa hơn thì chỉ còn có ước đoán, mà muốn cho ước đoán có một nền tảng nào đó thì phải có một qui luật, mà giữ được thì gọi là huyền sử. Như thế thì huyền sử cần thiết không những cho người chuyên về triết, mà còn cả cho sử gia khi đi vào thượng cổ sử. Lúc ấy sử gia cần ít ra đức khiêm-tốn được biểu thị bằng sự dè dặt uyển chuyển không nên quá xác định về nơi hay thời. Với thượng cổ sử cứ phải đề phòng hồ cả ngàn cây số với ngàn năm là hợp lệ, và phải lấy những nét trường tồn thay vào. Không nên tuyệt đối hóa cái chi : một người có óc khoa học thực sự bao giờ cũng tỏ ra dè dặt. Riêng với triết thì không những dè dặt mà còn cần lướt nhẹ chi tiết để vươn lên cao, cố nhìn bao trùm hầu nhận ra cái thực thể lớn lao khác.

Lịch trình diễn tiến và ưu điểm của khoa gây tê bằng châm thuật

TRẦN TIỀN HY

NĂM 1959, tại Đệ nhất nhân dân y viện Thượng hải, một bệnh nhân sau khi được mổ cắt biên-đào-thê, cuống họng của anh ta đau đớn đến không thể nuốt bất cứ một miếng ăn gì. Các y sĩ Khu tai, mũi, họng vốn có căn bản Đông y bèn vận dụng học thuyết Kinh lạc¹, châm cho anh một cây kim vào huyết Hợp cốc, tức thì cơn đau chấm dứt như đã dự liệu, và nhờ đó bệnh nhân đã ăn được một chén thịt viên mà không cảm thấy khó khăn gì cả.

Điều này đã giúp cho các y sĩ của bệnh viện nói trên thấy rằng : nếu châm kim vào Hợp cốc chặn đứng được cơn đau ở cuống họng thì, với thủ pháp thích nghi² họ tin là có thể ứng dụng việc châm thích này để thay thế cho thuốc tê trong các cuộc giải phẫu biên đào thê.

Quyết định mở một đường lối mới họ đã tái diễn nhiều lần việc châm kim ban đầu vào Hợp cốc, nhưng sau đó có thêm Nội đình, hầu xác định độ đau và hiệu năng trấn thống của hai huyết vừa nói đó. Khi những cuộc thực nghiệm đã chứng tỏ rằng việc châm kim như thế rất hữu hiệu trong việc chặn đứng cơn đau ở cuống họng họ mới mạnh dạn áp dụng kỹ thuật này trong các cuộc giải phẫu biên đào thê như đã nói trong bài « Kỹ thuật châm cứu ứng dụng trong các cuộc giải phẫu ở Trung quốc » (Tập san văn hóa của Trung tâm Liễu quán tháng 9 năm 1971)

đồng thời phổ biến sở đắc của táncách sáng tạo này trên tạp chí *Thượng hải Trung y* được với lời thiết tha kêu gọi sự đóng góp của các đồng nghiệp xa gần, hy vọng sẽ cùng nhau cải tiến kỹ thuật này cho một ngày một thêm tinh vi, ngõ hầu áp dụng trong các cuộc giải phẫu khác trọng đại hơn.

Kể đó chẳng bao lâu, viện bài lao Liu chow ở Quảng tây và Đệ nhất y viện bài lao trung ương Thượng hải cũng như một số bệnh viện khác đều đã thành công trong việc gây tê bằng châm thuật để giải phẫu phổi.

Ban đầu có nhiều bệnh nhân khi phải trải qua một cuộc giải phẫu có tính cách hơi trọng đại, việc gây tê bằng châm thuật muốn có đầy đủ hiệu năng, chuyên viên phải châm tại nhiều huyết trên thân thể của bệnh nhân (phần nhiều là tại tay chân) với một số kim khá lớn, có khi lên tới 80, chưa kể chuyên viên thường là bốn người, phải cùng hợp tác mới có thể điều khiển (bằng thủ pháp) một cách đều đặn và hữu hiệu những cây kim ấy.

Nhưng sau đó, một số y sĩ đã can đảm dùng kim để thí nghiệm ngay trên thân thể của họ, hầu xác định mức đau đớn và nhờ đó, họ đã lại bớt một số

1 Kinh lạc học thuyết dịch luận cấp kỳ vận dụng của Thượng hải Trung y học viện (1960)

2 ... il existe d'innombrables façons de planter les aiguilles notamment à des profondeurs et sous des angles différents..... *Anesthésie par acupuncture en Chine populaire* par Allred Max

huyết được biết không cần thiết lắm để chỉ giữ lấy phừng đối kháng chính yếu và họ đã thành công với một số kim tối thiểu, không mấy khi quá 5 cây và có khi chỉ 1 cây như tại bệnh viện bài lao Bắc Kinh, người ta đã thành công hoàn toàn trong những cuộc gây tê với vôn vện 1 cây kim liên tiếp trong 90 trường hợp giải phẫu phôi.

Sách *Châm cứu học giảng nghĩa* của Trung y học viện ở Thượng Hải tại mục châm thích ma tủy có cho biết là hai năm sau những thành tựu đầu tiên tại Đệ nhất nhân dân y viện Thượng Hải người ta đã áp dụng phép gây tê bằng châm thuật trong khá nhiều cuộc giải phẫu, đặc biệt là trong những trường hợp:

1. buộc tĩnh mạch (ligature des veines)

2. soi khí quản bằng nội kính (bronchoscopie)

3. mổ và lộn ngược nội mạc của âm nang bị bứu thủy (éversion testiculaire avec utournement de la vaginale)

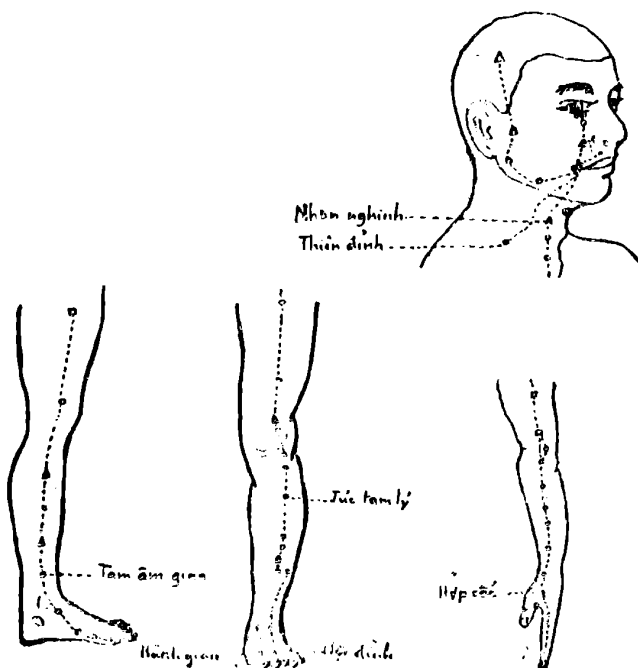
4. soi bàng quang bằng nội kính (cystoscopie)

5. mổ hột giáp trạng tuyến (thyroïdectomie)

6. mổ cắt ruột thừa (appendicectomie)

7. mổ bụng đề tu bỏ khúc ruột bị sệ (cure radicale de la hernie)

Về phương diện kỹ thuật, ngoài những huyết được lựa chọn theo học thuyết Kinh lạc, phần nhiều là ở tay chân, người ta còn phải dùng thêm



một ít huyết ở gần bộ vị sắp phải làm thủ thuật hay là mổ cắt, theo phương pháp cận huyết viễn huyết tương phối³.

Thủ pháp được áp dụng trong hết thấy các trường hợp là « tả pháp »

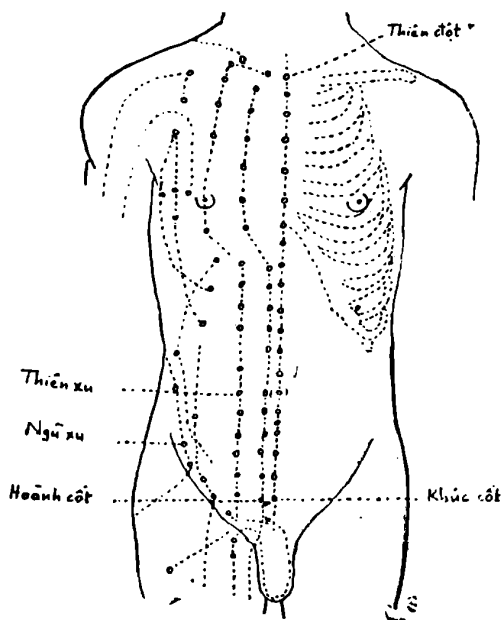
Nếu vị trí bị mổ cắt thuộc về bên phải thì, trong số những huyết được chọn có những huyết chỉ phải châm một bên phải, trong khi có huyết khác phải châm đồng đều ở cả hai bên, ví dụ :

1. Đề mổ cắt lan vỹ bị viêm (appendicite) thì Hợp cốc (thuộc đại trường kinh) phải châm cả hai bên, trong khi Thiên xu (vỹ kinh), Ngủ xu (đờm kinh) và Túc tam lý (vỹ kinh) đều chỉ phải châm một bên phải mà thôi và châm xong, thay vì thủ pháp bằng tay, ngay thời đó người ta đã thành công trong việc chuyển một giò điện vào những cây kim đã được châm vào các huyết nói trên.

2. Đề soi khí quản bằng Nội kính (cũng như đề mổ cắt biên đào thê) cả huyết Hợp cốc (đại trường) và Nội đình (vỹ) đều phải châm kim ở cả hai bên, châm kim xong chuyển viễn phải làm thủ pháp đề gây tê.

3. Đề mổ hút tuyến giáp trạng, các huyết Nhâm nghinh (vỹ kinh), Thiên đỉnh (đại trường), Hợp cốc và Nội đình đều phải châm đồng đều cả hai bên, riêng Thiên đột (nhâm mạch) vì chỉ có một huyết ở giữa nên chỉ phải châm 1 cây kim mà thôi, và châm xong thay vì thủ pháp người ta thường hay chuyển điện vào kim

4. Đề soi bàng quang bằng nội kính : Tam âm giao (Tỳ kinh) Hành gian (Can kinh) và Hoàn cốt (Thận kinh) đều phải châm cả hai bên, riêng Khúc cốt (nhâm mạch) chỉ châm 1 cây kim ở giữa, và châm xong thay vì thủ pháp, người ta cũng thường chuyển điện vào các cây kim ấy.



Vào những năm đầu phép gây tê bằng châm thuật chỉ được dùng trong 10% trường hợp, không như ngày nay nó đã dành hết 90%, chỉ chưa cho phép gây mê theo Tây phương lối 10% trường hợp mà thôi.

Ngoài những cuộc giải phẫu bạch nội chương (opération de la cataracte) giải phẫu lan vĩ bị viêm (appendicectomy) giải phẫu tổng khí quản hầu đầu (trachéo-laryngotomie) và cột thắt ống dẫn trứng của phụ nữ, nhằm mục đích hạn chế sinh sản (stérilisation), ngày nay người ta đã tiến đến mức áp dụng phép gây tê này trong nhiều cuộc giải phẫu trọng đại hơn. Ông Alfred Max, giám đốc tạp chí *Prenues* ở Paris, trong một chuyến Hoa du, thực hiện vào tháng 8 năm 1971 vừa rồi với mục đích quan sát và nghiên cứu tại chỗ kỹ thuật gây tê này đã được một chuyên viên của bệnh viện thuộc thị xã Thượng Hải cho biết là : với khoa gây tê bằng châm thuật, họ đã thành công mỹ mãn trong việc :

1. Cưa sọ để lấy ra 1 cục bướu trong màng não (tumeur méningée) to bằng cái chén ăn cơm.

2. Mở ngực để cắt bớt 1 lá phổi.

3. Mở bụng để lấy một cục bướu ác tính (tumeur maligne) nơi buồng trứng, nặng đến những 4 kilô.

4. Mở ngực để làm giải phẫu ngay trong quả tim bị van lỏng mao teo hẹp.

5. Mở cả bụng lẫn ngực để cắt bớt một khối nham ở thực quản (cancer de l'oesophage) v.v..

Họ lại cũng cho biết là đối với những cuộc giải phẫu từ bụng trở lên kể cả thần kinh giải phẫu (neuro-chirurgie) tại vùng não, kết quả của việc gây tê bằng châm thuật có thể nói là hoàn toàn mỹ mãn. Riêng đối với những cuộc giải phẫu ở dạ dày, họ

chỉ thành công được một phần nào thôi, bởi vì bắp thịt ở bụng lắm lúc quá căng thẳng. Còn tại nơi châm thỉnh thoảng có bệnh nhân lại cảm thấy hơi đau, và nói chung thì tại chân, kết quả của sự gây tê bằng châm thuật không hoàn toàn như đối với thượng bộ.

Khoa gây tê bằng châm thuật không đòi hỏi các dụng cụ phức tạp. Áp dụng khoa gây tê này chúng ta lại cũng không phải lệ thuộc nhiều vào các điều kiện nhân sự, khí hậu cũng như địa dư, và chính là nhờ vậy mà nó được phổ thông hóa một cách rộng rãi khắp nơi trong xứ (lời của một chuyên viên Thượng Hải) đặc biệt là nó thích hợp với vùng núi khô khan cũng như miền đồng bằng ẩm thấp có thể áp dụng trong thời bình cũng như trong thời chiến.

Được sử dụng trong nhiều bệnh viện dân cũng như quân y, khoa gây tê này tính đến mùa thu năm 1971, đã thực hiện việc gây tê trong 400.000 cuộc giải phẫu với tỷ lệ thành công 90%, bệnh nhân gồm từ trẻ con đến người già quá 80 tuổi.

Mười phần trăm còn lại không phải là thất bại mà thiệt ra vì bệnh nhân bản tính nông nổi, bồng bột không thể giữ vững niềm tin và do đó họ không thể hợp lực được với chuyên viên trong suốt thời gian giải phẫu. Chuyên viên được huấn luyện về kỹ thuật này vốn có tinh thần phục vụ quần chúng, nên dễ gặp bệnh nhân nào có tinh thần nóng nảy, bồng bột, biết không thể áp dụng được khoa gây tê này một cách thực sự có lợi, họ liền trở về với phép đánh thuốc mê thông thường.

Tại y viện Thượng Hải, người ta có cho biết nếu có người bị thương nặng được chở gấp tới và cần phải

giải phẫu ngay mới mong cứu sống. lúc đó bệnh nhân dù bất tỉnh, không còn có thể hiệp lực được với ban chuyên viên, họ vẫn có thể gây tê bằng châm thuật giúp bệnh nhân khỏi biết đau trong suốt thời gian giải phẫu.

Tuy nhiên, nếu nạn nhân tỉnh táo đề có thể theo dõi và hiệp lực với chuyên viên bằng cách trả lời các câu hỏi thì kết quả của việc gây tê vẫn tốt đẹp hơn.

Xem đó ta thấy là phần đóng góp của bệnh nhân tuy rất quý báu song không phải là cần thiết một cách tuyệt đối.

Ta lại cũng nên biết là trong suốt thời gian giải phẫu, ngoài bộ phận mà chuyên viên, dựa trên học thuyết kinh lạc muốn cho tê để khỏi biết đau trong khi bị mổ cắt, ví dụ trường hợp mổ ruột thừa chẳng hạn, ngoài bụng dưới phía bên phải không có cảm giác, bệnh nhân vẫn tỉnh táo, các chức năng sinh lý đều vẫn không thay đổi tay, chân, đầu, mắt, lưng và một phần lớn da thịt ở bụng đều có đủ cảm giác như lúc bình thường

Nhờ những điều kiện trên, cộng thêm với những lời giải thích có tính cách âm thị để chuẩn bị tinh thần của chuyên viên, bệnh nhân nắm được vai trò chủ động, tin tưởng mạnh mẽ rằng họ sẽ vượt qua được bệnh tật, và sẵn sàng trả lời khi y sĩ cần hỏi đến.

Nhưng nếu nhờ những lời giải thích cần thiết để chuẩn bị tinh thần mà đại đa số bệnh nhân đã trải qua được những cuộc giải phẫu khó khăn có khi kéo dài đến hàng giờ mà hoàn toàn không biết đau thì trái lại, cũng có một thiểu số vì nhát gan, không có đủ nghị lực để xua đuổi cái ấn tượng hể

mồ cắt tức phải đau, nên cứ nằm mà đoán chừng những gì sẽ xảy đến. Nhưng rồi phải vận dụng tâm trí để thắng những cảm giác đau đớn vì tưởng tượng ấy, họ không khỏi rịn đôi chút mồ hôi trán.

VÀI NÉT VỀ KỸ THUẬT

Trước kia để gây tê, ngoài những huyết phải chọn ở tay chân, thỉnh thoảng người ta cũng dùng thêm ít huyết ở gần bộ vị phải mổ cắt. Ngày nay ngoài những loại huyết vừa được kể trên, có trường hợp người ta hoặc dùng thêm hoặc chỉ chuyên dùng một vài huyết ở vành tai (nhĩ châm), ở mắt (diên châm), hay là ở trên hoặc hai bên sống mũi (lỵ châm) ⁴

Và như chúng tôi đã nói trong bài *«Việc dùng châm cứu để thay thế cho thuốc mê ở Trung Cộng»*, trong *Bác học* số 355 năm 1971 là tếp sau khi châm kim vào những huyết đã được chọn lựa với chiều hướng xiên hay thẳng, và với độ sâu đã quyết định, châm y liền làm thủ pháp nhằm mục đích gây tê, một thời gian (thông thường là 20 phút) sau, khi cảm giác đau đớn, (tại bộ vị định mổ cắt) đã mất, tới đây cuộc giải phẫu mới bắt đầu thực hiện.

Khi mới bắt đầu làm thủ pháp xoay vặn cây kim hoặc nhấc lên đi xuống, bệnh nhân cảm thấy nặng, tức, kể đó có một luồng như điện, chạy rần rần từ bộ vị làm thủ pháp đến bộ vị sắp phải giải phẫu. Và để duy trì tác dụng gây tê cần thiết trong suốt thời gian giải

⁴ Xem *Châm cứu kinh huyết đồ phê Lục sáu Yển* (Thượng Hải 1964) — Riêng về nhĩ châm có thể tham khảo thêm trong *Traité d'Auriculithérapie* của Dr. P. Nogier édit Maisonneuve Paris.

phẫu 5 có khi kéo dài đến hàng giờ, chuyên viên cứ chốc chốc lại phải xoay và rung động cây kim theo một loại thủ pháp đã được chọn lựa. Những thủ pháp này đã có dạy trong nhiều sách, đặc biệt là *Châm cứu đại thành*, *Thích cứu pháp hồi biên* của Lục sáu Yến (Thượng Hải 1960) và *Châm cứu thích cứu pháp* của Thượng hải Trung y học viện (1964).

Nhân nói đến thủ pháp, thiết tưởng chúng ta cũng nên biết là sau khi những thành quả của những cuộc thí nghiệm gây tê bằng châm thuật được công bố trên tạp chí *Thượng hải Trung y dược* thì một nhóm y sĩ ở bệnh viện phụ thuộc y viện Hà Nam đã có sáng kiến dùng điện lưu (courant électrique) phát xuất từ những điện châm cơ cho chuyển vào những cây kim đã được cắm sẵn vào huyết, dùng tần suất (fréquence) của điện mà thay thế cho thủ pháp. Những thí nghiệm đầu tiên tuy đã đem lại kết quả đáng khuyến khích, song phải đợi đến tháng 6 năm 1970 trở đi, kỹ thuật này mới đạt đến mức khá tinh vi, khiến các chuyên viên ở Thượng hải cũng như ở Bắc Kinh đều đã dám nói là người ta có thể tùy hứng làm thủ pháp bằng tay hay là dùng điện lưu để thay thế cho thủ pháp kết quả đều như nhau cả. Và theo lời của một chuyên viên ở Thượng hải thì từ tháng 6.70 đến tháng 8.1971 tại thành phố Tây-an (thủ phủ của tỉnh Thiểm Tây) người ta đã áp dụng phép gây tê bằng cách chuyển điện vào những cây kim đã được cắm sẵn trên huyết, để thực hiện ngót trên 1000 cuộc giải phẫu 6.

Máy để dùng vào việc này có nhiều loại, phần nhiều là máy transistor, bác sĩ Nguyễn văn Nghi hành nghề ở Pháp, trong chuyến Hoa du thực hiện

trong tháng 8 vừa rồi có cho tôi hay là ông đi Bắc kinh và Thượng hải và nhiều tỉnh khác và đã mua về được nhiều kiểu máy này. Riêng thầy tôi là bác sĩ Gian Trung Hỷ Hùng thì lại dùng một loại máy do Y đạo Nhật bản xā chế tạo.

Tại Pháp người ta cũng đã nỗ lực trong việc cải - thiện kỹ - thuật dùng trong việc gây tê (7) và theo Bác-sĩ Borsarello thì Giáo-sư Linoge ở bệnh viện Mecken (Paris) không những đã cải-thiện được kỹ-thuật dùng điện mà với Sáng-kiến riêng, ông ta đã tìm ra được 3 điểm chủ-yếu để gây tê (hai huyết thiên-tru ở phía trót và 1 điểm ấn-đường ở trán để chích kim rồi chuyển điện vào) để giúp cho Bác-sĩ chuyên-môn giải-phẫu bất cứ bộ-phần nào trong cơ thể con người. Bác-sĩ Borsarello (8) còn giám nói là khi người Trung-hoa biết được 3 huyết này, chắc chắn họ sẽ không dùng những huyết mà họ đã tìm được trong bao nhiêu năm nay nhằm mục-dịch gây tê-mê nữa...

5 l'effet de l'acupuncture dure aussi longtemps que l'aiguille reste enfoncée et que se poursuit l'action vibratoire de l'anesthésiste. Immédiatement après, l'anesthésie disparaît. Mme Kung Lin Kwan me montre comment elle tilille l'aiguille à un rythme rapide un peu comme on fait de la mayonnaise pour accélérer et intensifier l'effet anesthésique. Alfred Max (*Anesthésie par acupuncture*)

6 jusqu'à ces dernières mois, l'anesthésiste devait de temps à autre et assez régulièrement, remuer manuellement les aiguilles pour entretenir l'effet anesthésiant. Nous continuons à le faire, mais maintenant nous avons une autre façon d'opérer si nous le préférons : les aiguilles sous reliées par un fil à une génératrice qui fait circuler un courant électrique de 9 volts. Il y a seulement un an que l'on pratique à l'Hôpital de Sian l'anesthésie par acupuncture avec courant électrique, depuis juin 1970 exactement, on a déjà opéré plus de 1000 cas de cette façon à Sian.

7 L'anesthésie électrique est née dans Science et Vie số 658 — Juillet 1972

8 Theo thư ông để ngày 28-9-1972

ƯU ĐIỂM

Khi người ta áp dụng phép gây mê theo Tây phương để sửa lại con mắt bị lè, người ta phải chờ đến khi hiệu lực của thuốc mê đã hết mới có thể biết được rằng cuộc giải phẫu thành công hay thất bại. Nhưng với phương pháp gây tê bằng châm thuật thì nhờ ở chỗ nhãn cầu của bệnh nhân vẫn di động bình thường nên y sĩ có thể đoán biết được kết quả ngay khi bệnh nhân đang còn ở trên bàn giải phẫu.

Áp dụng kỹ thuật gây tê này trong việc mổ hút tuyến giáp trạng (thyroidectomie) y sĩ giải phẫu được hoàn toàn tự do nói chuyện với bệnh nhân để xác định tình trạng của sự phát âm. Nhờ vậy họ tránh được việc có thể làm tổn thương (vi sơ ý) gây thần kinh điều khiển sự phát âm.

Gặp trường hợp phải làm giải phẫu thâm mỷ ở trên mặt, nhờ ở chỗ với khoa gây tê bằng châm thuật, bệnh nhân không cần phải có mắt nạ thuốc mê nên mọi việc tu sửa ở mặt đều được dễ dàng, không trở ngại.

Trong những cuộc giải phẫu chỉnh hình, chẳng hạn như để ghép các bắp thịt hay gân ngón tay, bệnh nhân ngoài những hoạt động cần thiết trong cuộc sinh hoạt hàng ngày, họ vẫn có thể tiếp tục các hoạt động của ngón tay, nhờ đó mà y sĩ có thể biết được một cách dễ dàng, bắp thịt và dây gân nào bị tổn thương. Không những thế mà sau khi cuộc giải phẫu vừa hoàn tất, họ còn có thể hoạt động các ngón tay để kiểm chứng lại kết quả.

Đối với nhiều trường hợp, chẳng hạn như mổ cắt biên đào thê, nếu áp dụng phương pháp gây tê theo Tây phương, thì bệnh nhân suốt 48 tiếng đồng hồ sau cuộc giải phẫu không thể ăn được vì chỗ cắt hót ấy vẫn còn đau rát. Trái lại, với kỹ thuật gây tê bằng châm thuật, họ có thể ăn uống được



Một bệnh-nhân đang được giải-phẫu phổi. Bệnh nhân đã được gây tê bằng một cây kim duy nhất.

(Zeit Magasin Tháng 12-1971)

ngay, bởi vì tác dụng trấn thống không những có hiệu lực ngay trong thời gian giải phẫu mà còn có ảnh hưởng tốt mãi đến sau khi đã nhổ kim.

Bởi vì như chúng ta đã biết, việc dùng châm thuật để gây tê chỉ là một trong nhiều khả năng của khoa châm cứu, mạch đi hồng sát có thể chỉ với vài mũi kim (nhẹ thì với kim vàng, kim bạc, nặng và khó thì phải làm thêm thủ pháp) là đã thấy dịu xuống, đồng thời bệnh nhân cũng cảm thấy khoan khoái hẳn ra. Những người lớn tuổi xoàng đầu, vù tai, sau khi được một châm y có kinh nghiệm chữa cho phần nhiều đều thấy chứng trạng của họ giảm thối một cách mau lẹ. Ngược lại một người bị kích ngất, mạch cơ hồ

muốn tuyệt, ấy thế mà chỉ sau vài mũi kim đã có thể trở lại bình thường⁹.

Nói tóm lại khoa gây tê bằng châm thuật không những đã an toàn, tiện lợi có thể thực hiện bất cứ ở đâu mà cũng chẳng đòi hỏi những dụng cụ phức tạp và tốn kém.

Đã thế khoa gây tê này lại :

1. Có thể áp dụng cho tất cả các hạng người ngay cả những người vốn bị yếu gan, yếu thận hay yếu tim, vốn bị huyết áp cao, hay là đau bệnh nặng nề bị kích ngất (choc) hay là nhạy cảm đối với thuốc mê hóa học, và nói chung đó là những hạng người không thể chịu được phép đánh thuốc mê ihero tây phương.

2. Không đem vào cơ thể của bệnh nhân những chất hóa học phần nhiều có hại, do đó thận, gan và tim của họ khỏi bị những hậu quả đáng tiếc về sau này.

3. Không có những tai nạn về kỹ thuật như bình thuốc mê bị nổ bất thình lình, điều đã từng xảy ra trong những cuộc giải phẫu theo Tây phương.

4. Không gây phản ứng và cũng chẳng gây nên những hậu quả chẳng lành như truy tim mạch (collapsus cardio-vasculaire), kinh luyến hô hấp (spasme respiratoire và nhịp tim cũng không bị tăng hay giảm đến một mức nguy hại

5. Không để lại những nhiều chứng hậu giải phẫu như nôn mửa, viêm nước trong phổi (catarrhe pulmonaire) như ở đầu, thời gian máu đông cũng không bị chậm lại (retard de la coagulation du sang)

6. Cũng chẳng để lại máu bầm (ecchymose) bướt huyết ứ (hématomes) vết thâm nhuận (infiltrat) trong những mô cũ bị dụng cụ chạm đến khi y sĩ giải phẫu bệnh sa ruột (hernie).

7 Không gây trở ngại cho việc giải phẫu thăm mỷ ở mắt

8. Không gây trở ngại đại tiện cũng như tiểu tiện

9. làm cho sự xuất huyết bị hạn chế đến mức tối thiểu như trường hợp giải phẫu nền răng hay là giải phẫu xoang tai — yết hầu (chirurgie dentaire et de la cavité oto-pharyngienne). Có thể giúp cho nhà y sĩ thay vì phải tiêm nhiều mũi thuốc tê tại nhiều nơi trong một lúc, trong trường hợp có nhiều răng hư phải nhổ, nhưng những răng này lại cách nhau, nhà y sĩ chỉ chích một hai cây kim vào huyết rồi chuyển điện vào.

10. Có thể giúp cho nhà y sĩ khỏi bối rối khi muốn tiêm procaine để nhổ răng cho thần chủ mình, nhưng bỗng răng ấy chẳng may lại bị phù viêm (œdème inflammatoire) trong trường hợp này dùng phép gây tê bằng kim cho truyền điện không những rất tiện lợi mà còn giúp cho chừng phù viêm ấy chóng lành nữa.

Trong suốt thời gian gây tê bằng châm thuật, ngoài bộ vị mà Y sĩ đang mổ cắt là không có cảm giác đau đớn, tại các bộ phận khác như tay, chân, lưng, mắt, v.v., xúc giác vẫn y nguyên. Trong lúc đó nếu có muỗi cắn hay là vết gì nhọn đụng vào những bộ phận vừa kể trên, bệnh nhân sẽ biết ngay tức khắc, thậm chí có người nhận được, lúc này là cái kẹp (pince), và bây giờ đây là cái dao mổ (bistouri) mà y sĩ đang dùng để làm thủ thuật trên bộ phận đã mất cảm giác đau đớn ấy. Và đến khi y sĩ dùng dao mổ để rạch bụng họ¹⁰, họ cho biết có cảm giác như được y sĩ dùng móng tay mà kẻ một đường trên bụng họ.

9 La piqûre d'acupuncture régularise les fonctions physiologiques : le pouls s'apaise, un malade en état de choc voit sa tension remonter, un autre qui souffre d'étourdissements par hypertension la voit baisser (*Anesthésie par acupuncture*)

10 Ta nên biết là khi bệnh nhân nằm trên bàn mổ, trước mặt họ có một tấm écran (một cái khung bằng thép có phủ vải lên trên) để ngăn chặn không cho họ thấy những gì người ta đang làm khi giải phẫu bụng hay ngực họ.

Điều đáng quý hơn nữa là mọi hoạt động trong cơ thể họ trong lúc này cũng vẫn còn được đặt dưới sự điều tiết sáng suốt của đại não của họ như lúc bình thường, mà sự điều tiết này vốn có mục đích ức chế phần thái quá, hưng phấn phần bất cập, để bảo trì sự điều hòa trong nội cảnh (*mécanisme régulateur*), do đó mọi sai biến phát sinh vì mỡ cáit cũng đều được đối phó bằng những phản ứng thích nghi.

Điều này tiếc thay lại không thể có trong trường hợp bệnh nhân bị đánh thuốc mê theo kiểu Tây phương, bởi vì ở đây đại não của bệnh nhân đã bị chất hóa học làm cho tê liệt, và bất lực, giữa lúc mà y sĩ cũng như chính bệnh nhân lại cần đến nó hơn bao giờ hết.

Nhờ ở chỗ tinh thần của bệnh nhân suốt thời gian giải phẫu luôn luôn được tỉnh táo nên họ có thể cho y sĩ và phụ tá biết rõ những cảm giác riêng của họ khi châm y làm thủ pháp cũng như khi đang được y sĩ giải phẫu. Nếu thủ pháp chưa đủ thì châm y sẽ tăng cường thêm lên nếu khát nước hay xót ruột thì phụ tá sẽ cho uống nước trái cây v.v...

Về phía y sĩ và phụ tá, họ cũng cần lợi dụng tình trạng đầu óc sáng suốt của bệnh nhân để trò chuyện :

1. Với mục đích trấn an tinh thần.
2. Đề nhắc nhở bệnh nhân nhớ thở bụng (*respiration abdominale*) điều kiện tối cần thiết để giúp cho y sĩ dễ thành công khi phải giải phẫu dưới sự gây tê bằng châm thuật.

3. Đề nhờ họ trả lời những điều y sĩ cần biết trong lúc cuộc giải phẫu đang diễn tiến và cũng đề nhờ họ hợp tác chẳng hạn như phát âm hầu kiểm soát xem giây thần kinh điều khiển âm thanh của họ (trong trường hợp giải phẫu tuyến giáp trạng) có bị tổn thương hay không.

Nhờ những yếu tố trên mà bệnh nhân khi được giải phẫu xong, thường được ở trong một tình trạng rất khả quan trên cả hai phương diện tinh thần và thể xác. Chẳng những họ không có những chứng trạng như hôn trầm (*torpeur*), buồn nôn hay mửa óe, mà cuộc giải phẫu vừa hoàn tất, phần nhiều đều, tự ngồi dậy mặc áo để trở về phòng, không phải cần đến người dìu nhắc và cũng, có người vừa mới ngồi dậy đã kêu đói và ăn uống rất ngon lành. Vết mổ của họ thường mau lành, chức năng của các bộ phận trong cơ thể họ cũng hồi phục nhanh chóng, và nói chung thì sức khỏe của họ chóng bình phục và chẳng mấy chốc họ sẽ có thể trở về với đời sống bình thường.

Nhưng tại sao chỉ với một vài cây kim người ta lại có thể, không cần đến thuốc men, làm cho bệnh nhân hết còn biết đau đớn có thể chịu đựng một cuộc giải phẫu. Xin đáp là từ xưa đến nay người ta đã biết là khoa châm cứu vốn có khả năng trấn thống¹¹ và điều chỉnh những sai biến trong cơ thể của người cũng như động vật. Ngày nay nhờ sáng kiến của một số Y sĩ ở Thượng Hải, khởi đầu từ năm 1958, người ta đã biết khai thác khả năng của châm thuật để làm cho bộ vị sắp phải mổ cắt sẽ không còn biết đau suốt thời gian mà châm y còn duy trì thủ pháp bằng tay hay là chuyển một dòng điện phát xuất từ những máy đặc biệt.

Tại Bắc kinh người ta đã theo dõi và kiểm chứng ngót 100.000 trường hợp : Bằng những cuộc thí nghiệm trên súc vật, người ta đã xác nhận nhiệm vụ của đại não trong suốt thời gian mà cuộc gây tê bằng châm thuật được thực hiện.

¹¹ Xem *Traitement des algies par l'acupuncture* của Dr. NIBOGÉ. (Édit. Laffite)

Khi người ta kích thích tại bất cứ một điểm nào trên thân thể một con vật, người ta nhận thấy qua não điện đồ rằng tại một vùng của não-bì-chất (cortex cérébral) tương quan với cái điểm đã bị kích thích ấy có một sự thay đổi rõ rệt. Sau đó người ta dùng kim để chích tại một điểm khác, người ta lại cũng thấy qua não điện đồ một sự thay đổi khác hẳn với lần trước. Người ta bèn dùng kim để chích tại nhiều huyết đã chọn lựa để làm con

vật bị đau đớn, kể đó lại dùng kim để chích tại những điểm khác mà người ta biết có tác dụng trấn thống, người ta thấy qua não điện đồ là những sự thay đổi trong đại não bì chất gây ra bởi những cây kim gây đau đớn đã bị sự thay đổi do những cây kim sau này làm cho tiêu tan hay nếu không thì cũng bị giảm thiểu đến mức cơ hồ không đáng kể nữa¹².

TRẦN TIỀN HY

- 12 *Le principe de l'anesthésie par acupuncture*, Pékin Information. No. 8 (1972)

TÀI LIỆU ĐÃ THAM KHẢO

- 1 Chăm thích ứng dụng vu lâm sàng bộ ma túy đích sơ bộ quan sát (Thượng hải Trung y dược tạp chí số 1 năm 1959)
- 2 Chăm cứu học giảng nghĩa của Thượng hải Trung y học viện (1960)
- 3 Chăm cứu du huyết đồ phổ của Lục sáu Yến (Thượng hải 1961)
- 4 Trung quốc đích chăm thích ma túy (Bắc Kinh ngoại văn xuất bản xã 1972)
- 5 *L'anesthésie par acupuncture en Chine populaire* của Alfred Max, tạp chí Preuves no 9 (le trimestre 1972)
- 6 *L'anesthésie par acupuncture* của M. Wong, Lyon Méditerranée-médical no 18 (1972)
- 7 *L'acupuncture anesthésie* của 3 bác sĩ người Ý :
 Scarognina Piero
 Gardiol Enrico
 Lanza Ulderico
 và BS. Nguyễn văn Nghi
 tạp Méridiens số 17-18 (1972)
- 8 *L'anesthésie par électropuncture en chirurgie dentaire* của các bác sĩ Hán phụng Nham, Lâm như Hoành, Trần khắc Cần, và Tôn vinh Khôn đã đăng trong *Chinese Medical Journal* số 17-18 năm 1972)
- 9 *Le principe de l'anesthésie par acupuncture* — Pékin information, 1972.

LỚP QUỐC HỌA HƯNG GIÁO VĂN ĐÔNG

Phương pháp cách mạng, học hững thủ, mau tấn tới.

Có lớp cho thanh thiếu niên từ 14 tuổi sắp lên.

Có lớp cho thiếu nhi từ 8 tuổi sắp lên.

Do các họa sỹ danh tiếng hướng dẫn :

Thái Tuấn, Nghiêu Đề, Nguyễn-Khai...

Học ngày Chúa nhật tại 161, Yên Đổ, Saigon.

Chia làm chín cấp, mỗi cấp ba tháng.

Và ba bậc : Căn bản, Sáng tác, Chuyên biệt.

Có cấp chứng chỉ và văn bằng.

Khóa mới (khóa 9) bắt đầu từ tháng 3/73

Ghi Tên Sáng Chúa Nhật, tại 161, Yên Đổ, Saigon.

Học phí : Rất hạ. 1.500\$ ba tháng. Lớp chiều trả thêm 300\$

Khảo cứu Đông-độc bằng phương pháp thực nghiệm

ĐÀO-SI-CHU

CÂU chuyện khảo cứu Đông Độc bằng phương pháp khoa học thực nghiệm là một vấn đề rất phiền toái.

Nói rằng khó khăn thì không hẳn là thế; nhưng nếu nghĩ rằng tế nhị, thì có lẽ là đúng hơn.

Tôi vẫn quen biết và thân qui cả hai ông bạn Đông và Tây — mỗi khi nói đến Đông, thì tôi không quên nói đến Tây, và trái lại. Nhưng chỉ vì một nỗi, là hai ông bạn qui của tôi, lại sinh phải hai cái tuổi xung khắc, như Thủy và Thổ, nên mỗi khi có dịp, chạm trán cả hai người một lúc, thì y như, có sự gì không hên, để mất hết cả xưng ý toại lòng.

«Đông là Đông; Tây là Tây; Đông Tây không bao giờ gặp nhau». (East is East, and West is West; they are never to be met). Nhà đại văn hào Anh cát Lợi, Rudyard Kipling đã bảo thế. Nhưng may thay; câu sấm truyền cổ hủ kia đã được đình chính lại, cái nghĩa bóng sai lầm của nó. Ông Rudyard Kipling, tác giả cuốn sách gối đầu của các anh em Hường Đạo «le livre de la jungle» (Chuyện Rừng Xanh) đã sinh trưởng ở tỉnh Bombay Ấn Độ năm 1865. Ông thuộc các Kinh Vệ Đà và các sách tôn giáo Pouranas, Soutras, mà ông đã đọc theo bản chính, viết bằng chữ Phạn (sanskrit) ông giỏi chiêm tinh như một chiêm tinh gia lành nghề, và hàng ngày ông soi cơm Carry, thông thạo, và ngon lành, như một người dân bản xứ, của một Đại Quốc Gia, có sáu bảy trăm triệu con cháu của Thánh cam địa (Gandhi).

Sáu mươi tuổi Nạp Âm... (ở đây tôi xin lỗi Ông Giám Đốc Viện Quốc gia Âm nhạc không dám đá động gì đến những Hải Âm thân qui của Ông, như Hải âm đệ Ngũ, (accord de 5ème) hoàn toàn trưởng (parfait majeur), hoàn toàn Đoản (parfait mineur) hay âm trình giảm (Quinte diminuée); đệ Thất chủ âm (7ème de dominante) hay Thiên nhiên (7ème naturel) hoặc đệ Thất chủng loại (7ème Espèce) hay đệ Thất giả tạo (7ème artificiel) hay accord de Sixte; đệ Cửu chủ âm (9ème dominante); đệ Thập Nhất chủ âm (11ème tonique) hay đệ Thất trên chủ âm (7ème sur tonique); đệ Thập Tam chủ âm (13ème tonique) hay đệ Cửu trên chủ âm (9ème sur tonique) vân vân; nhưng ở đây tôi phải làm phiền Giáo Sư Âm Nhạc Việt Nam Thuần Túy và cố điển Ông Nguyễn văn Ba vì tôi bắt buộc phải vay mượn bộ Ngũ Cung của ông, «Cung, Thương, Dốc, Chủy, Vũ» rất Á Đông, để làm hải lòng mấy Đông độc đang khao khát mấy âm thanh tơ đồng, cho Ngũ hành: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ của chúng, dĩ phải ngâm ngùi trong cảnh Xanh, Đỏ, Trắng, Tim, Vàng với những ngũ vị ngọt (Thìn, Tuất, Sửu, Mùi) chua (Dần, Mão) cay (Thân, Dậu), mặn (Tý, Hợi) chát (Tị, Ngọ) của chúng, tôi xin nói tiếp rằng: Sáu mươi tuổi Nạp Âm, do mười Thiên Can và mười hai Địa Chi hợp lại trong Lục Thập Hoa giáp đã được sắp xếp, Nam cũng như Nữ, thành hai khối tuổi Đông và tuổi Tây.

Khối Đông có bốn mảnh đất giồng Đông thảo được đề sinh tồn, gọi là Đông tứ trạch, đặt theo bốn Quái Khảm Chấn, Ly, Tốn, trong đồ Lạc Thư của Kinh Dịch. Khối Tây cũng có bốn mảnh đất phì nhiêu, cũng dùng đề trồng Tây Thảo Dược, gọi là Tây tứ trạch, đặt theo bốn quái : Kiền, Cấn, Khôn, Đoài của đồ Hậu thiên, Chu văn Vương.

Nói một cách khác, giản dị bình dân hơn, thì tại một thổ nhưỡng nào, tại một quốc gia nào, một xã hội nào, một đoàn thể nào, một gia đình nào, cũng cùng đều có đủ mặt, cả hai nhóm tuổi Đông và tuổi Tây ấy, chúng vừa âu yếm chiều qui nhau, lại vừa xung phá cắn cẩu nhau như điên, tùy theo nhịp điệu sinh vật (rythme biologique) của hai mươi bốn giờ (Rythme cicardien) của ngày đêm (rythme nycthéral) của bốn mùa (rythme saisonnier) của tám tiết (rythme équinoxial) của giờ sanh (rythme de naissance) của giờ tử (rythme de mort) đều đều chẳng nhanh chẳng chậm, đâu ra đấy, theo kiểu Thiên Nhiên, nhịp nhàng thánh thót như một bản hòa tấu Bất Diệt (Symphonie Sternelle) vậy.

Âu cũng là số mạng, trong một cuộc Tang Hải, đầy sự tranh giành quyền lợi vị kỷ, tự nhiên, khôn sống mong chết, phủ ngoài bằng những bộ áo đạo đức bịp đời, hay trang điểm bằng những lời êm ái mô phạm, để diu dắt dần lành, vào một mê hồn trận Bát Quái, của Gia Cát thừa tướng, hết đường thoát thân, chẳng cần đến sự cứu chữa gì nữa của Đông y cũng như của Tây y vậy.

Phương Đông và Phương Tây đều là hai gia đình lớn ở Hoàn Cầu, rất thông cảm nhau về nhiều phương diện, khoa học, văn hóa, tư tưởng,

triết học, nếu không nói là họ gần gũi đề an ủi nhau là khác, vì cả hai đều ở chung một hoàn cảnh bí hại, một nhà ba con ngọng : nửa Tây, nửa Ta và nửa Tàu.

Đồng bệnh tương liên, Đông Phương và Tây Phương ở thời đại Nguyên tử lực này, với tàu bay phản lực, máy truyền hình màu, máy tính điện tử (computeur électronique), gặp nhau mạnh, hiểu nhau mạnh, chia xẻ ngọt bùi, chỉ vì có mấy mống con, vừa tài ba, vừa tai quái, vừa độc ác, vừa thành thiện, vừa cởi mở, vừa thâm hiểm, chúng vẫn bị ám ảnh bởi cái bệnh di truyền, do A. D. N. (acide désoxyribonucléique) xoay vần với bốn phần tử có đạm tố Adénosine, Cyotostique, guanine và Thymine, từ thời sinh thiên lập địa, mà Chúa Trời đã phú cho, như một cái nguyên tội bản lai, để giao dịch lẫn nhau, trong cuộc Vuông Tròn, Tam thiên Lưỡng địa.

Chúng không thể nào thoát khỏi, cái số mạng truyền kiếp (héredité ancestrale) mà A. D. N. là bộ máy nhớ vĩ đại (mémoire ancestrale prodigieuse) nó hòa với Ông Kinh Dịch Chu văn Vương đem Quái Kiền (vị thiên, vi dương kim) (Hydrogène métal positif) ra đề cải tổ hay sáng tạo nhiều cái kỳ lạ quá xá, như cái luật "Di truyền tiêm, Hóa học" (Code génétique) cứ bốn quân cờ ma chơi tử tượng A.C.G.T, nhón nhor trên hai đường rầy âm dương, kiêu này kiêu nọ, như mặt mã, hoa cả mắt, thay đổi hết cả, nào sự phân liệt tế bào mới (la nouvelle Karyokinèse) theo đúng tám tấp với sáu mươi tư (64) quẻ của đồ Hà Lạc, có vẻ như Mỹ — Hoa muốn bắt tay nhau ; để đồng hóa Nguyên tử lực với Kinh Dịch hay sao ấy chỉ tổ gây thêm mâu thuẫn, cho mấy ông con cháu, Đông y và Tây y, đang gờm gờm nhau, để giành tài đua

sức một phen đã, rồi có Hòa Bình hay du kích kháng chiến tới cũng phải đợi hồi sau phân giải.

Cái buồn âm thầm của hai bên cha mẹ, vẫn là cái nếp nô lệ cũ, của hai thời Bắc thuộc và Âu thuộc, nó chưa được xóa bỏ hẳn, ở đầu óc cổ hủ lạc hậu phong kiến (Tần Tàv Ta = 31) nó cứ luân quần ở trong con người «quan lại» thích bằng cấp hơn sự học hỏi. Cụ Không có nói: «gia ngã số niên, tốt dĩ học, diệc khả dĩ vô đại quá dã» Học gì, học chuyên môn một nghề gì với đủ mọi cách thức và đường lối ai giỏi hơn ta là thầy ta, bất luận ông thầy là người nước nào, cổ hay kim, Đông hay Tây, già hay trẻ, lớn hay bé, nam hay nữ.

«Cao nhân tắc hữu cao nhân tri» Ở một bầu trời nào, ở một nghề nghiệp nào, dù cho số mạng tốt đến đâu, dù được hên may gặp mấy, không ai có thể vô địch, là rốn của Vũ Trụ được.

Đại vận nguyên tử lực, bắt đầu khởi sinh từ ngày mùng 6 tháng 8 năm 1945 hồi 8 giờ 14 phút Dương lịch, tức là ngày 29 tháng 6 năm Ất Dậu giờ Quí mão Âm lịch và đã chào toàn thể Thế giới (Đông Tây) bằng một tiếng nổ, long trời động đất, làm chết ngay 80.000 người, gây thương tích nặng cho 80.000 người nữa, tàn phá thiếu trụ 60.000 nhà cửa, bằng khí nóng và chất xạ nguyên tử (thermonucléaire) của quả bom «Little Boy» (em nhỏ) nó chỉ là con đẻ ngoan ngoãn và kháu khỉnh của một cuộc biến dịch, không hơn không kém.

Tây y vẫn tự coi mình như một võ sĩ vô địch quốc tế Quyền Anh (La Boxe Anglaise ou Française) và vẫn thường dễ dàng hạ địch thủ, bằng

việt vị (Knock-out) bởi những cú đấm, nặng ngàn cân, theo Phương pháp Khoa học Thực nghiệm.

Đông y vẫn cao ngạo qua bốn ngàn năm vẫn hiển tự coi mình như một hiệp sĩ vô địch của Võ Lâm, với ngón Thiên Hạ Đệ nhất chưởng của môn Bí Truyền «Âm Dương Khí hóa luận», mà cổ học Á Đông Kinh Dịch đã được nhìn nhận như một căn bản cốt yếu vững chắc.

Đông y và Tây y với hai môn võ vô địch và bí truyền địa phương; một bên chuyên về Vật Hóa (altérations des Substances) của Tò sư Hy Lạp Galien, một bên chuyên về Khí hóa theo Âm Dương Ngũ Hành (altérations des humeurs) của Tây tồ sư Hippocrate và của Đông Tồ sư Trương Trọng Cảnh và Hải Thượng Lân Ông Lê Hữu Trác; đôi bên đều đứng trước hiện tượng «Dĩ tiêu thành Đại» của nguyên tử lực và hiện tượng «Dương cực biến Âm, âm cực biến Dương» của Kinh Dịch, đều giạt mình nghe thấy tiếng chuông của Thời Đại Cộng Tác Khoa học và Văn Hóa Đông Tây đã điểm, Không thể nào lãnh đạm ngoảnh mặt, bịt tai, làm ngơ đi cho được.

Một cuộc Luận Y Đại Hội, sẽ phải được tổ chức, với một tinh thần cởi mở, khoáng đạt, đề Đông Y cùng Tây Y, học hỏi thêm Nguyên tử Lực và Kinh Dịch, giúp đỡ nhau, trong tình thương Huynh đệ, của những người đồng nghiệp, bỏ hết những hiềm thù và lợi lộc vị kỷ, đề cùng nhau nâng đỡ dạy dỗ, trong những cuộc khảo cứu chung, theo hai đường lối, khí hóa và vật hóa, chúng có vẻ muốn đồng hóa thành một Nam Y sau một thời gian thực tập nào đó.

Kinh nghiệm (expérience) với thực nghiệm (expérimentation) khác nhau ở

chỗ một đàng lấy sự từng trải lịch duyệt tự tin của bản thân cá nhân, để đo lường hay phán xét một sự vật gì, hay một cuộc học hỏi tìm hiểu, khảo cứu gì; còn một đàng phải dùng đến dụng cụ qui định giản dị hay phức tạp, như cái thước tây, hay cái hàn thủy biểu, để chứng minh sự đo lường phán xét của mình với sự kiểm soát ưng chuẩn của toàn thể các quốc gia trên thế giới, Thường thường thì sự kinh nghiệm trong công cuộc khảo cứu, không được tin nhiệm bằng sự thực nghiệm, vì con người còn có thất tình ảnh hưởng, và bệnh tật làm sai lạc, sự đo lường nhỏ ly ti, của trọng lượng một phần trăm milligramme, mà chỉ cái cân có giây xích (balance à chaîne) của phòng thí nghiệm (Laboratoire) mới đảm đương nổi, một cách hết sức đúng đắn. Nhưng người ta, cũng đã thấy nhiều sự kinh nghiệm, của một nghề nghiệp gia truyền, đã có những kết quả đúng tầm tắp, trăm phần trăm, với những kết quả của thực nghiệm khoa học, như ở việc chế tạo kẹo Mạch Nha, mà tôi sẽ kể sau đây. Nhưng không nên vịn vào câu phương ngôn « *Expérience passe science* » (Kinh nghiệm còn đi trước thực nghiệm) mà đã vội bỏ sự thực nghiệm ngay. Thực nghiệm với Khoa học, thường đi liền với nhau, vì khoa học là một sự hiểu biết toàn thể đúng đắn, hay một mờ tri thức rõ ràng có qui định, về một sự vật xác định, như Tự nhiên Khoa học (Sciences naturelles), Tinh xác khoa (Sciences exactes).

Cũng có khi thực nghiệm phải nhường bước cho kinh nghiệm, trong những vấn đề về tri khôn ngoan, và tài khéo léo của tay chân, trong những công việc về Bệnh lý Đông y. Tuệ giác

có phần hơn tri giác hay tri khôn; chỉ có một cái tài thiết chẩn mà biết Bi-Phu-cơ-nhục Tầu-ly của Vinh và biết đường Kinh của Vẻ, qua Biểu và Lý đề có thể hạn định cục bộ, trường sở của một điểm (un point de localisation) chính của bệnh ở bộ vị nào trên thân thể, đúng trăm phần trăm, như đã dùng bi phu cơ nhục tầu lý để vạch một đường ngang (métamère) hay một hoành tuyến (abscisse) và đã dùng đường kinh coi như đường dọc của tung tuyến (ordonnée) để cuối cùng hai tung hoành tuyến (coordonnées) chỉ rõ điểm bệnh hay huyết hư đề lương y cử việc yên trí trị bệnh bằng châm cứu theo lối gián tiếp thông thường của nhị huyết tương trợ.

Tôi phải trân trọng xin lỗi quý vị bác sĩ và quý vị thỉnh giả nếu tôi dám đường đột mùa riu của của Lỗ ban, đề kể đến một kinh nghiệm có tiếng tăm là *Expérience de Reilly* mà một vị bác sĩ Việt Nam Phạm hữu Chí (bào huynh của Dược sĩ Phạm hữu Hạnh) một bác sĩ nội trú tại các bệnh viện Ba lê đã theo Thầy là Giáo sư Lemierre, sang Pháp đề học hỏi cái kinh nghiệm Reilly, nó tóm tắt bằng một cái kim ống tiêm (seringue) có một chất gì, bắt cứ một hạt phấn bông (grain de pollen) hay một chút nước lã, hay một chút khí trời, đâm thẳng vào cái thần kinh giao cảm gọi là Nerf Splanchnique, thì gây ngay một sự băng huyết tổng thể nội tạng (une hémorragie viscérale en masse) rồi loạn động giật gân (convulsions) và chết. Vì vậy mà nhiều người cho rằng sự biết hạn chỉ cục bộ, trường sở của bệnh, một cách đúng đắn, còn quan trọng hơn cả sự suy nguyên luận (Etiologie).

Tuy vậy, chúng ta không nên dựa vào mấy biểu diễn rất tài tình, của thiết

chẩn đề biết bị phụ cơ nhục tâu lý và đường kinh qua biểu và lý, mà ruộng bỏ việc khảo cứu thực nghiệm, nó là căn bản vững vàng của mọi nền tảng khoa học. Dưới đây tôi xin kể cho quý vị nghe, một câu chuyện thần thánh hóa rất hi hữu, của việc chế tạo Kẹo mạ, tức Mạch Nha, có tên ghi trong 360 vị thuốc của vua Thần Nông.

Chế tạo Kẹo Mạ, là một nghề nghiệp gia truyền, của dân hai làng Yên Thái và Nghĩa Đô, ở vùng Bưởi, gần Trường Đua ngựa, sau Trại Hàng Hoa, Vườn Bách Thảo (Jardin Botanique) và Dinh Ông Bầy tức Dinh Toàn Quyền (Palais du gouverneur général de l'Indochine). Tôi được bác xã Tồn, chủ nhà, mời đến coi cách làm kẹo, vào lúc sáu giờ sáng đúng. Tôi phải thức dậy từ lúc năm giờ, để sửa soạn dụng cụ và phóng xe đạp thật nhanh lên cho kịp giờ đã hẹn. Xôi nếp và mạ tẻ đã sẵn sàng, cùng một nồi nước đun sôi. Mạ tẻ là những cây gạo tẻ non, dài độ sáu bảy phân, mà người ta đã cho vào một cái rọ lớn bằng tre đan khít, thường dùng đựng cua đồng, rồi đem ngâm một ngày một đêm, ở dưới ao, và sau cùng đem treo vào góc bếp, cho mạ mọc tựa như lối làm giá đậu xanh vậy. Khi mạ dài độ 5 hay 6 phân là đem phơi cho nó khô và khỏi mọc nữa. Khi dùng đến thì mạ được hãm nhỏ, rồi chọn kỹ với xôi nếp chính theo tỷ lệ trung bình là, một mạ bốn xôi. Bác xã Tồn bỏ cả mạ xôi vào một nồi đồng ba mươi, thường dùng để nấu bánh trưng (bánh tét) ngày Tết Nguyên Đán. Rồi bác đổ tiếp vào đó, một nồi nước sôi và liên tay cho thêm mấy gáo nước lạnh, đựng ở chum gần đó. Bác cầm một cái đũa cả lớn, khuấy hai lần, rồi thò tay xem nhiệt độ của nước ra sao, và kêu lên một tiếng «Vừa» rất vui vẻ thích thú.

Tôi vội vàng cầm ngay cây hàn thủy biểu (thermomètre) vào nồi nước xôi mạ đó, một cách rất thực nghiệm, để đo nhiệt độ là bao nhiêu. Đúng gần 70° độ, không hơn không kém. Rồi về sau, theo rồi trong hai mươi bận nữa, bận nào nhiệt độ cũng vẫn nằm ở gần 70° của hàn thủy biểu. Thật là tài tình. Tôi phải sát phục cái bàn tay kinh nghiệm nhà nghề, nó đã biến thành một cái hàn thủy biểu «sống» vậy. Ông xã Tồn yên chí rằng, cái bí mật của nghề làm kẹo gia truyền kia, không ai có thể biết được. Ông Thần, Thành Hoàng Làng của làng ông, có cho phép mới làm được kẹo. Nếu ai ăn cắp nghề, thì ông thần ấy, biểu thánh bóp cổ, cho đến chết mới thôi. Theo khoa học thì nhiệt độ 70°, là nhiệt độ tối hảo (degré optima) để điều mầu (diastase) hay men của Mạ tẻ (vấn cái chuyện Âm Dương, đục với cái giao hợp nhau) sẽ biến bột nếp cái, thành củ Mạch Nha (maltase). Nồi ba mươi nói ở trên, được ủ ngay, trong nhiều lớp khó tải, và rơm rạ, để giữ nguyên vẹn, cái nhiệt độ tối hảo kia, trong sáu tiếng đồng hồ. Trong nhà bếp khi trời cũng nóng 25° độ mỗi giờ, tôi mở vôi vàng nắp nồi, đo nhiệt độ và lấy một chai nước, lơ lơ trắng như sữa loãng, để đem về phân tích, định tinh và định lượng. Nhiệt độ trong sáu giờ, hạ dần dần, như sau đây : lúc đầu 70° độ, rồi 62° ; 61° ; 60° ; 59° ; 58° ; 57° ; mấy bận khác cũng đều như vậy cả.

Đúng Ngọ, mười hai giờ trưa, bác xã Tồn, nhắc nồi ra, chắt nước cốt, còn bã đem ép vào một cái máy ép thô sơ, làm bằng một càn tre, vừa cứng vừa mềm, như một đòn bẩy (levier) lấy sức cong của tre, dùng như lò xo (ressort) với mấy miếng gỗ tròn, như cái thớt thái thịt, chèn dần dần vào,

bằng một cái vò gỗ lớn đập từ từ cho nước cốt ra thật hết. Hai nước cốt lại được đổ vào nồi đồng, và đem đun trên than đá cháy hồng, miệng nồi bỏ ngo, cho đi hơi. Đun như vậy, cũng mất năm tiếng đồng hồ nữa, nước sôi sùng sục, nóng 100 độ.

Mỗi giờ tôi vẫn múc ra một lọ kẹo loãng, từ màu trắng sữa, nó đổi sang màu vàng, để đi đến màu nâu hồng hồ phách. Đứng năm giờ chiều, bác xã Tồn lấy một cái thìa (muỗng) múc một muỗng kẹo và đổ nhẹ xuống chậu nước lã, nếu kẹo quánh, không tan rữa, là được. Thế là xong. Tôi thu xếp chai lọ, mười một cái, lễ mễ đeo vào túi rết, mang về Trường Thuốc ở đường Bobillot nhìn thẳng một phía (tay mặt) ra nhà Hát lớn gọi là nhà Hát Tây, một phía (tay trái) ra sở Pasteur và bệnh viện De Lanessan gọi là Nhà Thương Đồn Thủy. Tôi rơi vào độ sáu giờ rưỡi chiều, phòng thí nghiệm Hóa Học (Laboratoire de Chimie) do giáo sư E. Cousin làm giám đốc đã đóng cửa rồi. Tôi đã được phép giữ một chìa khóa riêng, tôi cứ mở cửa đi vào và bắt đầu làm việc ngay cho xong. Nào phân tích, định tính định lượng đủ cả, khi xong thì đã mười giờ rưỡi đêm, tôi về nhà, tắm gội qua, ăn cơm rồi đi ngủ liền. Kể ra thì cũng khá mệt.

Ngày hôm đầu làm việc sơ bộ như vậy, là để làm quen với chất kẹo mà mà thôi. Sự khảo cứu thực sự còn có những ngày tiếp nối và đi từ từ cho đến khi xong, làm bài trình, đề ghi vào cuốn Biên niên sử của Trường Y Dược Đại Học Hanoi (Annales de l'école mixte de pharmacie et de médecine de Hanoi, Annexe de l'université de Paris) phải tính đủ tám tháng trời. Ông giáo sư E. Cousin, ông dược sư phụ tá Nguyễn Văn Định và tôi, ba người chia nhau việc, hoặc làm chung một

việc.

Chúng tôi phải tìm một chất thuốc sát trùng để ổn định (stabiliser) chất nước mạch nha, cũng như chất kẹo đặc — chất hóa học sát trùng mạch đó là chất oxyde Thủy Ngân đỏ (oxyde rouge de mercure) Cứ để, độ một hột ngô chất đó, vào một cái ngao thủy tinh, cho nổi lều bều trên nước kẹo, như một cái thuyền con, để thuốc sát trùng không dính dấp gì tới kẹo, mà chỉ cái hơi của nó (émanation des vapeurs de mercure) cũng đủ làm chết hết các vi trùng ở chung quanh, và giữ chất kẹo, ổn định, không suy xuyến một ly nào, trong nhiều hôm. Sự khám phá ra chất acide lactique, chuyên trị bệnh đi tướt xanh trẻ em, và bệnh đi rữa của những người bị lao phổi, cũng đáng kể. Các chất đường, được phân tích, và định tính định lượng chất kẹo đặc, hoàn toàn là đường bột đào nguyên chất (glucose pure biologique) tốt hơn gấp bội, những đường của kỹ nghệ hóa học, làm bằng bột mỳ, nấu với acide chlorhydrique nhẹ, được coi như chất đường hóa học. Glucose chimique rất thường — ngoài ra còn tìm thấy những chất (acide phosphorique) Lân toan và chất vôi (calcium) rất bổ xương. Chất đường mía (saccharose) cũng được tìm thấy. Chất hồ tinh dextrine và érythrodextrine cũng vậy. Chất đường tổng hợp (sucres totaux) cần được 885 grammes mỗi ký kẹo — Toàn thể chất đậm tố (azolétotat) được là 1,988 gramme mười một lọ nước mạch nha, và kẹo loãng, trong 11 giờ pha chế, đã được phân tích định lượng là 66, 40 grammes mỗi lít giờ đầu; rồi 84,20 grammes giờ nhì, đến 99,40 grammes, rồi 102 grs; 123,60 grs; 130,80 grs; 135, 60 grs; 140 grs; 257 grs, 20; 280 grs 74 và 326 grs 96 giờ chót.

Xét ra, ở bã xói mạ còn nhiều chất đường và bột, nhưng chính mục đích của người làm kẹo là để bán kẹo hòa vốn, mà cái lối thật sự lại chính là cái bã, còn nhiều bột kia, đem nuôi lợn rất chóng lớn và chóng béo. Phải hiểu như vậy, mới biết sự tính toán làm ăn, kiếm lời gián tiếp, về công cuộc nuôi lợn, chứ không phải là sự chế tạo kẹo mạ, để bán như các thứ kẹo thông thường. Các tiệm thuốc Đông y có mua để làm thuốc ho viên, hay thuốc trọt trẻ em, trộn thêm với mấy vị thuốc đông dược khác nữa.

Cách thức làm kẹo, đã theo đúng như phương pháp khoa học sinh vật (biologique) nhất là cái nhiệt độ tối hảo (degré optima), để giúp chất điều mầu, hoạt động mạnh, hết mức, biến hóa chất bột nếp chín ra củ mạch nha, rồi cuối cùng ra đường Bơ đào sinh vật hóa.

Như vậy có thể nói rằng, cách pha chế một Đông dược, như Kẹo Mạch Nha, là hoàn toàn đúng khoa học. nhất là sinh vật khoa học, nó tế nhị ở nơi nhiệt độ đặc biệt 70° theo đúng luật của khoa học tân tiến, vì nếu nóng quá cái nhiệt độ tối đa nói trên, thì Kẹo «chua», hay nguội quá thì kẹo cũng «chua», một đẳng men chết vì nóng, một đẳng men không đủ lực để hoạt động. Sự kinh nghiệm mãi, tập tành theo lối cha truyền con nối cổ xưa, cùng đi đến một kết quả kỳ lạ là biến bàn tay bằng da thịt, thành một cái Hàn thủy biểu « Sóng » rất đúng, không sai.

Việc chế tạo hoàn toàn hóa học một chất Đông dược khác nữa, cũng kể tòn tắt ra đây, để quý vị thường giám Đó là một chất thuốc hợp kim dùng để chế tạo thuốc giang mai

(autisypylitique). Hiện nay phương pháp khá cổ sơ ấy, vẫn còn được thực hành tại các nhà thuốc Đông dược. Người ta dùng hai cái bát đàn rộng miệng úp kín vào nhau, trong đó đã bỏ sẵn 40 grammes thủy ngân nguyên chất ; 80 grammes tiêu toan diêm có hàm chất bột tat (azotate de potasse) và 80 grammes Bạch phàn (minh phèn) (Alun) Hai bát đó còn được cột kỹ bằng giây kẽm, và được chét thêm một mảng xi măng vào những kẽ hở. Tất cả bộ bát đó, được để lên một hỏa lò than tàu, đang cháy đỏ hồng, đặt chêm chệ ngay ở lối đi trong nhà, như cố ý hứng lấy luồng gió mát thoáng qua, làm dịu nhiệt độ nơi móng cái bát nằm trên. Đun như vậy mất độ tám tiếng đồng hồ. Kết quả là thu được một chất đỏ hồng ở lòng bát nằm trên nó chính là chất oxyde Thủy Ngân đỏ tinh túy (oxyde rouge de mercure pur 100%) một trăm phần trăm do phương pháp rất khoa học làm thăng hoa Thủy Ngân bằng nhiệt năng với sự hỗ trợ của hai chất oxyde hóa (oxydants) là Bạch phàn (Alun) và tiêu toan diêm bột tat (azotate de Potasse).

Tuy hóa chất này không tan chút nào vào các acides mạnh (acide sulfurique pur lưu toan, acide chlorhydrique pur Lực thủy toan, và acide azotique pur tiêu toan) và chỉ hơi tan vào hoàng cường toan (eau régale) mà Đông y cũng dùng làm thuốc viên với dung lượng tương đối vừa phải, mà cũng có người khôi bệnh, hay bị ngộ độc chút ít (nướu răng và lưỡi đen, răng lung lay và hư thối, kèm thêm sốt nóng, mất ngủ, tim đập mạnh, nước giải ít và có lòng trắng trứng vân vân) có lẽ vì cái hơi thuốc (émanation de vapeurs) thủy ngân rất sát trùng giáng

mai (tréponèmes) và rất độc luôn cho cả người bệnh chăng ?

Cách chế hóa thuốc oxyde Thủy Ngân đỏ, của Đông y tuy rất là khoa học, nhưng vẫn ở trạng thái tiểu công nghệ gia đình, vừa tốn tiền vừa mất nhiều thời giờ.

Trong cuộc khảo cứu, một hạt thảo mộc là Hột máu chó (*knéma corticosa myristicacées*) muscadier à suif, dùng để làm thuốc ghê với nhiều chất độc khác như Thủy Ngân nguyên chất, đánh cho biến đi với một lá trầu không bột lưu hoàng thổi tán nhỏ (*soufre en canonpulvérisé*) bột hột củ đậu tán nhỏ, bột hột chùm bao lớn tán nhỏ (*Pachyrhizus augulatus légumineuses*) và (*Hydrocarpus Anthelmintica Flacourti acées*) bột hột mã tiền tử (*strychnos nux-Vomica loganiacées*) tán nhỏ, cùng với dầu hạt thầu dầu (*Ricinus communis euphorbiacées*) Tất cả các chất kể trên chọn đều rồi nấu vào nồi xanh, cho thành một thứ thuốc mỡ, để bôi vào nơi có bệnh ghê. Đó là lối lấy độc để trị độc. Dĩ độc trị độc của Đông y hay dùng. Ở đây phải chú ý riêng vào chất hột chùm bao lớn gọi là Krabao Phlé theo tiếng Cao môn, vì nó giống chất dầu của hột chaulmoogra *Taractogenos Kurzie* được dùng trị bệnh cùi ở xứ chùa tháp.

Thủy ngân của Tây y, đã được chế hóa rất nhiều thứ như mercure colloïdal électrique (mercurosol, électromercuro); bi-chlorure (sublimé corrosif); oxy cyanures cyanures; Azotates; benzoates; Oxyde rouge et oxyde jaune; Salicyl arsinat (cénésol); salicylate basique sous-sulfate de bi-oxyde (Turbithe minéral); sulfure (cinabre); succinimide: mercur-phényl-disulfonate (Hermophényl);

gallate; bi-iodure; protochlorure (calomel); proto-iodures; oléo-brassicat; cacodylate, vân vân, độ hơn hại chực thứ đều, độc và cùng đều dùng cho bệnh ngoài da và giang mai. Coi như vậy sự chế tạo của Tây y rất là phong phú, trong đề uống hay đề chích, ngoài đề thoa bôi, đề các y sĩ Tây y dễ dàng chọn lựa, chất nào hợp với bệnh nhân, mà cho toa thuốc thật đúng.

Vì thời gian không cho phép kéo dài một vấn đề không quan trọng, tuy sự khảo cứu rất tỷ mỉ, về phân tích định tinh và định lượng một chất dầu, nên phải kể qua, tên các tác dụng, rất cần thiết, ví dụ như, cách tìm các chất điều mẫu: Invertase, phosphatase, uréase, caséase, tyrosinase, oxydase, peroxydase, catalase, estérase, lipase vân vân. Như vậy người khảo cứu trong khi làm việc, cũng có những quan niệm về nhiều chất điều mẫu (diastases) gọi là men (hay ferments solubles) mà trong cơ thể có sẵn hay mỗi khi cần, lại tự chế tạo cho tác dụng cần thiết, cũng như các chất kháng độc hay kháng độc tố (antitoxine) mà các bạch huyết cầu (globules blancs) của máu thường tiết ra để kháng độc mỗi khi cần đến một cách tự nhiên. Ngoài ra còn các chỉ số (indices) để phân biệt tinh chất của mỗi thứ dầu như Indice de réfraction là độ, do máy khúc chiết kế (réfractomètre) chỉ định, Indice de Valenta coi việc cho acide acétique vào dầu để xem chất dầu trong hay đục lại, vào những nhiệt độ nào vân vân, Indice de crismer (dầu phản ứng với chất rượu cồn (alcool, absolu) rượu thuần tinh, hoặc với rượu 96° độ) vân vân, Indice de saponification, Indice d'iode, Indice d'estérification, Indice de Reichert-Meisol, Indice de Polenska, Indice d'acétyle, Indice d'hexabromure, Indice de Helmer, Indice de Leffmann

Beam, Indice de neutralisation, Indice de saponification d'huile acétylée, Indice de saponification d'huile lavée, Indice d'iode de Hübl pour acides gras, Indice d'hydroxyle, Indice de Viscosité d'Engler vân vân. Đó là chưa kể những cách thức thử dầu gọi là thí nghiệm (essai) như Essai à l'acide azotique để coi sự phản ứng của dầu trước chất acide azotique như cho thấy một màu sắc gì nâu hay vàng; Essai Cailetet, essai Hauchecorn, Essai Blasez, Essai Bellier. Arachide, Essai Bellier-résorcine, Essai Villawechia và Fabris, và các phản ứng khác gọi là réaction, như Réaction de Halphen, Réaction Heydenrich, réaction de Bellier resorcine vân vân. Tôi có thể kể mãi, giờ này sang giờ khác, ngày này sang ngày khác, mãi không hết được, vì tôi có sẵn tài liệu, và kết quả cụ thể, của những công tác ở trong phòng khảo cứu, mà chính tay tôi đã làm, thường thường là bỏ ăn, bỏ ngủ, với một tinh thần mê đắm, như tôi đắm mê hội họa hay Kinh Dịch, cũng như người ta mê đắm mac trược hay cá ngựa chứ không dám nghĩ gì viên vông, đến những đại ngôn, có nghĩa lý, hay vô ý thức, nào lý tưởng, nào phục vụ hy sinh, nào gì gì nữa, tùy ý sở thích đề đề cao, những

công việc khiêm tốn, như công việc khảo cứu, âm thầm và bạc bẽo trong phòng thí nghiệm, của bao nhiêu thể hệ các bác sĩ, dược sĩ, kỹ sư, bác học, thông thái, nhạc sĩ, văn sĩ, nghệ sĩ, về đủ mọi bộ môn, đời này qua đời khác cứ thế tiếp tục mãi, chẳng ai mong mỏi, đợi chờ một lời an ủi, chứ đừng nói đến một lời khen và cũng chẳng đề ý đến sự nguyên rửa chế bai của nhiều người, họ không thể ý thức được, khảo cứu, học hỏi để làm gì? mà sao mất lắm thời giờ thế? Có được gì không? Bỏ bèo gì không? Tôi xin giả lời rằng không? và tôi chỉ nhữn nhấn nhắc lại một câu này của cụ Nguyễn công Trứ, một người đã lên voi xuống chó, nhiều lần, khi làm đại sứ đem tiếng vang cho cả đất nước, khi đi giết giặc ổn định cho cả bờ cõi, khi làm quan nhất phẩm, khi bị nghi ngờ oan, bị đầy tù, cách xuống làm lính chơ, khi đi khai thác những miền duyên hải, làm lợi cho tổ quốc về đất đai phi phiêu vân vân; câu nói đó là «thần hệ bang gia chung hữu dụng; thiên sinh hào kiệt bất ưng hư». (Thần ta sẽ có ích chung cho gia đình và tổ quốc; trời sinh ra người hào kiệt không phải là vô ích, vô dụng vậy).

(Còn tiếp)

SAIGON ẤN QUẢN

CÔNG TY NẶC DANH VỐN : 20.000 000 \$ 00

35, Nguyễn-Đình-Chiều — SAIGON

Đ. T. : 22 208 — 22.498

TRÊN ĐÀ PHÁT TRIỂN MẠNH
NHỜ SỰ TÍN NHIỆM CỦA KHÁCH HÀNG TỪ 25 NĂM NAY

Góp ý về vấn đề sơ bộ nghiên cứu Đông-Dược

TRẦN-VĂN-TÍCH

(Xem từ P.Đ. 18)

— Tên Việt Nam của vị thuốc trong trường hợp vị thuốc là thổ sản của nước nhà sẽ được ghi nhận song song với tên Hán Việt. Nếu điều kiện nghiên cứu cho phép, thiết tưởng nên thu thập thêm tên địa phương, tên thổ ngữ và tên sắc tộc của các vị thuốc. Những dữ kiện này rất cần cho việc tìm hiểu về cây thuốc và vị thuốc Việt nam, có thể giúp phát hiện những cây thuốc có giá trị rất cao về xuất khẩu.

— Tên Hán tự — hiện đại và theo cổ văn — cần được ghi chép vì, như trong một tiết mục trước đã trình bày, chúng ta phải tìm tài liệu về cây thuốc vị thuốc không những trong các sách báo ngày nay mà còn cả trong các thư liệu kinh điển, cổ đại nữa. Và lại, ghi tên theo Trung Y, ta tránh được những lầm lẫn do ở sự kiện nhiều âm Hán Việt tuy đọc giống nhau nhưng lại viết khác nhau theo Hán tự.

— Tên khoa học của vị thuốc nên căn cứ vào thành phần được dụng. Đồng thời tên khoa học của cây thuốc, con thú hay khoáng chất cung cấp vị thuốc cũng phải được ghi nhận. Trong trường hợp có nhiều tên khoa học được đề nghị để chỉ cùng một dược liệu, nên căn cứ vào tài liệu nghiên cứu của nước ngoài để chọn lựa danh xưng nào

tương đối phổ thông nhất để lấy làm chủ danh, các tên khác sẽ được ghi nhận với tính cách tham khảo.

— Họ khoa học của cây, hay thú cung cấp vị thuốc cũng là một dữ kiện hữu ích trong khía cạnh sắp xếp thực vật hay động vật học. Và lại cũng cần tài liệu và hy vọng rằng trong tương lai, vấn đề phân loại luận¹ các vị thuốc cây thuốc Việt Nam trên một quy mô rộng lớn sẽ là đối tượng nghiên cứu của những nhà khoa học yêu cây cỏ nước nhà. Cần ghi chú thêm rằng tên họ, tên giống và tên loài khoa học cũng nên được thích nghĩa, dựa vào nguyên ngữ học La Hy.

— Phần mô tả là một phần quan trọng. Khiếm khuyết lớn của các thư liệu kinh điển hoặc các văn bản trước tác theo tinh thần y lý cổ truyền là không chú ý đến giác độ thực vật học và hoặc động vật học, trong lĩnh vực dược liệu học. Ở đây, sự đóng góp của khoa học tân tiến sẽ là trọn vẹn, và tất cả những tri thức hiện đại về hình thể học, sinh lý học, sinh học liên hệ tới mỗi cây thuốc, vị thuốc sẽ được trình bày. Các bản thảo Nhật Bản và Hoa Lục giữ một vai trò trọng yếu trong phần này, vì vừa cung cấp những dữ kiện miêu tả vừa công hiến các hình ảnh đen

1. taxonomie

trắng và màu. Cần đặc biệt nhấn mạnh về các biến thiên của cây cỏ gắn liền với những điều kiện thổ nhưỡng : cây Đại Hoàng chính thống của vương quốc Tangut khác cây Rhapontic của châu Âu biết bao, tuy cùng cùng tổ tiên, huyết thống !

— Chính vì những thay đổi bởi điều kiện khí hậu và thổ nhưỡng thường ảnh hưởng rất lớn lao vào trữ lượng hàm lượng của dược liệu mà giới cung cấp dược tài, do vô tình hay cố ý, có thể lợi dụng để tung ra thị trường những vị thuốc chất lượng kém. Tệ hơn nữa, cùng một loại cây cùng một loại củ, nhưng có thể có thứ chứa rất ít độc chất, có thứ lại giết người với liều dùng rất nhỏ bé. Âu ô đầu, khi được thay thế bằng dược liệu *Bischofia* của Ấn độ khốc hại hơn tên đao phủ thành Bèthune ! Xét dưới một khía cạnh khác, sự thay thế nhiều vị thuốc Bắc bằng thuốc Nam, căn cứ vào kinh nghiệm thừa kế, nếu khả chấp trong nhiều trường hợp, thì cũng có khi hoàn toàn vô căn cứ. Lấy rễ cây gấc *Momordica cochinchinensis* Sprong. thay vì Phòng kỷ *Aristolochia Westlandi* Hemsl. là làm một công việc vô ý thức. Có nên gọi cây Ô rô nước *Acanthus ilicifolius* L. là Nam Phòng phong và dùng thể cây Bắc Phòng phong *Siler divaricatum* Benth et Hook ? Không ai lường trước được những hậu quả của chủ trương lấy hột Mồng tơi bào chế (!) thành Ngũ vị tử ! Làm sao đề khôi nhằm vị Long đóm thảo với rễ Bạch vi, tại sao không nên dùng cây Thanh ngâm *Curangu amara* L. làm Nam Long đóm thảo ? v.v... và v.v...

Tất cả những điều này cần được vạch rõ trong mục giám biện, mà phạm trù và chủ đích là giúp người Đông y được sĩ phát giác những đối trá lường gạt trong kỹ nghệ chế tác, bào luyện dược vật. Ở đây cũng cần đề cao và xử dụng lễ lối xác định dược liệu theo cổ truyền của những người đã làm công tác Đông dược lâu năm. Những kinh nghiệm này đã được tích lũy hằng trăm, hằng nghìn năm nay, nội dung rất phong phú, nhất là đối với một số vị thuốc như Nhân sâm, Hồ cốt, Nhục quế, Xạ hương v.v... thường có nhiều kinh nghiệm xác định rất độc đáo, rất sinh động nhưng cũng rất giản đơn. Nhưng sự giám biện bằng mắt không đủ, và nhiều khi phải nhờ đến

— Vi phẫu vi vi phẫu giúp nhận diện thuốc chính xác hơn quan sát thô đại nhiều. Tuy nhiên trong bước đầu nghiên cứu Đông dược, và nhất là nhằm đối tượng đại đa số Đông y được sĩ hành nghề độc lập, lẻ loi, mục vi phẫu chỉ cần trình bày sơ lược một vài dữ kiện đặc trưng của dược vật do kính hiển vi cung cấp : vi phẫu các phần tử dược dụng, vi phẫu các loại bột thuốc. Chúng tôi nghĩ chưa nên đề cập đến những phương pháp xác nghiệm của kỹ nguyên Apollo như sắc quang điện, quang phổ, sắc ký, huỳnh quang, cực phổ, điện thẩm tích và điện di, vi kết tinh trên kính hiển vi và quang học vi tinh thể...

— Với mục địa lý, quê hương của cây thuốc và vị thuốc sẽ được trình bày : quốc gia hay những quốc gia cội nguồn, địa phương sản xuất, vùng, tỉnh chủ sản... Cây di thực,

nhập nội hay thô sản ? Nếu có thể, cũng trình bày sơ lược ở mục này về lịch sử phát minh vị thuốc và sự du nhập vị thuốc vào kho tàng trị liệu.

— Điều kiện thu hoạch cây thuốc vị thuốc. kỹ thuật trồng tía nếu không phải là cây mọc tự nhiên. mùa gặt hái, tuổi gặt hái, chế biến sơ khởi sau khi thu góp, những điều cần tránh trong khi sơ chế (dược liệu nào tránh dùng dao sắt để cắt mà nên dùng dao tre, dược liệu nào chỉ nên phơi âm can, không nên phơi nắng, dược liệu nào nên treo lên hiên nhà hướng đằng Đông v.v...). Tất cả những dữ kiện này sẽ là nội dung của tiết mục Thu hái và sơ chế.

— Phần tử dược dụng sẽ là tiết mục mô tả chỉ tiết vị thuốc: hình dáng thô đại, màu sắc, kích thước, thể chất, dạng vẻ bên ngoài, thiết diện, mùi vị...

— Nếu vị Đông dược đã được nghiên cứu theo phương pháp khoa học, thành phần hóa học sẽ được minh định cùng với các công thức liên hệ, đặc biệt nghĩ đến các hoạt chất của dược liệu: hàm lượng, cấu-trúc hóa học và nếu có thể, thì đề cập đến cơ nguyên sinh phát cùng vai trò các tiền chất. Trong trường hợp chưa thấy có tài liệu nghiên cứu thì cũng ghi rõ.

— Tác dụng sinh lý, xét theo nhãn quan Tây Y, sẽ nhấn mạnh đến ảnh hưởng của dược liệu trên các cơ quan bộ phận khác nhau của cơ thể người và vật, đến độc tính của thuốc, đến công năng dược liệu khi dùng ở liều trị liệu và ở liều gây độc, đến

tác dụng chính và các hiện tượng phụ tùy...

— Dựa vào những bản thảo cổ, sẽ nhắc lại lập trường của các bậc tiền y Việt Nam và ngoại quốc trong tiêu mục lịch sử: người xưa dùng vị thuốc cây thuốc ra sao, đã có ý kiến, nhận xét gì. những lời khuyên dạy của cổ nhân. Đối với tiêu mục này, Trung Quốc dược học đại từ điển (Nhân dân vệ sinh xuất bản xã, 1959 Và Trần tồn Nhơn, Thượng Hải, 1957) sẽ rất đặc lực.

— Tính vị, Quy kinh. Đây là một tiết mục vừa chủ yếu, quan trọng vừa đặc trưng, độc đáo trong vấn đề nghiên cứu Đông dược. Tứ khí, ngũ vị của dược liệu sẽ là đối tượng của mục này: vị cay ngọt, đắng, chua, mặn, chát, nhạt; tính đại nhiệt, nhiệt, ôn, lương, hàn, đại hàn, bình, hoạt... Cơ quan bộ phận, kinh lạc trực tiếp và chủ yếu chịu ảnh hưởng của thuốc: vị thuốc sẽ qui vào kinh nào, chỉ vào 1, 2 hay vào luôn 2, 3 kinh, hay kiêm nhập cả 12 kinh mạch?

— Công năng. Chủ trị, Liều dùng. Tác dụng của vị thuốc theo hệ thống lý luận Đông Y: bổ khí huyết, thanh nhiệt, mát gan, tiêu cam, sát trùng, hạ khí, lợi thủy, tả phế v.v.. Thuốc chủ yếu chữa trị những chứng trạng nào, và dùng theo liều lượng bao nhiêu: liều mỗi ngày, liều mỗi lần. Cách dùng cũng sẽ được kê ra ở đây: thuốc phiến, thuốc sắc, thuốc chế thành cao... Phục dược như thế nào, có cần dùng chất nước gì đặc biệt để chiêu thuốc (rượu, nước trà nóng...)?

— **Kiêng kỵ** : Trường hợp nào nên kiêng vị thuốc nào. Thuốc có thể dùng cho đàn bà có thai, cho người tỳ vị hư yếu, cho những ca hư hỏa, cho các bệnh chứng thuộc thực, cho những ca âm huyết hư, tân dịch kém ?

— **Bào chế**. Đây cũng là một tiết mục độc đáo, cực quan trọng. Trong hoàn cảnh thực tế của nước nhà, một số không nhỏ lương y vừa bắt mạch, kê đơn, vừa tự bào chế lấy thuốc để sao tẩm chế biến đúng với trạng chứng bệnh tật, theo nguyên tắc biện chứng luận trị của Đông Y. Một số lương y không có tủ thuốc thì kê đơn rồi giới thiệu bệnh nhân đến nhà bào chế tin cậy mua thuốc để phẩm chất được bảo đảm. Cũng có cụ kỹ hơn còn kiểm soát lại thang thuốc bệnh nhân đã mua. Trong việc bào chế sao tẩm, các cụ dựa vào tài liệu Trung Quốc (thông thường là *Lối công bào chế*) nhưng thường thay đổi quy cách bào chế tùy theo hoàn cảnh, kinh nghiệm và phương tiện sao tẩm trị liệu cá nhân. Do đó, cùng một vị thuốc, mà cách bào chế rất phong phú nhưng cũng rất rắc rối. Các dạng thuốc dùng trong Đông dược lại rất phức tạp, ngoài thuốc phiến (thuốc thang) ra, còn phải kể thêm những dạng chính thường dùng như sắc thuốc, nấu cao nước, thuốc hoàn, thuốc tán v.v... Trên cơ sở cố gắng đưa dần công tác bào chế hướng đến thống nhất, cần đúc kết, tổng kết các lẽ lối bào chế, sao tẩm để có thể tiến hành trong tương lai việc đạt tiêu chuẩn phẩm chất, việc kiểm nghiệm Đông dược, hầu bảo đảm chất lượng thuốc.

Như vậy, trong tiêu mục này,

sẽ trình bày cách bào chế từng vị thuốc, từng dạng thuốc Đông dược dựa vào kỹ thuật chế tác của Trung Y, dựa vào phương pháp chế luyện của Tây Y nếu có và dựa vào kinh nghiệm thực tiễn hằng ngày của giới Đông y dược sĩ Việt Nam. Kỹ thuật bào chế Đông dược, trông qua tuy rằng thô sơ, đơn giản nhưng chính chỗ đơn sơ ấy đòi hỏi ở người bào chế nhiều kinh nghiệm trong nghề, do đó, sự trao đổi, giao hoán, tổng hợp kinh nghiệm của nhiều cá nhân càng trở nên cấp thiết.

Cần qui định dược liệu nào có thể để nguyên thuốc phiến mà dùng, dược liệu nào phải sao qua, vị thuốc nào cần giã nhỏ, giã dập, vị thuốc nào phải tẩm sữa, tẩm nước gạo, tẩm mật sao, tẩm hoàng thổ sao, phải làm áo thuốc viên ? v.v...

Từ những hạt đậu đen mủm mĩm làm thế nào để có *Hàm đậu sị*, *Đạm đậu sị* ? Vị *Phác tiệu* phải vượt qua những giai đoạn nào để biến thành *Mang tiệu*, *Huyền minh phần* ? Có những điều cảnh giới đáng hay không đáng theo : *dao đồng* để bỏ vỏ đen của *Lôi hoàn*, để cạo vỏ vàng xanh của *Tang bạch bì*, để bỏ đôi quả khô *Ngũ vị tử*, để thái *Sinh địa* thành lát mỏng, để cắt nát vụn *Tang ký sinh*... *Sơn tra*, *Sơn thù*, *Tạo giác* bỏ hạt lúc dùng, *Thiên môn* phải bỏ lõi, *Sử quân tử Thạch hộc* không nên dùng màng ngoài. *Ti ảo quả* bỏ vỏ, *Kim anh tử*, *Thương nhĩ tử* phải chà giã cho hết gai... *Thạch tín* nên nung lửa theo *Lối Hiệu* hay nên dùng sống như *Lý thời Trân* khuyên ? Phải chế biến vị *Thiểm thừ* theo những phương pháp

nào để tránh các ca ngộ độc vì ăn thịt cóc vẫn thấy thỉnh thoảng đăng tải trên báo chí? Cứu chừng cứu sái *Thực địa*, thất chế *Thiên ma*, tứ chế *Hương phụ* gồm những giai đoạn nào? Làm sao cho *Bán hạ* bớt ngứa, cho *Ban miêu*, *Ô đầu* bớt độc? Có cách gì dẫn dị để loại bỏ tơ và nhót của vị *Bạch cương tâm*? v.v. và v.v..

Tất cả những dữ kiện ấy, mà giới Đông y dược sĩ Việt Nam có thể nắm vững hay không nắm vững, có thể vẫn áp dụng từ trước đến nay hay chưa áp dụng, cần được qui định dứt khoát và nhất là phổ biến rộng rãi cho những người hành nghề y lý cổ truyền.

Song song với phương thức bào chế Đông phương cũng cần đề cập đến lẽ lối chế biến theo Tây Y, đối với những vị thuốc Đông Y mà y học tân tiến có dùng. Như vậy sẽ giúp thêm tri thức cho người dược sĩ cổ truyền, đồng thời chuẩn bị một cách tích cực trong chiều hướng kết hợp hai nền y học.

Tóm lại, mục bào chế phải được quan niệm như một mục cốt tử. Chúng ta biết rằng do cách chế biến khác nhau, liều lượng tác dụng có thể khác nhau, ví như có dược liệu dùng tươi mới có tác dụng, còn dùng khô thì mất hết công năng. Chỉ cần một thí dụ rất thông thường: mía ăn tươi thì ngọt, phơi khô sẽ chỉ còn là xác mía. Từ đó, suy ra thuốc cũng vậy.

Cung cấp tư liệu cho tiết mục này là các cuốn Trung Quốc Dược Học Đại Từ Điển, Trung Hoa Nhân Dân Cộng Hoà Dược Điển, Lối Công Bào Chế Dược Tính Giải v.v..

— Tiết mục tàng trữ sẽ đề cập đến qui cách bảo quản thuốc sao cho khỏi hư hỏng, mỗi một, phòng ngừa sâu bọ, chuột, nhấm bảo đảm tối đa phẩm chất dược liệu. Thuốc gì cần đến Đẳng tâm để khỏi mất hương vị, thuốc nào nên dùng nhanh sau khi bào chế, chẳng nên trữ lâu? Thuốc nào có thể xông hơi diêm sinh, thuốc nào phải tránh? Thuốc nào phải đựng vào lọ đậy kín, thuốc nào phải chứa trong thùng, hòm có phết cao ở những góc, mép? Thuốc nào, trái lại, cần để nơi thoáng gió? Thuốc nào nên chuyên cần phơi, ủ, sấy, hong?

— Cuối cùng, sau mỗi vị thuốc, thiết tưởng nên kê thêm một vài đơn thuốc phổ thông có chứa vị thuốc liên hệ. Vị thuốc ấy có thể là đầu vị, hay chỉ là một thành phần chủ yếu. Ngoài ra, và để chuẩn bị cho công tác soạn thảo Dược điển Việt Nam, cũng nên liệt kê một số đơn thuốc chế sẵn. Đây là những đơn thuốc thường dùng trong điều trị, dựa vào tài liệu xưa và nay. Dược liệu trong đơn thuốc chế sẵn, trừ những thứ cần sao tẩm và trừ một số cần dùng sống hay chín (như *Phụ tử sống*, *Phụ tử chín*), còn ngoài ra có lẽ không cần qui định một cách cứng nhắc.

2. Đối với toàn thể kho tàng dược liệu cổ truyền, sự khảo sát đội ngũ thuốc Bắc thuốc Nam dưới một giác độ tổng hợp sẽ phải quay trở lại với vấn đề phân loại học. Nói cách khác, sau khi đã có phần bị khảo từng vị thuốc, sẽ tiến hành công

tác nghiên cứu từng tập hợp thuốc, theo các lẽ lỗi phân loại đã trình bày trên kia. Phần thứ hai này, phần khảo sát tổng hợp, sẽ bổ túc cho phần thứ nhất, phần nghiên cứu riêng rẽ từng vị thuốc: giúp người đọc có một cái nhìn khái quát hơn về lẽ lỗi dụng được Đông phương, khiến kẻ muốn tìm hiểu được liệu cổ truyền nắm vững những cây thuốc vị thuốc cùng chung công năng tác dụng, do đó, dễ linh hoạt trong lúc kê toa bốc thuốc. Như vậy, phải có những bảng liệt kê và mục lục.

— Liệt kê các vị thuốc theo quan niệm trị liệu của Đông Y: chẳng hạn:

- thuốc giải biểu:
 - phát tán phong hàn (Bạch chỉ, Ma hoàng...)
 - phát tán phong nhiệt (Bạc hà, Thuyền thoái...)
- thuốc tả hạ
 - công hạ (Ba đậu, Đại hoàng...)
 - nhuận hạ (Phong mật, Hải chi ma...)
- thuốc lợi tiểu trực thủy
 - lợi tiểu (Phục linh, Trạch tả...)
 - trực thủy (Khiên ngư tử)
- thuốc khứ phong thấp
 - Ngũ gia bì
 - Thương truật ..
- thuốc khứ thử
 - Hà diệp
 - Hương nhu...
- thuốc khứ hàn
 - Can khương
 - Phụ tử...
- thuốc thanh nhiệt
 - thanh nhiệt giải hỏa (Chi tử, Huyền sâm...)

thanh nhiệt táo thấp (Hoàng liên, Khô sâm...)

thanh nhiệt giải độc (Liên kiều, Thanh đại...)

thanh nhiệt lương huyết (Mẫu đơn bì, Sinh địa...)

- thuốc lý khí
 - Hậu phác
 - Ô dược...
- thuốc lý huyết
 - hành huyết (Ích mẫu, Xích thực...)
 - chỉ huyết (Hòe hoa, Ô tặc cốt...)
- thuốc định khái trừ đàm
 - định khái bình suyễn (Bách bộ, Tiền hồ...)
 - tiêu hóa nhiệt đàm (Qua lâu, Trúc lịch...)
 - ôn hóa hàn đàm (Bạch phụ tử, Bạch giới tử...)
- thuốc phương hương khai khiếu
 - an thần định chí (Hồ phách, Viễn chí...)
 - trấn kinh tức phong (Cầu đằng, Toàn yết ..)
- thuốc tư dưỡng
 - bổ khí (Bạch truật, Nhân sâm...)
 - trợ dương (Cầu tích, Cáp giới...)
 - bổ huyết (A giao, Đương qui...)
 - bổ âm (Bạch thược, Thiên môn đông...)
- thuốc cố sáp
 - liễm hãn cố tinh (Khiếm thực, Mẫu lệ...)
 - sáp trường chỉ tả (Kha tử, Thạch lựu bì...)
- thuốc tiêu hóa
 - Cốc nha

Sơn tra

Thần khúc ..

— thuốc ngoại dụng

Hùng hoàng

Thiêm tô...

— thuốc giun sán

Bình lang

Sử quân tử...

— Liệt kê các vị thuốc theo quan niệm trị liệu của Tây Y: thuốc an thần, thuốc đắng, thuốc cầm máu, thuốc dạ dày, thuốc di mộng tinh, thuốc giải độc và có độc, thuốc hạ áp huyết, thuốc kháng sinh, thuốc lợi sữa, thuốc tai mũi, họng, thuốc thần kinh suy nhược, thuốc trợ tim .. Do quan niệm bệnh nguyên học có phần dị biệt, do khác nhau trong hệ thống biện chứng luận trị, do nhận quan bất đồng về cấu trúc, tính năng vị thuốc, một dược liệu có thể được xếp vào hai hay nhiều loại khác nhau, theo Tây Y và Đông Y, với hệ quả là những bảng liệt kê đồng loại không bắt buộc phải có cùng những vị giống nhau, trong hai nền y lý. *Kim anh* chẳng hạn sẽ có tên trong danh sách các loại thuốc cung cấp sinh tố C của Tây Y, trong khi đối với Đông Y, là một vị thuốc chủ yếu sáp tinh cổ trướng. Tương tự như vậy, không phải hai bảng kê cứu các vị thuốc cầm máu của Tây Y và chỉ huyết của Đông Y bắt buộc phải gồm những dược liệu giống nhau.

— Liệt kê các vị thuốc theo danh xưng khoa học: phần này sẽ gồm từng loạt *vị thuốc* mà danh xưng khởi đầu bằng những từ La tinh chỉ thành phần dược dụng: *Flos, Fructus, Herba, Radix, Rhizoma, Semen...*

— Liệt kê các cây thuốc theo danh xưng khoa học và theo thủ tự: phần này sẽ sắp xếp tên La tinh của các *cây thuốc gốc nguồn* theo thứ tự ABC, khác với phần trên là phần sắp xếp các phần tử dược dụng.

— Liệt kê các cây thuốc theo họ thực vật, kèm theo bảng tra cứu những vị thuốc nguồn gốc động vật (xếp theo con vật cho vị thuốc, phân chia ra hai ngành động vật không xương sống và động vật có xương sống) và bảng tra cứu những vị thuốc nguồn gốc khoáng vật.

— Có lẽ cũng nên đề nghị một bảng phân loại theo ngũ hành, tương ứng với bệnh lý thuộc ngũ tạng, để tiện dụng trong việc lập phương (*Kim*: Cốt toái bồ, Cù mạch, La bạch tử, Trần bì... *Mộc*: Cam cúc, Độc hoạt, Ma hoàng, Tần giao...; *Thủy*: Đỗ trọng, Hy thiêm, Lộc nhung, Sơn thù...; *Hỏa*: Địa du, Huyền hồ, Quan quế, Thu thạch...; *Thổ*: Ba đậu, Đại táo, Kha tử, Sa nhân...)

Sáu bảng liệt kê này sẽ bổ túc lẫn nhau và nhất là bổ túc cho sự sắp xếp có phần gượng ép theo thứ tự ABC áp dụng trong công tác khảo sát từng vị thuốc, giúp sự tra cứu thêm dễ dàng, đồng thời cung cấp một cái nhìn toàn cảnh các vị Đông dược.

oOo

Một Dược điển Việt Nam, một Dược chế thư cho Đông Y là mục đích phải đạt được trong chiều hướng hiện đại hóa Đông Y, khoa học hóa bộ môn dược học cổ truyền.

Cứu mang theo một chiều hướng

điền, thai nghén bằng vào lẽ lối suy diễn khoa học và hệ thống tư duy Đông phương, soạn thảo nhằm mục đích làm nền tảng cho việc khảo sát thực vật chí y khoa đất mẹ, cuốn Dược điền, cuốn Dược chế thư ấy sẽ

là niềm hạnh diện chung nhất của hai giới lương y và khoa học Việt. Bài này chỉ dám góp một viên gạch và một chút hồ cho đề án xây cất vĩ đại ấy.

Quốc-khánh 72

PHẦN BỒ TÚC : Ý KIẾN CỦA DS NGUYỄN-VĂN-DƯƠNG

Trong tinh thần xây dựng, người viết đã chuyển trọn phần III đến DS Nguyễn văn Dương trước khi trao bài cho Tòa Soạn. Và dưới đây là ý kiến của tác giả « Định danh Dược thảo và Dược liệu Đông Y » :

1. Rất đồng ý là một số dược Liệu Đông Y cần được *ghi thêm*. Tuy nhiên, trong kỳ ấn hành lần thứ nhất đã không thực hiện được việc này vì lúc bấy giờ các danh xưng khoa học của những vị còn thiếu chưa được thống nhất và/hoặc một số vị còn chưa được chần loại.

2. Về danh xưng khoa học của các dược liệu thuộc *động vật* : rất tán thành việc ghi nhận đầy đủ và công nhận trong ấn bản hiện hành không đặt nặng đúng mức tầm quan trọng của những tên khoa học này. Dầu vậy, sự cần trọng trong công tác khảo cứu đòi hỏi thời gian, nhất là phải chờ đợi tên khoa học của một số dược liệu được thống nhất.

3. Sẽ ghi họ *động vật* trong lần tái bản, song song với việc bổ túc thêm tên khoa học cho các dược liệu *động vật*.

4. Đã dùng các từ Borneol, Calomel... như là những từ *Việt ngữ*, với mục đích đề cao tiếng nước mẹ, chứ không phải muốn dùng tiếng ngoại quốc không phải tiếng La tinh (căn cứ vào Danh từ Hóa học Pháp-Việt của Lê văn Thời và Nguyễn văn Dương, trong tủ sách Khoa học của Tiểu ban Hóa học thuộc Ủy ban soạn thảo Danh từ Khoa học, Bộ Quốc Gia Giáo Dục xuất bản, 1963).

5. Vấn đề dựa vào *thành phần dược dụng* để đặt tên khoa học cho vị thuốc là một việc nên làm, nhưng vì những tên khoa học soạn thảo theo phương thức này còn chưa được thống nhất nên thiết tưởng cần phải dè dặt.

**KÉM ĂN
MẤT NGỦ**

uống

BIO-ACTIN

LÀM MAU ĐÓI, ĂN NGON

LÊN CÂN, DỄ NGỦ

TRỊ: HEN XUYỄN, PHONG NGŨA

(Có bán tại các nhà Thuốc Tây)

Số 48 / BYT / QCDP ngày 13-7-72

Giáo - Dục Mới

HOÀNG-VĂN-ĐỨC

(Tiếp theo Phương-Đông số 16)

GIÁO-DỤC TRI-ÓC

- *Mở rộng đường tri-thức cốt ở xét tột lý sự vật (tri tri tại cách vật). Vậy học rồi phải suy, suy rồi lại phải học, cho đến lúc tri được mở rộng hoát ra mà suốt-thông mọi lẽ, thì tức là biết tới nơi.
Hễ biết tới nơi rồi thì lần lần theo thứ-tự sẽ được ý thành, tâm chính...*

DƯỠNG-CHÂN-TỬ

I. TRONG tất cả mọi phần giáo dục, ngày nay người ta chú trọng đến phần giáo dục trí óc nhiều nhất. Tuy chú trọng, mà chú trọng đặc biệt, nhưng xét vẫn thấy nhiều sơ hở khiếm khuyết, thành thử ngay về phương diện giáo dục trí óc cũng không có sự kiện-toàn hợp lý.

Về tổng quát, sự học hỏi ở nhà trường được coi như là một phương pháp trí dục khẩn cấp. Sau khi đã dồn đẩy vào trí óc trẻ những kiến thức đủ loại trong nhiều năm, người ta có cảm tưởng là đã có giáo dục và đã hết sức mở mang trí óc của nó rồi! Sự thực đây không phải là giáo dục. Nhiều lắm đây chỉ là một tập dượt trí óc để tăng cường một phần sự uyển chuyển của nó mà thôi. Về phương diện đó người ta có thể tập được trí óc tùy theo mỗi ngành hiểu biết của loài người và trí óc sẽ được phát triển từng phần một.

Giáo dục trí óc là chuẩn bị cho con người sống một đời sống cao thượng qua năm giai đoạn trọng yếu. Thường thường thì năm giai đoạn ấy kế tiếp nhau, nhưng đối với những người đặc biệt, phi thường, thì chúng có thể xen kẽ và sinh hoạt hòa hợp với nhau. Năm giai đoạn ấy là:

- 1) Mở mang khả năng, tập trung tư tưởng và phát triển sự chú tâm.
- 2) Khả năng được tiếp tục mở mang thêm cho phong phú.
- 3) Gây ý thức chung quanh một ý niệm chính, được coi như ý niệm hướng đạo của đời sống.
- 4) Kiểm soát tư tưởng: vứt bỏ những tư tưởng xấu, và chỉ suy nghĩ đến điều nào mình muốn vào một thời gian nhất định nào đó.
- 5) Tập cho trí óc quán tính, vắng lặng, yên ổn hoàn toàn để cho có khả năng tiếp nhận những linh cảm thuộc về phần tuệ của con người.

Phương cách áp dụng mỗi giai đoạn phải tùy vào bần tính của từng

trẻ một, cho nên thực khó mà đề cập đến một phương cách giáo dục chung cho tất cả với đầy đủ chi tiết, vì giáo dục trước hết là thích nghi, thích nghi với từng người được giáo dục. Tuy nhiên cũng có một vài chi tiết ta có thể giải thích được. Thí dụ như tính lờn trí.

Lờn trí là chương ngại bậc nhất đối với sự tiến triển trí óc của trẻ. Ý nghĩ của trẻ luôn luôn thay đổi như bướm bay hay vượn nhảy. Muốn cho trẻ định trí lại phải mất nhiều công phu huấn luyện. Nhưng cũng may là khả năng định trí vốn tiềm tàng bên trong trẻ, vấn đề là làm thế nào cho trẻ thấy có hứng trong việc tập luyện định trí. Và đây chính là tất cả nghệ thuật của nhà giáo dục

Muốn mở mang quan năng định trí thì bất cứ phương pháp nào cũng đều tốt cả, tùy phương tiện, tùy hoàn cảnh, từ một chỗ chơi đến một phần thường. Nhưng phương pháp hiệu nghiệm và tốt nhất là tác động tâm lý. Ta phải làm sao cho trẻ biết thích thú điều ta muốn dạy nó. làm sao cho nó vui với việc làm và có ý chí muốn tiến hóa.

Ưu học hỏi là một tặng phẩm quý nhất mà ta có thể hiến cho trẻ. Học hỏi luôn luôn và bất cứ ở nơi nào. Mọi hoàn cảnh, mọi biến cố ở đời phải là những cơ hội để học hỏi thêm và nhiều hơn nữa.

Muốn vậy, phải lấy quan năng định trí tập trung tư tưởng vào sự quan sát (định quán). Quan năng định quán này có thể mở mang thêm mãi được nhờ tập luyện hần nhiều, lợi dụng mọi cơ hội xảy đến để giữ tư tưởng của trẻ được linh động, minh mẫn

Phải cố gắng nhiều để mở mang sự hiểu biết hơn là trí nhớ. Vì người ta chỉ biết rõ điều gì đã hiểu. Những chuyện học thuộc lòng lâu dần sẽ phai mờ rồi tiêu đi mất, còn điều gì mình đã hiểu thì sẽ nằm lòng không bao giờ quên được. Muốn cho trẻ hiểu, thì trong tất cả mọi trường hợp ta phải cố gắng giải nghĩa cho nó cái lý và cái pháp của vạn vật. Nếu không thì tự mình trả lời trẻ thì phải học trong sách hay nhờ người am tường giải thích giúp mình. Làm như vậy, ta sẽ đánh thức dần dần trong trẻ sự ưa thích học hỏi những điều đúng đắn, và gây cho nó có thói quen nhẫn nại cố gắng để hiểu biết. Điều này mặc nhiên sẽ đưa đến giai đoạn mở mang thứ hai là mở rộng và làm phong phú cái trí của trẻ.

2. Với thời gian, dần dần, trẻ sẽ ý thức được rằng tất cả mọi sự đều có thể trở thành một đề tài học hỏi đầy lý thú nếu ta có sẵn thiện chí. Đời sống là một trường học tốt nhất luôn luôn biến hóa và đủ phức tạp để đem đến cho ta rất nhiều kinh nghiệm bất ngờ và quý giá. Đời sống luôn thiết thực vì bao gồm những bài toán cần được giải quyết, những gương mẫu để noi theo. Nếu chúng ta biết trả lời đa số những câu hỏi của trẻ thì chúng ta có thể đánh thức tính tò mò tìm hiểu của chúng một cách dễ dàng. Với một câu trả lời lý thú làm trẻ mãn nguyện, ta có thể thúc giục trẻ tiếp tục đặt thêm

câu hỏi. Mỗi lần đặt câu hỏi, là mỗi lần trẻ vận dụng đến trí thông minh của nó, tập dượt cho thêm sắc bén sáng suốt. Như thế trẻ học mà không nhọc sức, học mà như là chơi, và chẳng bao lâu sẽ giỏi hơn là học ở trường học nhiều.

Ta cũng còn cần phải làm cho trẻ thích đọc sách, dĩ nhiên là những sách tốt, vừa hấp dẫn đối với trẻ vừa có công dụng mở mang trí óc của trẻ. Như vậy, cần phải lựa chọn sách cho trẻ đọc thật sáng suốt và thận trọng. Đừng sợ những sách đánh thức trí tưởng tượng của trẻ. Vì chính nhờ tưởng tượng mà quan năng sáng tác của trẻ được mở mang và sự học hỏi trở thành linh động, trí thức được nảy nở trong niềm vui và hứng thú.

Muốn tăng cường sự uyên chuyên và sự hiểu biết của trí tưởng tượng, những đề tài học hỏi phải có tính cách dị biệt đối với nhau. Lại cũng cần đến những đề tài tương tự giống nhau để cho trẻ hiểu rằng cùng một bài toán mà có thể nhiều phương pháp xét đoán và giải quyết. Điều này làm cho trí óc trẻ uyên chuyên, không cứng nhắc và giúp cho những ý nghĩ, tư tưởng của nó được linh động, phong phú, cùng chuẩn bị cho nó biết làm một sự tổng hợp tuy có phức tạp hơn nhưng lại dễ hiểu hơn. Như thế, dần dà trẻ sẽ ý thức được mối tương quan giữa những điều hiểu biết và trẻ sẽ có được mỗi hoài bão một ngày kia sẽ lý hội được Chân Lý.

Nhờ học hành, tiến bộ rồi trưởng thành mà trí óc của trẻ sẽ linh hội được những kiến thức chính xác, vững chắc để làm nền tảng xây dựng trí tuệ mai hậu. Trẻ sẽ biết tự tổ chức lấy và sắp xếp lại cho thứ tự những cương yếu rải rác và có thể dị đồng, trái nghịch với nhau chồng chất trong trí óc. Sự sắp xếp này hết sức cần thiết để cho tư tưởng được mạch lạc, không rối loạn. Tất cả những điều thoạt thấy mâu thuẫn với nhau có thể đổi thành bổ khuyết lẫn nhau. Nhưng muốn thế cần phải có một ý niệm đủ cao cả để có uy lực kết hợp với nhau những điều bổ khuyết đó m' t cách hòa hợp. Ý niệm đó phải giúp ta quán xét tất cả mọi vấn đề trong tất cả mọi trường hợp một cách toàn diện, không thiên lệch và không độc đoán. Tuy nhiên, nếu ta muốn cho tư tưởng của ta linh động và giữ phần chủ động sáng tạo, thì trong mỗi trường hợp nó phải là một sự tổng hợp tự nhiên và thuận lý của tất cả mọi phương diện. Và nếu ta muốn dùng trọn tư tưởng của mình để làm một sức mạnh sáng tạo tích cực, thì ta phải tuyển lựa thật kỹ ý niệm chủ yếu là trung tâm cho tất cả các ý niệm khác hợp thành cái vốn trí thức chung của ta, bởi vì giá trị của cái vốn trí thức chung của ta tùy thuộc vào ý niệm chủ yếu trung tâm đó. Nếu ý niệm trung tâm khoáng đạt, cao thượng thì nó có thể có được một giá trị phổ quát đại đồng, và càng khoáng đạt cao thượng nó càng phổ quát đại đồng, đến mực có thể vượt khỏi không gian và thời gian. Ý niệm trung tâm càng cao thì những lập luận tư tưởng xây dựng quanh nó càng có khả năng điều chỉnh và hòa hợp, và những ý niệm hậu quả càng phong phú, vĩ đại hơn.

Đĩ nhiên hệ thống tư tưởng này không thể cố định. Để giúp cho trí óc ta luôn luôn cường tráng trẻ trung, ta phải giúp cho nó luôn luôn tiến hóa, luôn luôn quán xét những lập luận dưới những ánh sáng hiểu biết mới mẻ, để mở rộng khuôn khổ và chấp nhận những lập luận mới chính xác hơn. Trí óc phải luôn luôn chỉnh đốn sắp xếp lại tư tưởng của mình để cho mỗi tư tưởng ở vào đúng vị trí của nó đối chiếu với những tư tưởng khác, hầu cho tất cả đều được hòa hợp với nhau trong trật tự.

Tất cả những điều vừa được trình bày ở trên thuộc về cái trí thuần lý, cái trí học hỏi, Nhưng học hỏi mới chỉ là một trạng thái hoạt động của cái trí mà thôi. Ngoài trạng thái hoạt động, cái trí còn có quan năng xây dựng sáng tạo, và chính quan năng này mới thật sự chuẩn bị, sửa soạn hành động. Vì tư tưởng chỉ huy hành động cho nên ta phải đặc biệt kiểm soát những ý niệm nào có thể là nguồn gốc cho hành động. Nói một cách khác, trước khi hành động ta phải xét xem tư tưởng thúc ta hành động có chính đáng không, xem nó có hòa hợp với khuynh hướng chung của ý niệm đã được lựa chọn là ý niệm trung tâm không, cái ý niệm trung tâm vốn là nền tảng của toàn thể trí thức của ta. Có như vậy, khi hành động ta mới khả dĩ có được một sự tự chủ hoàn toàn cần thiết để hành động sáng suốt.

5. Muốn được như vậy, mỗi ngày nên dành một ít thời giờ an tĩnh — tốt nhất là buổi tối, trước khi đi ngủ — để kiểm điểm, kiểm soát lại tư tưởng, hành vi của mình trong ngày, tự phê bình và tinh lọc lại hệ thống tư tưởng hành động của mình. Khi sự kiểm thảo quán xét đã thành một thói quen rồi thì ngay trong lúc hành động ta vẫn có thể vừa hành động vừa quán xét tư tưởng của mình được và chỉ giữ lại tư tưởng nào trong sáng nhất, tốt lành nhất, thực hữu ích cho công việc của mình mà thôi.

Định quán lâu ngày có thể đạt tới trạng thái không suy nghĩ khiến cho mọi rung động của trí óc ngưng chỉ và đầu óc được vắng lặng hoàn toàn. Chính trong sự vắng lặng đó mà dần dần ta sẽ tự mở được lòng mình vào những cảnh vực thanh cao của cái trí và tập ghi nhớ những linh cảm từ các cảnh vực ấy xuống.

Nhưng trước khi đạt được mực độ đó, sự vắng lặng của trí óc tự nó đã là một điều tối thượng rồi. Bởi vì, đối với đa số người có cái trí ít mở mang và ít linh hoạt, thì nó làm việc không ngừng, không biết nghỉ ngơi là gì. Ban ngày sự hoạt động của nó còn có thể được kiểm soát, nhưng ban đêm, khi xác thân ngủ, thì sự kiểm soát ban ngày không còn nữa, khiến cho nó tiếp tục làm việc trong rối loạn và vô trật tự gây mộng mị thăng thốt làm suy yếu sức khỏe.

Trí óc, cũng như toàn thể xác thân người ta, cần phải được nghỉ ngơi. Nhưng chính sự nghỉ ngơi đó trí óc tự nó lại không được: nó phải nhờ ta cố gắng hiến cho nó thì nó mới nghỉ ngơi được.

Làm cho trí óc nghỉ ngơi là một nghệ thuật mà tất cả mọi người đều phải đạt được. Nghệ thuật đó có một phương pháp: đó là làm thay đổi sự hoạt động của trí óc. Nhưng cần phải biết rằng sự nghỉ ngơi quan trọng nhất của trí óc vẫn là sự vắng lặng. Trí não vắng lặng được vài phút có giá trị bằng giấc ngủ nhiều giờ.

Khi ta đã tự ý làm cho trí óc vắng lặng được rồi và đã thành công trong thiền định thụ cảm thì khi đó sẽ không còn có bài toán nào của cuộc sống, dù khó đến đâu, mà ta không giải quyết được. Trong thiền định ánh sáng có thể hiện lên, mở một chân trời mới cho những khả năng tiềm ẩn của con người.

Kỳ sau: *GIÁO DỤC TÂM LINH VÀ GIÁO DỤC TINH THẦN.*

**TÁC ĐỘNG CHỐNG SỰ CO THẮT TRỰC TIẾP
TRÊN CƠ TRƠN CỦA THỰC QUẢN, DẠ DÀY,
RUỘT, ỐNG MẬT, NIẾU-ĐẠO...**

☉ Mạnh ☉ Nhanh ☉ Ít độc

LÈVOSPASME

BICHLORHYDRATE DE DIPIPROVÉRINE

☐ **LỢI ĐIỂM :**

- Không làm nở con người
- Không làm khô miệng
- Không tăng nhịp tim
- Không ảnh hưởng trên các cơ năng khác

☐ **TRÌNH BÀY :**

- Viên bọc đường
- Chích thịt.

☐ **CẤM KỶ :**

- Mắt hóa lực (glaucome)
- Khó tiểu tiện (Dysurie)

LES LABORATOIRES DAUSSE — PARIS 13^e

NHÀ NHẬP CẢNG: UFFARMA CÔNG-TY

184 - 186, Tự-Dức SAIGON — Tel. 95.308 — 92.830

Hành Hương Tây Trúc mới

Hoành-Sơn HOÀNG-SỸ-QUÝ

(Xem Phương-Đông từ số 6)

Từ 9-8 đến 11-8-1968: Delhi, Mathurā, Agra

Tôi và Camus trở về Mathurā ngày mồng bảy tháng tám, đề rồi hôm sau đi Bombay. Ở đây, chúng tôi tạm chia tay: tôi thì đi Delhi, còn Camus ở lại coi thành phố này¹. Chúng tôi hẹn gặp nhau ngày 12 tháng tám tại Banāras (Bénarès).

Sáng hôm ấy, tôi rời Bombay bằng một chuyến phi cơ Air India. Nhìn lên là cả một không gian xanh ngát, đầy ánh sáng và nhiệt lực, nhưng nhin xuống, chỉ thấy những đùn mây dày đặc như núi bông ngăn cách tôi với dưới kia, một Ấn độ đầy tối tăm và mưa gió. Phải, ở dưới ấy, mưa suốt mấy tháng trời dòng đã gây nên cảnh lụt lội khắp nơi, khiến hàng ngàn người bị sóng cuốn đi cùng với nhà cửa của họ.

Nếu Việt nam lâm than vì chiến tranh, thì Ấn độ cũng chịu đựng biết bao tai ương do thiên nhiên mang tới. Mấy năm gần đây, nước Ấn bị đại hạn suốt, nên chết đói nhiều. Bù lại năm nay mưa nhiều, thì nước lại cuốn đi tất cả. Đọc báo, đâu đâu cũng thấy nói đến lụt và lụt.

Lạ một điều, cái nước đầy thiên tai và đói khổ như thế, mà vẫn không loạn lạc và rối ren chi đáng kể. Có lẽ vì Ấn độ quá ù lì, nhưng có lẽ cũng là do đức tính thuần thực và sức chịu đựng vô biên của họ. lạ một điều nữa, tuy họ tìm hết cách làm tiền du khách ngoại quốc, nhưng trộm cắp thì trong suốt cuộc hành trình tôi không hề gặp.

Vì chỉ còn hai hôm nữa là đến ngày hẹn với Camus ở Banāras, nên tôi chỉ thăm Delhi được có một ngày, còn ngày hôm sau phải dành đi Mathurā. . .

Cách Delhi 150 cây số về phía Nam, Mathurā là nơi rất quan trọng về tôn giáo, vì, theo tục truyền, Kṛṣṇa chôn rau cắt rốn ở đấy, Kṛṣṇa, một trong hai hình thức giảng trần của thượng thần Viṣṇu.

Việc tôn thờ Viṣṇu, nhất là tôn thờ hai hình thức « thành người » của Viṣṇu nơi Kṛṣṇa và Rāma, đã là trọng tâm của phong trào tôn giáo thiên về sùng tín, yêu thương (bhakti) bên Ấn, cũng như đã sản xuất được những tác phẩm bất diệt như Bhagavadgītā, những bài thơ bất hủ như của huyền nghiệm sỹ Tukārām.

Theo huyền thoại, Kṛṣṇa là dòng dõi một dòng họ để vương cai trị

1. Camus đến Ấn độ sau tôi, lại trễ hẹn mấy ngày, nên vừa bước chân xuống Bombay đã phải đi Poona ngay để gặp tôi.

tiểu quốc mà Mathurā là thủ đô. Thân mẫu Kṛṣṇa là Devakī và cha là Vasudeva. Kāṁsa, anh em của Devakī, tiếm ngôi cha và làm vua nước đó. Là một bạo chúa, ông bắt vợ chồng Devakī tống ngục, đề rồi hễ Devakī sinh đứa con nào, ông cho giết ngay đứa con ấy. Chỉ duy một người con thứ tám là Kṛṣṇa, nhờ phép màu mới được cứu thoát mà thôi.

Đứa hài nhi Kṛṣṇa được lên mang đi trao cho một gia đình tại rừng Vrindavana (gần bên Mathurā) nuôi dưỡng. Ngay từ nhỏ, cậu Kṛṣṇa đã sống nghề mục tử. Không biết gì tên là Kṛṣṇa nên cậu đen¹, hay vì đen, nên cậu được người ta gọi là Kṛṣṇa. Dù đen, nhưng cậu rất anh tuấn, và tiếng sáo của cậu làm mê hồn các thôn nữ lẫn bầy súc vật. Các gopī, nữ mục tử, nhiều người có chồng rồi mà vẫn bỏ nhà đi theo cậu. Dưới ánh trăng họ say sưa nhảy múa theo tiếng sáo du hồn của chàng nghệ sỹ đen.

Trong số các nữ mục tử, có Radhā rất nhan sắc và được Kṛṣṇa yêu nhất. Theo thần thoại kể, thì tuy Radhā được biệt đãi, nhưng không một gopī nào ghen với nàng cả, vì ai cũng tự biết được Kṛṣṇa yêu thương.

Quả thực, óc tưởng tượng bình dân đã tạo nên một hình ảnh Kṛṣṇa lãng mạn, với những cử chỉ có khi là thương luân bại lý, như quyến rũ vợ người, dẫu quần áo của thôn nữ khi họ tắm. Nhưng, trong khi mà tại nhiều văn minh khác, như Hy lạp chẳng hạn, người ta đã dừng lại ở thứ thần tính quá người như thế, thì riêng bên Ấn độ, những cố gắng « vượt lên » của các hiền nhân đạo sỹ đã làm lu mờ những khía cạnh tục tĩu kia đi, để biến tất cả thành biểu hiệu giúp siêu thăng. Phải, đối với những đạo nhân này, Radhā đã trở thành biểu hiệu của những linh hồn tận hiến, tôn thờ Kṛṣṇa đến nỗi dâng hiến cả thân mình và sự sống cho Kṛṣṇa bằng một tình yêu thanh cao, tôn giáo và vô vị lợi, một tình thần hy sinh vô bờ bến, từ bỏ thế trần và hạnh phúc vì Kṛṣṇa.

Ngày nay, trên đường từ ga đến Mathurā, người hướng dẫn sẽ chỉ cho du khách thấy một miếu nhỏ dưới chân một ngọn đồi gọi là Kāṁsa-tīla. Tục truyền xưa Kṛṣṇa đã giết chết bạo chúa Kāṁsa ở ngọn đồi ấy. Trong miếu có bức ảnh chàng mặt đen Kṛṣṇa tấn công Kāṁsa, và gần phía đỉnh đồi, một viên gạch đánh dấu chỗ Kāṁsa bị giết, viên gạch mà ngày nay khách hành hương thì nhau đến hôn kính và rắc hoa trên đó. Mathurā là trung tâm tôn giáo quan trọng nhất về Kṛṣṇa, nên khách hành hương cũng rất đông. Lúc chúng tôi leo lên đồi, thì đã thấy rất nhiều người bu quanh viên gạch rồi. Họ nối tiếp nhau quỳ xuống, lấy tay chấm và đưa lên miệng hôn bằng một dáng vẻ vô cùng kính cẩn. Vì không nghĩ rằng đó là chỗ nên cầu nguyện, nên chúng tôi bỏ đi Viśram ghaṭ (Viśram ghaṭa) ngay.

Viśram ghaṭ hay bến Viśram là khúc sông Yamuna mà xưa trên bờ Kṛṣṇa đã ngồi nghỉ sau khi giết xong bạo chúa. Suốt dọc khúc sông ấy, có

1. Kṛṣṇa có nghĩa là đen.

rất nhiều bến xây và miếu thờ. Trên bến, thấy bán một thứ ngũ cốc tôi không rõ là gì. Hỏi, thì người ta bảo để cho rùa ăn. Tôi bèn mua một nắm, nhờ người thả xuống sông như rùa nổi lên để tôi chụp. Vừa thấy bóng người, những chiếc mai đen đã hiện đầy mặt nước.

Sở dĩ ở đây người ta thờ rùa, vì cũng như Kṛṣṇa, rùa là một trong những hình thức giáng trần của Thượng thần Viṣṇu. Tục truyền rằng xưa Viṣṇu đã giáng trần thành rùa để giúp chư thần dùng núi Mandara quấy biển sữa thành thuốc trường sinh bất tử.

Thờ rùa như thế là điều hợp với Việt nam, nhưng lại nghịch với Trung hoa. Bên Trung hoa người ta mang rùa ra rửa nhau, và rửa như thế là điều nhục mạ rất nặng. Nhiều lúc tôi tự hỏi sao người Hán khinh rùa, mà lại chọn rùa làm một trong tứ linh : long, ly, qui, phượng ? Phải chăng lòng tôn kính rùa là do một nguồn gốc văn hóa khác, và chính cái nguồn gốc văn hóa này đã khiến người Việt chúng ta thờ rùa trao kiếm cho vua Lê cũng như thờ thần Kim quy giúp An-đương-vương chống lại người Tàu ghét rùa ?

Sau Viśram ghat, chúng tôi tiến vào thành phố Mathurā trên những đường lối chật hẹp và giữa những đám người qua lại như nêm cối. Người Ấn độ sống nhiều ở ngoài đường hơn là trong nhà, nhất là khi cái số người vô gia cư tự nó đã quá đông rồi. Thêm vào đấy, tại những đất thánh như Mathurā, người ta chen nhau đến ở để cầu phúc, và con cháu đàn đồng sinh ra cũng không muốn bỏ đi làm nhà ở nơi khác. Ngoài ra, còn phải kể đến khách hành hương nữa. Ấn độ vốn là một dân tộc sùng đạo có một không hai trên thế giới, nên con số khách hành hương cũng thực vĩ đại.

Len lỏi qua được những phố xá đông dân ấy (với tốc độ mấy trăm thước một giờ, cố nhiên !) thì đã ba bốn giờ chiều rồi, thế mà sáu giờ phải đón xe đi Agra, nên tôi và tu sĩ Germain bạn đồng hành bèn bao một tắc xi với giá 20 ru-pi để đi thăm khu rừng thánh Vrindavana, nơi chứa đầy những kỷ niệm nói là của Kṛṣṇa.

Rừng Vrindavana là một khu rừng nhỏ với những cây cối thưa và thấp. Nó ở cách thành phố chừng mười cây số, và tôi quên không đề ý là về phía nào. Vì gần như thế, nên chỉ đi một lát, người tài xế đã dừng lại và chỉ cho chúng tôi xem một cổng xây nhỏ. Đó là śiva kuṅj (śiva-kuṅja), hay Vườn śiva. Nhìn vô trong, thấy một sân lát gạch hiện trước bức vách thâm u của cây rừng. Trong sân, đứng lổ nhổ nhiều người, và trên cây, những chú khỉ nhỏ nhảy nhót một cách vô tư. Người tài xế vui vẻ chỉ cho tôi xem một cây lùn phè ở cạnh đó, và nói là cây Kadamba¹ xưa cậu Kṛṣṇa đã trèo lên, tay cầm mở quần áo lấy trộm của các gopī đương khi họ tắm.

1. Theo sách nói thì cây này hoa vàng, rất thơm. Lúc chúng tôi đến, không thấy hoa chỉ cả. Có lẽ là cây nhỏ độ mấy thước như kia thì làm sao đề sống từ thời Kṛṣṇa cách đây hàng mấy mươi thế kỷ ?

Bỏ sân, chúng tôi tiến sâu vào rừng trên những lối đi lát gạch bông có khắc đầy chữ. Theo lời giải thích, đó là những câu tán tụng Kṛṣṇa do các tâm hồn sùng đạo thuê làm và mang tới.

Người ta cũng chỉ cho tôi xem những chỗ xưa Kṛṣṇa thôi sáo giữa nhịp múa của các gopī. Gần đấy, một giếng nước xanh rờn và sâu được xây tường vây quanh và có cửa sắt khóa chặt lối xuống. Hỏi thì người ta bảo đây là những gì còn sót lại của suối nước thơ mộng xưa kia các nữ mục tử thân yêu của Kṛṣṇa đùa tắm.

Bỏ śiva kuñj, chúng tôi đến thăm một ngôi đền gần đấy. Ngôi đền nhỏ, không có chi đặc biệt, nhưng trước đền đứng sừng sững một khán đài rộng có mái che, trên đó người ta đương diễn kịch tôn giáo. Tôi thấy hai em chừng mười lăm tuổi đóng vai Kṛṣṇa và người yêu mặc vương phục ngồi trên ngai. Phía trước, một cô bé đứng hát, ca tụng mối tình huyền nhiệm giữa hai nhân vật.

Vẫn trong phạm vi rừng Vrindavana và đi xa hơn nữa, chúng tôi bắt gặp ngôi đền Mansiṅgh thuộc thế kỷ XVI. Theo người ta nói, ngôi đền này trước kia có bảy tầng, nhưng mấy tầng trên đã bị chặt mang đi nơi khác. Chỉ biết rằng hiện nay Mansiṅgh có ba tầng vuông vức và vách màu gạch nung. Ngoài ngôi đền này, Mathurā cũng có tên là Muttra, không còn ngôi đền vĩ đại nào khác. Cách đây hơn ngàn năm, thời đế quốc Gupta, Mathurā là một trung tâm nghệ thuật. Các chùa Phật giáo, và sau đó các đền Ấn giáo đã mọc lên như nấm tại đây. Họ đã nhận lấy đường nét Hy La mà gót chân Alexandre để nhất ghi để lại, rồi thêm vào đây những gì là của hồi môn xứ Ấn, để tổng hợp thành một lối kiến trúc độc đáo bành chướng suốt miền sông Gange và xa hơn nữa.

Nhưng rồi, Hồi giáo đã đến. Và cả một Hoàng kim thời đại của nghệ thuật Mathurā bị khai tử. Ít nhiều những gì còn lại cho phép khoa khảo cổ học nhận diện được nghệ thuật này, và khiến những du khách như tôi ngày nay phải bồi hồi tiếc nhớ.

Trong số những di tích, phải kể đến ngôi đền Keśava Deva. Ngôi đền này được xây trên chỗ Kṛṣṇa đã sinh ra và cũng bị Hồi giáo phá. Trên chính nền móng còn lại rõ ràng của nó, nay đứng sừng sững một ngôi miếu Hồi đồ sộ ba vòm như ba cái bát trắng úp. Hiện người Ấn đã xây một Keśava Deva khác ngay phía sau miếu Hồi. Đền này quá mới và đồng thời cũng quá ư bé nhỏ bên cạnh chiếc miếu Hồi kia.

oOo

Tại Mathurā, tôi có dịp đi sâu hơn vào đời sống tôn giáo của người Ấn, và nhận ra được một số nét đặc thù của tôn giáo này.

Trước đây ở Bombay, tôi đã thấy bò trên khắp các nẻo đường, nằm lẫn lộn với người. Có lẽ đó là những con bò già, không thể vắt sữa, kéo cày và chở xe được nữa, nên bị bỏ mặc đi lang thang, gặm gì ăn nấy mà không ai dám đụng tới. Nhưng chính tại Mathurā, tôi mới quả thực thấy bò là... thánh.

Ngay trước cổng đền Mansingh, tôi gặp hai con bò trắng tuyệt đẹp. Chúng đứng yên một cách thờ ơ và người ta đến vuốt ve chúng. Hỏi thì người hướng dẫn gật đầu: — Phải, đây là đôi bò thánh mà đền thờ nuôi.

Thế rồi, trên đường từ Vrindavana trở về, chúng tôi còn gặp một nhà Dưỡng lão... bò. Đây là một khu đồng cỏ rộng không biết bao nhiêu mẫu, có rào vây và mặt tiền có cổng. Ở cổng đi vào là một cái sân đầy những chú bò già, và mấy giầy nhà xây dùng để bò ỡ. Mấy dãy nhà đó dài lắm và còn sang đẹp gấp mấy lần nhà người ở vùng thôn quê.

Như tôi đã nói trên, bò già không vắt sữa và làm lụng được nữa sẽ bị chủ đuổi đi không nuôi. Mấy ông bà đạo đức thấy cảnh ấy chắc là động lòng thương lắm. Dù cho người Công giáo Ấn, do truyền thống đã trở thành bản năng, cũng còn kính trọng bò nữa là. Hèn gì mà những người có của muốn gây quả phúc đã chẳng đứng ra xây cất đó đây những nhà trú ngụ cho chúng khi đã về già. Mathurā vốn là đất sùng đạo, nên chắc loại nhà dưỡng lão như thế không phải là hiếm.

Là đất sùng đạo, nên Mathurā cũng có rất nhiều kẻ xuất gia tu hành. Tại thành phố, vì đi quá gấp, chúng tôi chỉ kịp quan sát một tu sĩ siva phất đi ngang. Tuy đường phố chật hẹp và đông người, nhưng ai nấy cũng đều tránh lối cho tu sĩ đi. Tu sĩ cứ nhìn thẳng cất bước, như không để ý đến gì cả. Người ông gầy gò, khắc khổ, và râu tóc để rối bù. Má ông hóp lại dưới một vầng trán cao có mấy vạch sơn trắng¹. Đôi mắt ông sâu và hơi nhìn xuống. Quần áo ông chỉ vồn vẹn có một mảnh vải ngắn màu vàng nâu quấn ngang từ ngực xuống đến đùi. Tay phải ông xách quai một chiếc bình đồng đánh sáng sủa và tay trái cầm chiếc xiên nhỏ hai mũi, biểu hiệu của siva (?).

Khi xe lướt ngang các đền nhỏ dọc đường, người tài xế cũng chỉ cho tôi coi một vài tu sĩ khỏa thân ngồi trầm mặc dưới gốc cây. Và ngay tại ga Mathurā, tôi đã chụp được một tu sĩ khỏa thân khác với một cái bực lớn ôm ngang bụng như để che. Vị tu sĩ này rất to béo, không biết có phải chân tu hay không. Thực ra, vì không kiểm soát, nên có một số người giả tu sĩ đi xin ăn ngoài đường. Đó là một kiểu ăn mày vừa vinh dự vừa dễ dàng mà lại. Chỉ có lối tu không quần là hơi khó coi một tí đối với khách du lịch. Nhưng người Ấn thì quan niệm trần truồng là một dấu hiệu «bỏ đời», nên sự trần truồng không còn tính chất khiêu dâm như ở các văn minh khác.

oOo

Nghe tôi tả về Mathurā, độc giả không thể ngờ rằng tôi chỉ ở Mathurā không đầy năm tiếng đồng hồ. Sáu giờ chiều hơn, xe hỏa đã từ phương Bắc

1. Người tu-sỹ vạch hai hay ba gạch để chỉ mình thuộc siva hay Vajṇu.

tối đưa tôi đi Agra.

Agra là một thành phố cách xa Mathurā chừng 50 cây số, nhưng vì xe bên Ấn chạy chậm có tiếng, nên mãi 21 giờ mới tới nơi. Sở dĩ chúng tôi đi Agra là vì Taj Mahal, lăng tẩm của một hoàng hậu Hồi giáo xây cách đây ba trăm năm đó. Taj Mahal vốn không liên can đến Ấn giáo, nên nếu tôi đến dù chỉ là để «chào xã giao» thôi, cũng đủ rõ tầm quan trọng của nó về nghệ thuật thế nào rồi. Taj Mahal, đó là kỳ quan thứ tám của thế giới theo lời đồn đại.

Cũng theo lời người ta nói, muốn coi Taj Mahal cho sướng mắt, phải đợi vào buổi trăng tròn hoặc lúc hừng đông. Khi ấy, những vòm nóc bằng đá trắng rất quý sẽ tỏa một ánh sắc thanh cao và màu nhiệm. Đặc biệt hơn nữa, tuy đây là kiến trúc Hồi giáo, nhưng cái vòm trên đã được biến chế theo hình ảnh và ý nghĩa của «đài sen» và «bình nước» thuộc nghệ thuật Ấn độ.

Đây là lăng tẩm, nên đây là cả một khu đền đài rộng lớn, và giữa màu gạch nâu của tường vách, hiện nổi những đường kẻ trắng và những vòm tựa bát úp bằng bạch ngọc.

oOo

Sáng hôm ấy, sau khi đã cưỡi xích lô đạp đến «chào xã giao» Taj Mahal rồi, tôi vội vàng ra ga trở về Tân-đề-ly ngay. Tại Tân-đề-ly trưa hôm ấy, tôi dạo bước về phía ngôi thành cổ và ghé thăm mộ Gandhi kề bên đó. Đây là chỗ xưa người ta đã hỏa táng người anh hùng lừng danh của thuyết Bất bạo động và Liên ái. Và chỗ ấy nay được gọi là Rāj ghat. Giữa một thảm cỏ rộng có tường vây quanh, người du khách chỉ thấy nằm im một ngôi mộ lớn coi như bằng huyền ngọc, trên đó từng người và từng người, không phân tôn giáo nữa¹, dân chúng Ấn đến rắc hoa và cầu nguyện ngày đêm.

1. Gandhi đã chết do sự kỳ thị tôn giáo giữa những người cùng một chủng tộc : Ấn giáo và Hồi giáo.

BÉTALGINE

(B₁ + B₆ + B₁₂)

Chuyên trị :

Bệnh tê-thấp, đau thần kinh, đau lưng,
các tình trạng suy-kém, yếu tim, phù thũng.

t

Laboratoires TÉVÉTÉ SA

136, Yên-Đồ — Saigon

Tín Ngưỡng

Đạo Giáo ở Việt-Nam

NHẤT-THANH

(Xem Phương-Đông từ số 7)

ĐẠO giáo truyền vào nước ta không rõ từ bao giờ, và tuyệt nhiên không có sách nào chép về lịch sử Đạo giáo ở nước ta từ xưa đến nay, cũng như không có bằng chứng gì cho ta thấy ở nước ta đã có trước người Tàu một học thuyết, một tôn giáo như đạo Lão, tuy ngay từ đời vua Hùng Vương thứ ba ta đã có truyện tiên.

Xét ra thì về mọi phương diện ta đã chịu ảnh hưởng rất nhiều của học thuyết Lão, Liệt, Trang, chỉ có khác là ở nước ta từ xưa không hề có tổ chức thành học phái thuyết giảng về Đạo, thành đoàn thể đạo gia thực hành Đạo, không lập ra như hồi sau ở bên Tàu những phái Huyền bí, Thần tiên và Chiêm nghiệm; ai nấy có tin theo thì hành động riêng rẽ cá nhân theo ý mình, nhưng về ý chí tin theo Đạo thì cũng không ngoài những cách thức của người Tàu.

Trước hết phải kể những truyện tiên hoàn toàn thuộc về lý tưởng của đạo gia, thứ đến những nho gia có thẩm nhuần Lão học. Ngoài ra, là đại chúng, có thể nói là hầu hết mọi người, đều có mê tín chẳng nhiều thì ít, theo những lối như của phái Chiêm nghiệm bên Tàu ngày trước và cả bây giờ (thế kỷ XX).

Tiên

Ngay từ buổi quốc sơ, từ khi có sử chép, ta đã có truyện tiên, và rồi

liên tiếp về sau cho đến gần đây cũng vẫn thường có truyện tiên. Thật là hoang đường ở đời khoa học ngày nay, nhưng có điều ta phải thắc mắc là ngoài những truyện được truyền tụng, lại còn nhiều truyện do người đương thời ghi chép tường tận đủ cả họ tên, gia thế, quê quán, rành rõ cả tháng, năm những việc xảy ra. Những truyện tiên kể dưới đây theo thứ tự thời gian trước sau có dài dòng, là cốt để cho người sau nhận thức được phần nào cái mức độ tin tưởng về Đạo giáo của người xưa, dường như không một ai chịu coi là truyện hoang đường hay bán tín bán nghi, nhưng chắc rằng ngay từ bây giờ và càng về sau ai nấy phải hoài nghi đến phủ nhận.

CHỮ ĐỒNG TỬ

Đời Hùng Vương thứ ba tại làng Chữ xá (thuộc hạt Khoái châu, tỉnh Hưng yên ngày nay) có người tên là Chữ Vi Vân sinh được một trai tên là Chữ Đồng Tử, hai cha con đều hiền lành, nhà đã nghèo lại bị hỏa hoạn, của cải khánh tận, chỉ còn khổ vải. Cha con ra vào thay đổi cùng nhau để che thân. Cha già khi lâm bệnh bảo con rằng :

— Ta chết thì cứ táng trần. Để cái khổ lại cho con.

Nhưng khi cha chết, người con không nỡ làm thế, cứ để chôn cả

khó. Từ bấy giờ thân hình trần truồng đánh phải sóng ở ven sông bằng nghề bắt tôm cá bán đổi, mỗi khi có người qua lại thì dầm mình dưới nước để che thân.

Một hôm công chúa Tiên Dung Mị Nương con Vua, ngự thuyền chơi sông qua nơi ấy, thỉnh linh đi đến; thoát nghe tiếng trống và thấy cờ xí nghi trượng Đồng Tử sợ hãi chạy vào chồm lau sậy ở ven sông, đào cát thành hố ẩn mình vùi cát lên trên. Bất ngờ Tiên Dung ghé thuyền vào đó lên bờ dạo chơi, và thuyền lấy mừng màn vây kín chỗ lau sậy để tắm. Khi đã trút bỏ áo xiêm gội nước tắm, cát trôi để lộ thân hình Đồng Tử. Tiên Dung sững sờ ngấm ngấm một hồi rồi nói:

Ta đã định không lấy chồng, nay lại gặp chàng, âu cũng là Trời xui khiến. Công chúa sai lấy áo quần cho chàng, và cùng nhau xuống thuyền kết hợp duyên lành.

Việc đến tai Vua, Vua giận không cho Công chúa trở về cung, Tiên Dung sợ, đánh cùng chồng mở chợ bán buôn. Ngày kia một khách thương đến rủ Đồng Tử đi biển buôn; Khi qua một hòn đảo chàng ghé vào lên chơi núi Quỳnh Viên (miền biển huyện Thạch hà tỉnh Hà Tĩnh ngày nay), gặp một ông già tên là Phật Quang, liền ở lại học đạo, được giác ngộ, và được tặng một cái gậy và một cái nón với phép linh ứng nhiệm màu ở cả đấy. Sau nhờ có phép tiên cả hai vợ chồng đều thăng thiên. Chỗ ở một đêm trước ngày rằm tháng 11 năm quý mao biến thành một cái đầm lớn, dân gian cho là linh dị lập đền miếu thờ cúng đời

đời, gọi đầm ấy là đầm nhất dạ (một đêm), châu ấy là Man trù châu (còn gọi là Tự nhiên châu), chợ ấy là Hà lôa thị. Nay còn có đền thờ ở làng Đa hòa thuộc phủ Khoái châu tỉnh Hưng yên, là nơi quê quán xưa¹.

Chữ Đồng Tử được liệt vào hàng "Tứ bất tử" ở nước ta đứng bậc thứ hai.

Trong số những câu đối thờ ở đền Đa hòa người ta lưu ý đến câu gần đây nhất của Vũ Phạm Hàm, người làng Đôn thư tỉnh Hà đông, đỗ thám hoa khoa nhâm thìn (1892).

*Các trung để tử kim hà tại
Giang thượng tiên ông khứ bất hồi.*

Nghĩa:

*Con vua trong gác nay ở đâu,
Tiên ông lên sông đi chẳng về.*

Nhà nho đều khâm phục tài ông thám đã trích nhật rất thần tình hai vế câu đối ở hai bài thơ đường, lột được ý nghĩa đầy đủ và rõ rệt.

SĨ VƯƠNG TIÊN.

Sĩ Nhiếp có đậu khoa hiệu liêm sau lại đậu khoa hiền lương mẫu tài, được bổ thái thú Giao châu từ năm 187 đến 226. Vì giỏi điều nhiếp nguyên khí (tu luyện phép tiên) thọ đến 90 tuổi. Đời truyền ông được đạo tiên. Niên hiệu Hàm thông đời Đường, nghĩa là chừng 500 năm sau. Cao Biền chính binh Nam chiếu, đi ngang qua nơi mộ phần Ông, gặp một dị nhân, đón mời về nói chuyện thời sự, khi tiễn chân thì hốt nhiên không thấy nữa. Người ở đấy chỉ vào mộ mà bảo là Sĩ Vương Tiên (đã hiện ra)².

¹ *Lĩnh nam chí* quat Trần thế Pháp và *Sự tích ở thôn Xã Đa Hòa* Đình nho Lĩnh dịch.

² *Lĩnh Nam chí* quat Trần thế Pháp và *Việt điện U linh tập* Lê Tế Xuyên.

Đại Nam nhất thống chí (tỉnh Hà Nội) chép: Đền thờ Sĩ Vương ở làng Già cầu (không ghi rõ thuộc huyện nào Hà nội xưa); cũng sách ấy (tỉnh Bắc ninh) chép: Mộ địa Sĩ Vương ở xã Tam Á huyện Gia bình. *Việt điện U linh tập* cũng chép: có đền thờ ở làng Tam á huyện Gia định (sau đổi là Gia bình) và ở làng Lũng triền huyện Siêu loại (đều thuộc Bắc ninh ngày nay). Niên hiệu Vĩnh thịnh thứ hai (1706) làng Tam Á có khắc bia kỷ niệm việc sửa sang đền và đồ thờ.

AN KÌ SINH

Sách *An Nam chí* chép: Ông người đời Khi thuộc nhà Hán, tu đạo ở núi An tử huyện Đông triều (tỉnh Hải dương ngày nay), sau ở núi này bay lên trời.¹

HUYỀN VÂN CHÂN NHÂN

Đời Trần ở huyện Chí linh tỉnh Hải dương có một đạo sĩ ở ẩn tại chùa Lệ Kì trên núi Thiết sơn (còn gọi là Phụng Hoàng Sơn). Người đời gọi Ông là Huyền Vân chân nhân.

Vua Trần Dụ Tông (1341-1369) cho vời đạo sĩ vào triều để dạy cho Vua thuốc trường sinh. Sau Vua tặng cho ông một nơi ở gọi là Huyền thiên động.

Về sau người ta không thấy tung tích Huyền Vân chân nhân, cho là ông đã thành tiên bay về Bồng lai.²

HOANG MI TIÊN SINH

Thời Trần năm Xương phù (1377-1388) có một người hái củi ở ẩn trong động trên núi Na, tại sở Tĩnh mẽ xã Quần ngọc, phía tây huyện Nông cống tỉnh Thanh hóa; người vùng thường gọi là ông tu Nơ (do tên núi là Na nói trệch ra Nơ), người

đương thời còn gọi là Hoàng mi tiên sinh.

Một hôm Hồ Hán Thương đi săn nghe thấy hát một bài, biết là người hiền ở ẩn, liền sai thị thần theo hút vào trong động, mời ra không được. Sau đó Hán Thương lại tới lần nữa, sai đem xe êm nhẹ đón rước, toan ép nãi, nhưng khi tới nơi thì cửa động gai góc mọc đầy, chỉ thấy trên vách đề hai câu thơ:

*Kì la hải khẩu ngâm hồn đoạn,
Cao vọng sơn đầu khách tử sần.*

Nghĩa:

*Kì la cửa bề hồn ngâm dứt,
Cao vọng đầu non dạ khách sầu.*

Về sau người ta nghiệm ra: Hồ Quý Li bị quân Minh đuổi, đến cửa bề Kì la (thuộc huyện Kì anh, Hà tĩnh) thì bị bắt; Hán thương và nhiều con cháu họ Hồ bị giặc bắt được ở núi Cao vọng (cũng thuộc huyện Kì anh).

Bài ca bằng chữ Hán của Hoàng mi tiên sinh có chép trong *Đại Nam nhất thống chí* tỉnh Thanh hóa ngày nay còn nhiều người thuộc lòng vẫn thích ngâm đọc, cùng với bài dịch quốc âm không rõ dịch tự bao giờ³

Sách *Hội chân biên* của Thanh Hòa tử có chép: Về sau, thời Lê, cứ cách một vài chục năm, nhiều người thường gặp Bạch mi tiên sinh, thời Minh mệnh người ta cũng còn gặp.

¹ *Đại Nam nhất thống chí* tỉnh Hải dương Quyển hạ.

² *Việt Nam căn học toàn thư* Hoàng trọng Miên chép truyện này không ghi xuất xứ.

³ *Đại nam nhất thống chí* tỉnh Thanh hóa quyển thượng và *Tân biên truyện kỳ mạn lục Nguyễn Tự quyền* hạ.

TỪ THỨC

Từ Thức, người Hóa châu (Thanh hóa) khoảng năm Quang Thái đời Trần Thuận Tông (1388-1398) được bổ huyện tề (tri huyện) Tiên du (tỉnh Bắc ninh ngày nay). Gần huyện có ngôi chùa danh tiếng hằng năm tháng hai có hội chùa, thập phương nô nức tới hành hương xem hội.

Ngày hội năm bính tí (1396) một cô gái chừng đôi tám, vì sơ ý làm gãy một cành đơn mẫu bên chùa, bị người coi trật tự bắt giữ. Ngày đã sắp tới mà không ai đến nhận lãnh. Từ Thức thấy vậy liền cởi bỏ áo cừu đưa chuộc nàng ra ; mọi người đều khen là hiền đức.

Từ Thức vốn thích thơ, rượu, du ngoạn, từ quan lui về làm nhà ở miền Tống Sơn (Thanh hóa), ngày tháng cùng một hề—đông đạo khắp sơn kì, thủy tú, như núi Chích trợ, động Lục Vân, Kênh Nga, Sông Lãi, thấy đều có thơ đề vịnh.

Một buổi sớm, Từ trông ra cửa bờ Thần phủ (xưa thuộc Thanh hóa, nay thuộc Ninh bình) thấy ngoài khơi như một trái núi hiện ra, vội sai chèo thuyền đến xem, và đề một bài thơ. Chợt thấy vách đá mở ra, liền vén áo bước vào. lần mò đi chừng hơn một dặm đường dốc lên đỉnh núi thấy có lâu đài lộng lẫy. Từ được mời vào, và cho biết đó là núi Phù lai, tức động thứ sáu trong 36 động tiên. Động chủ ngỏ ý cảm ơn chàng đã cứu nạn cho Giáng Hương, con bà, là cô gái đánh gãy cành mẫu đơn hội chùa ngày trước, và cho kết duyên cùng chàng đề đền

ơn.

Vui vầy tình duyên được một năm thì Từ Thức nhớ nhà, dứt áo ra về. Trở lại quê hương, thấy đều khác xưa, chỉ có núi non khe suối còn y nguyên như cũ. Hỏi thăm mấy người già cả thì trong bọn có người là cháu ba đời của mình rồi ; năm ấy là niên hiệu Diên ninh thứ 5 (1458) nhà Lê đã trải ba triều, Kể từ lúc chàng đi vào núi biệt tích đã hơn 60 năm rồi. Từ Thức bùi ngùi muốn trở lại động tiên thì xe mây đưa chàng về quê nhà không còn đâu nữa. Từ vào núi Hoàng sơn¹, rồi sau không biết đi đâu mất².

TRẦN TÚ UYÊN

Một thư sinh tên là Trần Tú Uyên thích rong chơi những nơi thắng cảnh, một hôm đến xóm Bích câu, làng An trạch, huyện Vĩnh thuận (phía tây nam thành Hà nội xưa) thấy phong cảnh đẹp, bèn làm nhà ở đấy học. Một

1. Đại nam nhất thống chí tỉnh Thanh hóa quyền thượng : núi Hoàng (Hoàng sơn) ở thôn Nham cát, phía đông bắc huyện Nông cống.

2. Tân biên truyện kì mạn lục Nguyễn Tự quyền thượng chép truyện Từ Thức rất tường tận, có cả những bài thơ đề ngoài cửa động và bên trong động.

Năm 1925, tác giả bài này đã cùng với mấy bạn đến du ngoạn hang Từ thức. Đi từ huyện lỵ Kim sơn (tỉnh Ninh bình) qua địa hạt Nga sơn, một huyện ở phía đông bắc tỉnh Thanh hóa, theo đường liên tỉnh chừng ba chục cây số, đến gần chân núi. Lưng chừng núi ở khoảng cao không đến trăm thước có hang động, tục gọi hang Từ Thức. Cảnh trí u tịch, hang rộng cửa ngoài thoáng trang, gần kề sườn núi ; có những bài thơ ngâm vịnh hoặc khắc hoặc viết trên vách đá. Rất tiếc hôm ấy không được tìm gặp người lịch lãm để hỏi cho biết về hang động này.

hôm đi xem chùa Ngọc hồ (tức chùa bà Ngô ở phố sinh từ Hà nội bây giờ) chàng được một bài thơ trên mảnh giấy bay đến trước mặt, trông ra thấy một cô gái đẹp; chàng liền đi theo đến Quảng văn đình (gần chợ Cửa Nam Hà nội ngày nay) thì chợt người ấy biến mất. Từ đấy Tú Uyên ốm tương tư, đến đền Bạch Mã (ở phố hàng Buồm Hà nội ngày nay) cầu mộng; đêm thần báo cho biết ra đời ở Cầu Đông (nay ở phố hàng Đường) thì gặp, Hôm sau chàng ra đời mãi đến chiều chỉ gặp một ông lão bán bức tranh vẽ một cô tổ nữ, bèn mua về treo ở nhà; cứ đến bữa cơm dọn hai cái bát hai đôi đĩa, mời mọc tổ nữ. Một hôm chàng đi học về thấy có mâm cơm dọn sẵn. Hôm sau chàng nắp kín rình xem, thì thấy người trong tranh bước ra, chàng vội chạy lại, được nàng cho biết tên là Giáng Kiều, ở cung tiên xuống, xin kết duyên cùng chàng.

Sau Tú Uyên thường rượu chè say sưa, bất hòa với Giáng Kiều, nàng khuyên can không được, bỏ đi; nhưng rồi Tú Uyên biết hối hận, lại được cùng nàng trở về đoàn tụ, và sinh một con trai, đặt tên là Châu nhi. Giáng Kiều truyền cho chồng tu luyện phép tiên, rồi một hôm cùng nhau dạo dò từ giã con, cưới hạc bay lên cõi tiên.

Khoảng năm Hồng đức (1470-1497) dân lập đền thờ ở ngay trên nền nhà cũ, xóm Bích câu (gần kề Văn miếu Hà nội bây giờ). Khi vua Thánh Tôn cử binh đánh chiếm thành, sai quan ra làm lễ cầu, được báo mộng; sau thắng trận về, vua phong làm «An quốc chân nhân», cho nên trên cửa đền thờ còn ghi ba chữ «An quốc quán».

Dưới đây lược kể vài câu hoành phi đối liễn thờ trong đền :

chân nhân cổ trạch (Người tiên xưa ở nơi đây)

Thiên thượng xưng thần (là thần ở trên trời)

Thi xưng tề thánh, đức phối tiên cung, thiên bách tải chi Bích câu kì ngộ
Mộng hiền bình Chiêm, công thủy Lê Sĩ, ức vạn niên chi An quốc gia phong.

Nghĩa :

Ngang hàng thánh, cùng sánh đôi ở cung tiên, muôn ngàn thuở còn truyền việc gặp gỡ ở Bích câu ;

Báo mộng việc đánh Chiêm, công ghi lịch sử triều Lê, ức vạn năm ghi nhớ sắc phong An quốc.

Ngọc hồ du, Bạch mã mộng, Kì ngộ hà niên ; phỏng cổ làm tiên thiên tải hạ ;

Đền đình thành. Hoàng hạc giá, hiền linh thử nhật, đình hương chúc thánh vạn phương nhân,

Nghĩa :

Đi chơi Ngọc Hồ, cầu mộng Bạch Mã, gặp gỡ năm xưa, dò hỏi việc trước mong ước tìm tiên, ngàn vạn thuở sau còn trông ngóng ;

Đã luyện xong thuốc bất tử, cưới hạc đi, hiền linh ngày trước, dâng hương chúc thánh muôn phương thấy tôn sùng.

Truyện *Bích câu kì ngộ* quốc âm trường thiên văn vần, rất được thưởng thức, không rõ tác giả là ai và viết từ bao giờ. Văn sĩ thời Lê thường đề đề cập truyện *Bích câu* ; Đoàn thị diễm trong cuốn *Tục truyện kì* có chép truyện ấy bằng Hán văn.

BỒI LIỄN TIÊN NƯƠNG

Gần đây Khoảng cuối thế kỉ XIX ở phố hàng Bông Hà nội gần Cửa Nam, có một ngôi đền nhỏ trên cửa đề ba chữ *Vọng tiên lâu* (lầu trông theo tiên). Tục truyền rằng một hôm Vua Lê Thánh Tông (1460 - 1497) xuất du, qua cửa chùa Ngọc Hà ở phía tây bắc thành Hà nội, gặp một giai nhân tuyệt sắc. Tâm hồn thi sĩ của nhà vua đã cảm hứng nên thơ, thì liền được họa lại; Vua mời người đẹp lên xe cùng đi. Về đến cửa Đại Hưng (vườn hoa cửa Nam cuối phố hàng Bông) mỹ nhân chào vua bằng nụ cười rồi biến mất. Đề kỉ niệm cuộc gặp tiên, vua lại sai cất tại chỗ một cái lầu đặt tên là *Vọng tiên lâu*. Người đời đặt tên cho tiên cô là Bồi Liễn tiên nương (uàng tiên đi cùng xe vua) ¹.

LIỄU HẠNH.

Liễu Hạnh công chúa là con vua Ngọc Hoàng, vì đánh vỡ chén ngọc trên thiên cung, phải giáng sinh xuống trần năm thiên hựu (1557) đời vua Lê Anh Tông, vào nhà Thái công họ họ Trần, thôn An thái, làng Vân cát, huyện Thiên bản (nay là huyện Vụ bản tỉnh Nam định). Lớn lên lấy chồng người cùng làng là Đào lang, được ba năm bỗng dưng ngày 3 tháng 3 bà từ trần; nhưng căn duyên chưa dứt, lại giáng làm thần núi Tam điệp (ranh giới hai tỉnh Ninh bình Thanh hóa ngày nay), cho nên người ta gọi bà là Tiên Thánh. Bà thương hiền hiện ở nhiều nơi, ngạo cợt sĩ tử trên đường lai Kinh thi Hội, có lần chơi thuyền hồ Tây họa thơ cùng danh sĩ, tương truyền bài « Rắn thế

tục », một áng văn bất hủ toàn lời ca dao tục ngữ, trường thiên, là bài Bà giáng bút cũng như bốn bài Bà vịnh Xuân Hạ Thu Đông bằng Hán văn làm theo bốn điệu ca khác nhau mà Phan Kế Bính dịch quốc âm trong *Việt Hán Văn Khảo*. Bà có hai thần nữ bộ hạ được coi như đã cùng Bà có lần gieo tai ương cho dân đề thị uy, tuy có nhiều công giáng phúc hộ trì.

Bà đã bị ngọc sư của Nội đạo tràng dùng đạo pháp bắt được. Nhờ có Cạ Kyamuni giải cứu, đạo sư đã vâng nghe lời Phật, và cho Liễu Hạnh một áo Cà Xa và một cái mũ ni cô, đề quy Phật. Vì thế ngày nay trong nhiều chùa ở phía sau thường có thờ Liễu Hạnh.

Bà hiện linh, có đền thờ ở Sùng sơn, Phố Cát (đều thuộc đất Thanh hóa) ở Đồi Ngang (Ninh bình) và ở Vân cát quê hương xưa của Bà. Hằng năm ngày kì thượng tuần tháng 3 âm lịch, con ông đệ tử nhiều tỉnh Bắc Việt, lũ lượt kéo nhau đến Vân cát lễ cầu, tục gọi là chày hội Phủ Dầy. Hội đền Sòng (Sùng sơn) và Phố cát kéo dài nhiều ngày, cả trên nửa tháng thượng tuần và trung tuần tháng 3, thập phương đến hành hương đông như nước chảy ². Tại khắp nơi các tỉnh Bắc Việt nhất là miền xuôi trước đây đều có đền thờ với thói tục đồng bóng, một tệ đoan tai hại dây dưa đã nhiều đời.

Trong « Tứ bất tử » ta suy tôn

¹ *Việt Nam văn học toàn thư* quyển II Hoàng trọng Miên.

² *Hội chày biên* Thanh Hòa từ và *Thối thực* Kí văn Trương quốc Dụng.

từ xưa, Liễu Hạnh, đứng thứ tư, hàng chót; việc suy tôn không rõ xuất phát từ đâu, nhưng xem ra giới trí thức nho gia ít sùng tín ngôi thứ tư này. Hồi tàn cư kháng chiến những năm sau 1946, đã có người thấy câu đối của Phạm quý Thích, tiến sĩ Khoa Kì hội (1779), đề ở cột xây đền thờ Liễu Hạnh tại một làng thuộc tỉnh Hà nam, có những chữ « trệ nhân hoàn » « nhân gian lưu bạch cốt » là có ý bài bác không tôn sùng.

PHẠM VIÊN

Phạm Viên người làng An bài, huyện Đông thành, xứ Nghệ An. Thân phụ là Phạm Chất, đỗ hoàng giáp khoa nhâm thìn (1652) đời Lê Thần Tông, có đi xứ, làm đến Binh bộ Tả thị lang, tước Tử, sau tặng thượng thư, Phạm Chất Sinh hai con trai : Phạm Tán và Phạm Viên.

Năm 18 tuổi Viên không chăm học, bị cha quở mắng, bỏ đi ; thường tìm lên núi Hồng lĩnh hái thuốc, gặp tiên được học đạo.

Có lần Viên ra chơi đến Ngọc sơn Hà nội, biết trước được có hỏa hoạn ở một phố tại kinh thành ; có lần đi chơi qua huyện Hoảng hóa (tỉnh Thanh hóa bây giờ) cho ông lão ăn mày một cây gậy có phép linh xin được tiền đều đều để sống. Viên biết trước ngày cha từ trần, sắm sửa đồ tang ở quê nhà, rồi ra Kinh sư đón đưa linh cữu về. Khi mẹ mất Viên về viếng mộ ban đêm, rồi đi liền, không thăm nhà.

Đời sau, có khi người ta gặp ông ở thành Thăng Long, có khi gặp ở núi cửa bể Thần Phù, rồi không ai biết ông đi đâu ¹.

NGUYỄN HƯNG HÀN

Sách *Thoại thực kí văn* chép : Huyện Thanh Chương (xứ Nghệ an) có Nguyễn trọng Mỗ và huyện Đông Thành (Nghệ An) có

Nguyễn hưng Hàn, hai người kết bạn, cùng tu luyện khí ; tích cực vào núi tìm học Đạo, gặp Phạm Viên. Viên bảo : « Các anh không có tiên cốt. Anh Mỗ nên về học lối làm quan, còn anh Hàn thì kiếm một nghề nuôi miệng cũng đủ ». Sau ông Mỗ (tức Nguyễn trọng Thường, người làng Trung cần) thi đậu tiến sĩ khoa nhâm thìn (1912), làm quan hữu thị lang bộ lại, sau đi xứ Tàu chết ở dọc đường ; ông Hàn thì giỏi phong thủy nhưng không hành nghề, chỉ ưa đi chơi sơn thủy vợ vẫn một mình như người muốn thoát tục. Có lần đi qua chợ Gò (huyện Đông Thành) ông biết trước là núi Di lạc sẽ sạt lở xuống chợ làm chết nhiều người, mấy lần xua đuổi người họp chợ, nhưng không ai nghe, rồi quả nhiên tai nạn đã xảy ra, có lần làng ông đang tế thần ở đình, ông lên vào hậu cung lấy bài vị thờ thần mang đi, làng đuổi theo mà không biết đình đang bốc cháy lớn ; thì ra ông biết trước có hỏa hoạn mới lo cứu chạy thần bài. Sau không thấy chép ông sinh hóa thế nào.

oOo

Tại Viên Đông Bắc cổ Học Viện ở Hà nội ngày trước có sách *Hội chân biên* của Thanh Hòa từ, mộc bản năm Thiệu trị thứ 7 (1847), dày 43 tờ. chép truyện mười ba tiên ông và mười bốn tiên nữ. Trong phạm vi bài này không thể dài dòng hơn về truyện tiên ; bấy nhiêu cũng đủ để người sau nhận thức được tiền nhân ta có ý niệm về tiên như thế nào, không coi là mô hồ, huyền ảo. Chắc rằng từ đây về sau chẳng bao giờ ta còn được nghe nói đến tiên, ngoại trừ những truyện tiên đã được chép đề lại.

(Còn tiếp)

¹ Đại nam nhất thống chí tỉnh Nghệ An
Tang thượng ngẫu lục Phạm đình Hổ
Thoại thực kí văn Trương quốc Dụng

Sự chuyển mình của ngành Gia-phả Việt-Nam

Dã-Lan NGUYỄN-ĐỨC-DỰ

TRONG khoảng thời gian dăm bảy chục năm về trước đây, ít khi nào ta nghe thấy ai nhắc tới vấn đề gia phả hoặc bàn luận đông dài gia phả ở trong dân chúng như bây giờ. Điều đó cũng chẳng có gì đáng làm cho ta phải ngạc nhiên lắm. Vì sao? Xin thưa rằng: vì khi đó nước Việt Nam ta đang nằm dưới ách thống trị của thực dân Pháp và trong suốt 80 năm Pháp thuộc đầy máu và nước mắt ấy người dân Việt Nam hình như muốn quên hẳn cái dĩ vãng đau thương tủi nhục của Đất Nước. Từ thôn quê tới thành thị, hầu hết người dân Việt đều sống một cách gần như an tâm thủ phận. Thậm chí đến những thành tích chống Pháp của ông cha mình, một thành tích đầy lòng ái quốc nhưng lại bị Pháp coi là « phá rối cuộc trị an » nên con cháu cũng không dám ghi lại trong gia phả, vì sợ bọn cướp nước hay được sẽ khùng bố đề trả thù. Đã có những gia đình đầy truyền thống cách mạng mà cũng chỉ dám ghi nhớ sự việc oanh liệt của ông cha vào trong lòng, hoặc đôi khi nếu có muốn nhắc nhở cho con cháu biết thì cũng chỉ nhắc nhở một cách âm thầm lén lút, tuyệt nhiên không bao giờ dám hé răng hở ra cho người biết.

Đó là tình trạng chung của dân ta dưới thời Pháp thuộc bắt buộc mọi người không bao giờ dám nhắc đến gia phả. Một là để tránh họa sát thân, hai là để tránh sự soi mói tìm

bới dấu vết của lũ tay sai thực dân Pháp. Chứng cứ hiển nhiên là ở miền Nam, vào thời Pháp mới đặt nền móng cai trị, mọi người, nhất là những gia đình có ông cha chống pháp đều phải đem gia phả cất dấu, ngay đến cả mộ bia của người chết cũng không dám ghi rõ tên tuổi vì sợ Pháp ruồng xét bắt bớ¹. Tình trạng đó cũng xảy ra ngay cả ở thời Gia Long. Tác giả « Phi Lạc sang Tàu » thuật lại rằng khi Gia Long Nguyễn Ánh thống nhất Bắc Nam xong. Vương cho người truy lùng xét gặt gạo dòng dõi của vua Quang Trung Nguyễn Huệ, vì sợ đề con cháu sống sót sau sẽ gây hậu hoạn². Ngày nay, một con cháu thuộc hàng tướng của nhà Tây Sơn còn cất dấu được một cuốn gia phả của dòng họ ấy³.

1. Xin coi bài « Tìm tìm dấu vết vấn đề gia phả ở miền Nam » Tập san Sử địa, số 22 — Tháng 4 đến 6-1971.

2. Sau khi Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ chết (Mậu tý 1792) thì Ngọc Hân Công Chúa (con vua Lê Hiến Tông 1740-1786) ăn cư trong cấm cung. Tháng 6 năm Tân dậu (1801), Nguyễn Vương chiếm được Thuận hóa bà mới cùng 2 con là Nguyễn Quang Thùy và Nguyễn Quang Ngọc Phụng chạy theo vua Cảnh Thịnh bị nhà Nguyễn bắt bà lại cùng các con trốn về lánh cư tại thị trấn Sơn Nam ở trà trộn với người Hoa Kiều tại đó. Nhưng ít lâu sau thì hành tung của bà bị phát giác, bà và 2 con bị Trấn thủ Sơn Nam bắt giải về Kinh thụ hình. (Coi « Sơn Nam ngoài án » của Nguyễn đình Bình — Đặc san « Quê tôi » của Hội Hưng yên Thương tế 1971)

3. Trong dịp kỷ niệm đệ ngũ chu niên Tập san Sử địa (1971), tác giả được ô. Hồ hữu Tường cho biết là vua Quang Trung Nguyễn Huệ cũng có gia phả và cuốn phả đó diện do một người con cháu của bà Bùi thị Xuân cất dấu. Chuyển thực hư ra sao, tác giả không dám quyết đoán.

Còn một lẽ thứ hai nữa mà ít người nghe nhắc đến gia phả là vì vào thời Pháp thuộc và trước cả thời Pháp thuộc, gia phả là một loại tộc thư. đặt biệt chỉ được lưu trữ trong phạm vi gia đình gia tộc và chỉ khi nào thật cần dùng lắm thì người ta mới lấy ra coi, như coi lại ngày giỗ của cụ kỵ ông bà để nhớ cho đúng ngày phải làm giỗ. Và lại, trong gia phả của nhà nào cũng chép đầy rẫy tên tuổi tổ tiên cụ kỵ, chỉ có người trong họ mới được biết nên chỉ con cháu phải dấu thật kỹ ít khi nào dám để lộ ra ngoài. Cũng vì vậy mà có những nhà có gia phả từ lâu đời mà người ngoài vẫn không ai biết, chẳng hạn như cuốn gia phả của họ Vũ Hồn ở làng Vĩnh-chụ, tổng Công xá, phủ Lý nhân, Hà nam thuật lại thì họ Vũ truyền tới 400 năm và tổ tiên khi xưa là một người Tàu tên là Vũ Hồn¹.

Đó là nhắc lại chuyện gia phả của ta từ thời Pháp thuộc trở về trước. Nhưng ngày nay thì thực trạng lại khác hẳn. Gia phả không còn coi là bí mật như trước nữa mà trái lại nó còn được dân chúng nhắc nhở đến luôn, nhất là các đồng bào di cư. Vì lẽ sau Hiệp định GENEVE/1954, khi các gia đình này di cư vào Nam thì hoặc vì vội vã không kịp mang theo gia phả, hoặc gì gia phả bị thất lạc trong thời kỳ chiến tranh Việt Pháp nên chỉ bây giờ các gia đình đó đành phải hội họp họ hàng lại để lập lại một cuốn gia phả khác cho con cháu sinh trưởng ở trong Nam biết rõ nguồn gốc, quê quán. Do đó, vấn đề gia phả đã được mọi người hết sức chú trọng.

Vậy bây giờ chúng ta thử đảo

qua một vòng coi xem tình trạng gia phả của nước nhà trong mấy năm gần đây có gì đáng cho ta chú ý không? Có tiến triển được chút nào không? Và có những điểm nào cần phải bổ khuyết để cho ngành gia phả Việt nam được tiến bộ thêm. Có biết rõ những ưu, khuyết điểm thì nhiên hậu chúng ta mới tìm ra phương pháp để canh tân cải tiến ngõ hầu tạo dựng cho ngành gia phả Việt nam một cuốn gia phả hoàn toàn mới mẻ. Mà đã nói tới canh tân tức là phải có sự sửa đổi rồi. Sửa đổi làm sao để cho cái cũ được mới mẻ hơn, gọt dũa chau chuốt làm sao cho nó được tốt đẹp hơn. Vì thật ra trong cuốn gia phả cổ xưa cũng có nhiều cái hay cái đẹp, song cũng có nhiều cái đã lỗi thời không còn thích hợp với hoàn cảnh hiện tại ở trong xã hội nữa. Bởi vậy, điều cốt yếu là phải xem xét nên bỏ cái nào, nên giữ lại cái nào, phải sửa đổi ra sao để cho cuốn gia phả của ta được mới thêm mà vẫn duy trì được những nét cổ truyền cùng đặc tính của dân tộc, nhất là phải cải tiến canh tân cách nào để cho ngành gia phả của Việt nam cũng được đóng góp tích cực vào công cuộc phát triển nền Phả học cộng đồng quốc tế, ngõ hầu hoàn thành cái sứ mạng tối thiêng liêng của nó là truy tầm nguồn gốc con người.

Tuy nhiên, muốn cho công cuộc canh tân ấy mang lại cho ta nhiều

1. « Les Paysans du Delta Tonkinois » par Pierre Gourou, page 116. (Paris et Co Labaye 1965).

Trong « Phạm Tộc Thế Phả » của Phạm Ngũ Lão cũng thấy nhắc tới tên Vũ Hồn : ... Phạm Định Công, theo Kinh lược sứ Vũ Hồn, với ông Đoàn Chí Công, hai ông này là con cô con cậu... » (trang 4). Tác giả cũng được nghe nói Vũ Hồn là tổ tiên của nhà văn Vũ Bằng.

điều hữu ích thiết thực và nhiều sắc thái tân kỳ để tô điểm cho ngôi đền Phả học cổ kính của Việt nam được tăng thêm vẻ đẹp thì ta phải thận trọng nghiên cứu về mọi khía cạnh. Đúng ra thì ở trong cuốn gia phả cổ xưa không thiếu gì những nét độc đáo mà nền phả học Tây phương không thể nào có và cũng không thể nào bắt chước được, nhưng đáng tiếc một điều là người xưa đã coi gia phả như là câu chuyện riêng tư trong một nhà không chịu phổ biến sâu rộng như ngành phả học của Tây phương thành thử ra nó không sao tiến kịp được bằng người¹. Thậm chí trong bao nhiêu năm ngôi đền Phả học cổ kính ấy vẫn cửa đóng then cài nhện giăng bụi bám khiến cho mọi cái hay cái đẹp của tiền nhân chỉ riêng có một thiểu số gia đình dòng họ biết với nhau mà thôi.

Nhìn vào tình hình gia phả của ta trong ít lâu nay thì ta thấy thế nào? Điều mà mọi người rất hân hoan phấn khởi là mấy năm gần đây đã thấy lác đác xuất hiện ít cuốn gia phả bằng Việt Ngữ. Đó là những cuốn phả của họ Dương ở Hà Nam, họ Bùi ở Trình phố Thái bình, họ Nghiêm ở Hà đông, họ Nguyễn ở Hải dương, họ Phùng ở Đại đồng Hưng yên v.v .. Ngoài ra, cũng cần nên kể thêm gia phả của mấy họ ở trong Nam như họ Nguyễn văn Vạng ở Mỹ tho, họ Nguyễn văn Lân và họ Nguyễn trình Tường ở Long Xuyên và chắc cũng còn nhiều họ khác cũng đã làm gia phả mà ta chưa được biết hết.

Ở giữa một xã hội phong hóa đã đến hồi suy mặc n à vẫn còn nó những nhà biết quan tâm tới tổ tiên dòng họ, biết lo lắng đến con đến cháu thì thật là một điều khá hy hữu đáng quý vô

cùng. Phải chăng sự xuất hiện này đang báo hiệu một giai đoạn « Chuyển mình » của Ngành Gia phả Việt nam? Ta cũng có thể cho đây là một biến chuyển mới mẻ nhất và cũng đột ngột nhất kể từ sau ngày chia đôi Đất Nước. Sự kiện này một phần nào đã nói lên tấm lòng tha thiết của người Việt nam đối với quê hương chủng tộc, đồng thời nó cũng cho ta thấy rõ rằng dân tộc Việt nam bất kỳ ở vào trạng huống nào và mặc dầu nếp sinh hoạt trong xã hội hiện thời có bị xáo trộn tới đâu thì nền đạo lý cổ truyền của dân tộc Việt nam được duy trì từ mấy ngàn năm vẫn không thể nhất thời bị hủy diệt.

Nhưng cũng có người lại cho rằng việc làm gia phả của các dòng họ ấy cũng chẳng có gì là mới lạ, vì đó chỉ là một sự việc tất nhiên phải có đối với một số đồng bào di cư vào Nam tới nay đã trọng tuổi sợ con cháu lâu ngày quên mất gốc nguồn quê quán nên phải nghĩ tới việc làm gia phả. Cho dầu là nguyên nhân nào đi chăng nữa thì đó cũng là một triệu chứng tốt đáng để cho lớp người trẻ được phép tin tưởng nhiều vào tương lai. Hơn nữa, nó cũng là một việc làm hữu ích, ít ra là trong tình trạng băng hoại của xã hội hiện nay.

Nhìn chung thì ta thấy công cuộc tiến triển có mời khả quan. Có họ như họ Phùng ở Đại đồng Hưng yên vì lúc di cư quá vội vã không đem theo được gia phả khi vào đây phải phò thác việc làm gia phả cho một ông cụ

1. Cõi « Ngành Phả học Âu Châu — Sự tiến triển và phương pháp tạo dựng » Gia Phả Khảo Luận và Thực Hành của Dã Lan Nguyễn Đức Duy, trang 116. Đề tại các viện Đại học Văn khoa Saigon, viện Khảo cổ và viện Eáo tàng Saigon, Tổng Thư viện, Thư viện quốc gia.—

trong họ. Ngày ngày ông cụ vừa uống rượu vừa ngồi cổ moi óc bới tìm trong ký ức để nhớ lại tên tuổi các cụ từ nhiều đời trước. Ông cụ nhớ được ai chép người đó và mặc tình muốn chép sao thì chép. vì trong họ Phùng chỉ có mỗi ông cụ là người cao niên nhất và cũng là người biết nhiều sự việc hơn cả. Còn có họ như họ Bùi, đề khích động con cháu tha thiết đến tổ tiên dòng họ, đã đóng góp cả trăm ngàn đồng để in gia phả cho cả họ. Lại có họ như họ Nguyễn phải mất gần ba năm mới hoàn thành được cuốn gia phả và giao phả cực kỳ trọng thể với hàng trăm con cháu tham dự, xét ra thì cũng không ngoài mục đích ấy. Chắc có độc giả hoài nghi về việc làm của mấy họ nói trên đây sẽ nghĩ rằng lẽ nào chỉ biên chép có vài ba cái tên tuổi của ông bà dòng họ mà phải tốn kém và mất nhiều thời giờ đến như vậy sao? Chúng tôi xin phép được thưa rằng mục tên tuổi ở trong cuốn gia phả chỉ mới là một phần nhỏ công việc mà thôi. (Thật ra, muốn lập một cuốn phả cho thật đầy đủ chi tiết thì ngoài phần tên tuổi mà mả giỗ tết, còn có nhiều việc đáng ghi đáng nói và những việc ấy phải đòi hỏi nhiều thời gian dò tìm truy cứu mới ra. Ngoài ra trong gia phả cũng còn có nhiều tiết mục khác nữa, chẳng hạn như phần phả ký, phần kỷ sự, phần cổ sự của tổ tiên dòng họ mà trong đó mỗi người mỗi việc đều không giống nhau. Đó là mới chỉ phả qua nội dung một cuốn gia phả chép toàn tên tuổi mả giỗ tết tiểu sử không thôi. Nhưng không hẳn là cuốn gia phả nào cũng chỉ có bấy nhiêu đó. Còn nhiều gia đình dòng họ có rất nhiều sự việc cần phải

được chép vào gia phả, nhất là trong thời kỳ nước ta trải qua mấy chục năm binh biến : thời Nhật chiếm đóng Đông dương (1945), thời chiến tranh Việt-Pháp (1946) các dòng họ phải tản cư, kháng chiến, hồi cư rồi di cư sau Hiệp định GENEVE 1954. Qua mỗi giai đoạn, mỗi biến chuyển không họ nào ít nhiều là không có một vài biến cố xảy đến cho con cháu họ. Không cần nói đâu xa, ta hãy nhìn vào hiện tại, ngay trước mắt ta là việc tấn công vào Đồng hà, Quảng trị An lộc. Kontum ¹. Trong trận tấn công khốc liệt đó đã có biết bao nhiêu là gia đình dòng họ phải chia lìa tan tác, có biết bao nhiêu nhà con mất cha vợ chết chồng. Như thế thì gia phả của những nhà ấy (ví như họ có gia phả) sau này hẳn phải ghi chép cơ man những kỷ niệm đau thương : lúc chui hầm nấp hổ, những ngày bị bao vây trong lửa đạn, những đêm dài băng rừng vượt suối, những lúc trốn tránh địch quân và phi pháo với cảnh hàng ngàn người chết không toàn thây nằm chặt đường nghẽn lối cùng bao nỗi đói khát cơ cực trên bước đường ly loạn chắc chắn sẽ phải được chép vào gia phả của những gia đình dòng họ ấy. (Trong gia phả của hai họ Bùi, Nguyễn cũng thấy ghi nhiều trường hợp tương tự xảy ra trong thời kháng chiến).

1. Ấy là chưa kể các vụ Bình xuyên (1954) Phạt giáo (1963) cùng vụ thảm sát hơn 3000 người ở cố đô Huế trong biến cố Tết Mậu thân (1968). Lẽch chép gia phả chắc mỗi trang phả của các gia đình dòng họ ấy phải là một trang sử đầy máu và nước mắt. Đây là một vụ thảm sát tập thể cực kỳ kinh khủng và rừng rợn có một không hai trong lịch sử Việt Nam. Thời đệ nhị thế chiến (1939-1945), 6.000.000 dân Do Thái cũng bị Hitler hạ sát một cách tương tự, chỉ có điều khác giết người của Hitler văn minh và khoa học hơn (lột hết quần áo cho vào phòng kín sau đó thả hơi độc).

Xét qua về phần nội dung thì cuốn gia phả này cũng đã thấy khác xưa nhiều lắm. Nó được thay đổi với nhiều thể tài mới lạ và cách chép phả cũng có nhiều chỗ độc đáo hơn. Điều đáng cho ta chú ý nhất là trong các cuốn gia phả đó ít nhiều đều có thêm phần nhân văn địa lý cùng các phong tục hội hè đình đám là những điều mà cách đây cả trăm năm những cuốn gia phả xưa hầu hết không bao giờ được nhắc nhở tới. Ngoài ra, lại có thêm rất nhiều tiết mục mới như gia phả họ [Bùi Viện thì có biên bản buổi họp của Hội đồng gia tộc, bảng kê tổng số tiền của trong họ đóng góp để in gia phả, bảng kê mẫu tự tên tuổi các người ở trong họ, kê cả lần người sống lẫn người chết. Về văn sách chép phả, họ Bùi bỏ hẳn lối chép thuận tên tuổi giỗ tết như ngày xưa mà dùng một thể văn đặc biệt trong đó hầu hết mỗi nhân vật đều có phần tiểu sử riêng với những mẫu giai thoại khá lý thú gần giống như thể truyện ký (mặc dầu đôi khi hơi vượt quá phạm vi của gia phả). Về phần nhân văn địa lý và phong tục ở trong làng trong họ cũng được tả rất tỉ mỉ, thật là một cuốn gia phả vô cùng phong phú về phong tục thôn quê.

Gia phả của họ Dương ở Hà nam thì có cả mục gia huấn gia luật. Cũng có mục nói về phong thổ làng quán viết rất công phu cùng với nhiều tiết mục khác đề ở cuối phả. Tất cả đều được biên chép cặn kẽ tỉ mỉ, nhất là đình đám hội hè. Trong gia phả của họ Dương, các phả đồ, sơ đồ vẽ rất công phu, tóm tắt từng chi từng nhà. Đình chùa miếu mạo và sử tích các

thần linh cũng được mô tả thật rành rọt với đầy đủ chi tiết. Điểm này đã làm tăng thêm giá trị của cuốn phả lên rất nhiều khiến cho cuốn gia phả của họ Dương trội hơn hẳn các cuốn gia phả khác về mục nhân văn địa lý.

Còn gia phả của họ Nguyễn ở Hải dương thì cũng có thêm các mục: bản quyết nghị của Hội đồng gia tộc, bản ghi kết quả việc học của con cháu, bảng tổng kê nhân số họ Nguyễn trước và sau ngày di cư, nhân số đàn ông đàn bà đi hay ở lại của từng gia đình được kê cứu rất tường tận, bảng liệt kê những người trong họ đã khuất với các phần mộ giỗ tết, biên bản buổi duyệt Phả và giao Phả với các hình ảnh của buổi lễ. Ngoài ra, ở phần phụ lục còn có các nghị định văn thơ, chúc thư, hậu phả ký, phần phiên dịch phiên âm các di bút bằng Hán văn v.v... Đặc biệt là trong gia phả của họ này, ở phần ký sự và nhân văn địa lý còn thấy chép thêm nhiều biến cố quan trọng có liên quan đến dòng họ, từ thời Đông kinh nghĩa thực (19-7) cho tới sau ngày Cách mạng 1-11-1963.

Suy ra thì những tiết mục trên đây tuy chỉ có tính cách « Phụ dẫn », « Phụ lục » song thực ra nhờ đó mà con cháu họ ấy về sau có thể biết rành rọt được nếp sinh hoạt cùng các biến chuyển của dòng họ qua sự thăng trầm của quốc gia. Về điểm này, riêng đối với các học giả và nhà làm sử thì đây là những tài liệu khảo cứu về lịch sử xã hội vô cùng quý báu vì qua các cuốn gia phả đó, người ta có thể biết được nhiều phong tục tập quán cùng sinh hoạt địa phương hoặc có thể tìm kiếm dễ dàng lại lịch

một vài nhân vật mà cuộc đời, hành động liên quan mật thiết đến quốc gia, chẳng hạn như trường hợp của Bùi Viện...

Về vấn đề canh tân ngành gia phả Việt Nam để hết thảy mọi nhà đều có một cuốn gia phả mới, một cuốn phả với nội dung thật phong phú mới mẻ và thật sát với hoàn cảnh của mọi gia đình dòng họ, thì trong cuốn gia phả mới cần phải sửa đổi và thêm bớt nhiều tiết mục. Dĩ nhiên muốn đạt được nhiều kết quả mong muốn như thế trong công cuộc nghiên cứu thật kỹ gia phả của các họ cũ và mới và điều này cũng chỉ có thể thực hiện được khi nào nước nhà thành lập được Viện nghiên cứu Phả Học Quốc Gia cùng thiết lập được thật nhiều các cơ cấu lưu trữ

gia phả của các nhà trong nước như ở các nước Tây Phương. Tuy nhiên, câu chuyện đó vẫn còn lâu và còn dài. Điều làm cho chúng ta vui mừng hơn hết cả vẫn là vấn đề gia phả hiện thời đang được mọi nhà chú ý và trong tương lai chắc chắn ngành Gia phả Việt Nam sẽ còn bành trướng mạnh mẽ và đi xa hơn nữa, không riêng trong giới đồng bào di cư mà còn lan rộng tới toàn dân. Với hiện tình rất khả quan đó, chúng ta được phép tin tưởng rằng một ngày nào đó — ngày ấy chắc cũng không xa lắm — nhất định Ngành Gia phả Việt Nam sẽ chen vai sát cánh với thế giới năm châu trong công cuộc xây dựng phát triển ngành Phả học Cộng đồng Quốc tế.

TRỤ SINH RẤT MẠNH ĐỐI VỚI CÁC VI-TRÙNG
GRAM-POSITIF và GRAM-NEGATIF.

KANASENE

(SULFATE DE KANAMYCINE 1gm)

☐ **ĐẶC BIỆT :** TÁC ĐỘNG TRÊN MYCOBACTERIUM
TUBERCULOSAE.

☐ **CHỦ TRỊ :** Nhiễm độc—Laò Phổi—Bệnh về
bộ phận sinh dục, đường tiểu,
ruột, các bệnh do vi - trùng
Staphylococcus — Phòng ngừa
trước khi giải phẫu.

UFFARMA CÔNG-TY nhập cảng.

186, TỰ-ĐỨC — SÀI GÒN
TEL : 92.830 — 95.308

Học Đại ở Đại-Học

NGUYỄN BẠT-TUY

Nhân bài « TRA LỜI ÔNG NGUYỄN BẠT-TUY
VỀ BÀI PHÊ BÌNH QUYỀN LỊCH SỬ THÀNH
LẬP ĐẤT VIỆT » của ông Trần Kim Thạch

TIẾP theo bài « từ quyền *Lịch sử thành lập đất Việt* đến quyền *Nguồn gốc Mã lai của dân tộc Việt Nam* » của tôi đăng trong *Phương Đông* số 14 (1-8-72), ông Trần Kim Thạch có trả lời tôi không những ở *Phương Đông* số 16, tr. 289-293. mà còn ở *Buch Khoa* số 376 (1-9-75), tr. 45-50 bằng những lời lẽ đã tự mãn tự túc mà còn thiếu thành thực và quá đáng. Bởi vậy, trong bài nhan đề « Học đại ở Đại học » này tôi không trả lời ông Trần Kim Thạch, mà chỉ cốt ý hầu chuyện cùng bạn đọc *Phương Đông* : trả lời một người cố tình không nhận những lỗi lầm đã sờ sờ ra đó và ăn nói không xứng với tư cách một người trí thức, thì chỉ uống công mà thêm cái cảnh lời qua tiếng lại không hay gì.

Đề bắt đầu câu chuyện « Học đại ở Đại học » này, tôi xin nói rõ lí do tại sao tôi đã bình phẩm quyền sách của ông Trần Kim Thạch. Trước hết, từ nhiều năm nay tôi đã chứng kiến nhiều cảnh viết lách đáng buồn, càng ngày càng đưa nền văn hóa giáo dục đất nước xuống cái dốc hèn kém, nhất là về mặt diễn đạt tư tưởng. Nhưng vì mắc đi nghiên cứu khắp nơi, tôi đành tự hẹn rằng một ngày nào đó, khi dừng bước phiêu lưu, tôi sẽ đem chút hiểu biết nhỏ mọn ra làm công việc chấn chỉnh văn hóa

và chấm dứt cái cảnh lộng hành của một số người bằng cấp đã không hiểu gì về đất nước nòi giống mà còn chia phần nhau thao túng nền đại học của ta, để dắt dẫn nó đến tình cảnh học đại, nói đại, viết đại đáng thương như ngày nay.

Cách đây ít lâu, một người bạn đem lại cho tôi xem quyền *Lịch sử thành lập đất Việt* (127 tr., 1970) của Trần Kim Thạch, Lê Quang Xáng và Lê thị Đính. Tôi đã thấy tính cách vô trách nhiệm của các người viết, nhưng còn đề đây. Sau đó, vài học trò tôi lại đem đến tôi các quyền *Căn bản địa chất học* (319 tr., 1971), của ông Trần Kim Thạch viết một mình, *Biên khảo về người tiền sử (Thế giới và Việt Nam)* (349 tr., 1971) của ông Trần Kim Thạch viết chung với ông Trần Hai Vân, rồi *Sinh vật xưa* (417 tr., 1972), của ông Trần Kim Thạch viết chung với ông Lê Quang Xáng và bà Lê thị Đính, tất cả đều do nhà Lửa Thiêng xuất bản.

Tôi đã tự nhủ : « Không một quyền nào có bản đính chính mà lỗi lầm thì đầy dẫy trong sách : thật là một nhóm các nhà biên soạn thiếu lương tâm ! Nhưng mình hãy nói tay cho các giáo sư « học đại » này mà chỉ phê bình qua loa quyền mong nhất đính dàng đến « Việt Nam », đề các ông bà ấy biết đường hối cải. »

Tôi không ngờ rằng ông Trần Kim Thạch đã không biết phục thiện và đã ngụy biện, mà còn trả lời tôi bằng nhiều lời lẽ vô ý thức mà tôi không tin rằng có thể có ở miệng một tiến sĩ, giáo sư thực thụ. trường ban địa chất của «Khoa học đại học đường» Sài gòn. Muốn chứng tỏ giá trị nhận xét này của tôi về tư cách ông Trần Kim Thạch, tôi sẽ lần lượt nêu ra chính những tiếng mà ông Trần Kim Thạch đã dùng với tôi, rồi phân tách xem có đúng hay không, trước khi áp dụng nó vào các trường hợp của chính ông Trần Kim Thạch.

1. «Số vốn liếng quá thiếu ỏi về khoa học» (Bách khoa, tr.50)

Trong bài bình phẩm quyền lịch sử thành lập đất Việt, đăng ở Phương đông số 14, tôi có trách ông Trần Kim Thạch: «Sự sai lầm chính và không tha thứ được là một nhật xét «khoa học» về sự rã dần của các chất phóng tia. Ở tr. 21, ta thấy ông Trần Kim Thạch giảng cho người đọc: «U 238 khi hủy biến hoàn toàn thành chì Pb 206 phải mất một khoảng thời gian, đã khoảng mà còn gọn ;) là $T = 7.600.000.000$ năm » Ông và các người cộng sự của ông đã học đâu được lối tính cả đời của uranum thì không biết chứ các nhà khoa học tài ba nhất chỉ dám nói đến nửa đời (half life) ! »

Thấy bị chất vấn, ông Trần Kim Thạch vội đi cầu thầy tìm sách và vội vã trả lời trong bài đăng ở Phương đông, tr. 292 :

«Giải thích một tuổi tuyệt đối của đất đá có hai cách. Cách rườm rà là bằng bán mệnh (nửa đời) như O. Nguyễn Bạt Tụy trình bày trong bài trang 116-117 bằng cách liệt kê

một số vật lý gia không phải là cha đẻ của tuổi tuyệt đối dùng cho địa chất học. Cách thứ hai, thực tế, dễ hiểu và khiêm nhường hơn, là suy toàn mệnh từ chu kỳ hủy biến của bán mệnh, rồi từ đó tính tuổi tuyệt đối trên lượng chì còn sót lại trong đá... Con số toàn mệnh 7.600.000.000 năm được học ở đó ! »

Đề chứng tỏ chủ trương «toàn mệnh», tức «cả đời», trên đây là có thật, — chủ trương ấy tôi cố ý đóng khung cho thật nổi bật —, ông Trần Kim Thạch đã dẫn xuất xứ rõ ràng : «Cách này do Carl O. Dunbar đề xướng (nơi quyền Historical Geology, J. Wiley and Sons xuất bản, Asia Foundation ở Saigon tặng) ở trang 26, từ dòng 11 đến dòng 31.»

Nhưng tại sao trong bài đăng ở Bách khoa, tr. 49 ta lại thấy cùng câu viết trên đây thiếu những phần đóng khung, tỏ rằng ông Trần Kim Thạch không «suy toàn mệnh từ chu kỳ hủy biến bán mệnh» nữa, mà lại chỉ «suy từ chu kỳ hủy biến bán sinh» ? Ông có dẫn O. Dunbar và xác nhận là «con số toàn mệnh 7.600.000.000 năm được «học» ở đó», vậy thì O. Dunbar đã «dạy» cho ông Trần Kim Thạch tới hai bài học ở cùng một quyển sách, cùng trang và cùng dòng a ?

Phải chăng vì học được tới hai bài học, nên ông Trần kim Thạch mới lên giọng cho là tôi «có một số vốn liếng quá thiếu ỏi về khoa học, đến nỗi... trên lãnh vực địa chất học tôi không biết chèo biếc chống» (Bách khoa tr. 50, d. 16-17) ? Có lẽ ông nghĩ rằng tôi không có chiếc «bơi chèo» nào, còn ông thì có tới «hai»,

nhưng đề dùng chính những tiếng của ông ở cuối bài trả lời trong *Bách khoa*, tôi có thể nói cho ông Trần kim Thạch hiểu rằng « Có chẳng là một chiếc que, chiếc gậy nằm trong tay mà ông cứ nghĩ là chiếc bơi chèo ». Tôi xin nói rõ hơn :

Lần thứ nhất, dò lại quyển *Historical Geology* đề trả lời ở *Phương Đông* ông tưởng rằng mình chỉ làm về con số, nên khi thấy đúng là 7.600.000.000 mừng húm mà không chịu đọc kỹ tài liệu ấy để xem số ấy có thật chỉ năm không. Nếu ông thông minh một chút thì những lời giảng giải của tôi trong *Phương Đông* số 14, tr. 117, lẽ ra đã đề ông hiểu rằng không một nhà vật lý nào dám nói đến « toàn mênh » của uranium, vì « ở radom tính theo ngàn năm mà sự rã dần còn dài bằng hằng bao nhiêu đợt, huống chi ở uranum tính theo hàng tỉ năm. » Đó là cái « que » mà ông Trần Kim Thạch đã nắm đề « bơi » trong bài đăng ở *Phương Đông* số 16 bài này tuy ra sau nhưng chắc chắn là đã được viết trước.

Lần thứ nhì, khi bạn bè chỉ cho ông Trần Kim Thạch biết rằng đó chỉ là chiếc « que », ông bèn dò lại

quyển *Historical Geology* lần nữa. Đọc kỹ hơn và dịch ra cẩn thận ông mới vỡ ra rằng số 7'600.000 000 không chỉ số năm đề uranium « hủy biến hoàn toàn thành chỉ Pb 206 », mà chỉ số gam của trọng lượng chỉ Pb 206 tạo thành. Nếu là một nhà khoa học chân chính, biết tự trọng, ông Trần kim Thạch lẽ ra đã phải nhận lỗi lầm và đính chính lại đề người đọc sách ông khỏi hoang mang. Đáng này ông lại tính đến chuyện lấp liếm nên ông viết thêm một bài tự biện hộ nữa, và phen nay ông đã nắm được một cái « gậy » đề « bơi » ở *Bách khoa* số 376. Vì cầm cái gậy, ông tưởng mình có thể « múa gậy vườn hoang » được nên nói vung vít không giữ gìn, nhưng ngờ đâu lại « gậy ông đập lưng ông » !

Bảng đối chiếu đoạn viết trong quyển *Lịch sử thành lập đất Việt*, viết tắt là LSTLĐV, với đoạn trong *Bách khoa* dưới đây đủ cho ta thấy ông Trần Kim Thạch đã tự tố cáo lỗi lầm ra sao. Không cần là một nhà chuyên môn, bất cứ ai biết xét đoán cũng ra cái lỗi « vãi thưa che mắt thánh » của ông :

UỐNG KHỎI CHÍCH
là tà, Kiệt ly - có đằm, màu

VEREX

NGƯỜI LỚN — CON NÍT

56' KH 308 - BT/01DP.29-10-63

A

(trích trong LSTĐV, 1970,
tr. 21)

«Một lượng A của U 238 khi hủy biến hoàn toàn thành chì Pb 206 phải mất một khoảng thời gian là.

$$T = 7.600.000.000 \text{ năm}$$

Trong tinh khoáng zircon, bao giờ ta cũng đo được trọng lượng a của Uranium còn lại và lượng chì b được lập nên. Trọng lượng nguyên thủy của A sẽ là $A = \underline{a} + \underline{b}$.

Muốn tính khoảng thời gian t trong đó lượng chì được thành lập, ta lấy thời gian T chia cho A và nhân

$$\text{lại cho } \underline{b} : t = \frac{T \cdot \underline{b}}{A}$$

Rõ ràng ở cột A ta thấy con số 7.600.000.000 chỉ «thời gian hủy biến hoàn toàn của U 238, còn ở cột B nó lại chỉ «trọng lượng chì». Áp dụng vào hai công thức cuối cùng, ở cột A thì t là số thành của 7.600.000.000 năm nhân với b và chia cho A nhưng ở cột B nó lại là số thành của toàn những số gam nhân và chia với nhau. Như vậy đề cho một người có «một số vốn thiếu não về khoa học» trách mình là «học đại» và dồn mình đến cảnh «cứng họng» thì có vinh hạnh gì cho ông Trần Kim Thạch không, và nhân đó, cái vốn liếng về khoa học của chính ông Trần Kim Thạch đã tỏ ra thiếu não tòi tệ đến mức nào nữa?

B

(trích trong Bách khoa số 367,
1972, tr. 49)

«Nếu một lượng nhỏ uranium đến trên một màng bằng sulfur kẽm, mỗi nguyên tử helium phóng ra sẽ đập lên màng sulfur ấy và loé sáng lên dưới kiến hiển vi như com đom đóm thấy trong đêm tối và có thể đếm được. Đếm như vậy cho thấy rằng mỗi gram uranium tạo ra mỗi năm

1/7.600,000,000 gram chì và một thời gian t năm sẽ tạo ra

$$(t \times 1 \times U) : 7.600.000.000$$

Nhưng lượng chì (Pb) được tạo ra do một lượng nhất định uranium (U) trong một số năm nhất định (t) có thể được trình bày:

$$Pb = \frac{tU}{7.600.000.000} \dots\dots$$

$$\text{hay } t = \frac{Pb}{U} \times 7.600.000.000$$

Hơn nữa, khoa học vốn có mục đích cao quí là tìm ra sự thật và phụng sự sự thật. Nay ông Trần Kim Thạch đã không đủ tư cách trình bày sự thật khi mắc một lỗi lầm như thế, mà còn che giấu sự thật bằng những lời nguy biện, thì thử hỏi ông còn đáng mang danh một nhà khoa học nữa hay không? Ngoài ra, rồi đây những người đọc ông, hay học ông có còn tin ở tư cách một nhà khoa học mà ông đội lốt không, và ai cấm người ta tự hỏi không biết ông Trần Kim Thạch còn che giấu bao nhiêu lỗi lầm khác nữa mà chưa ai khai ra?

oOo

2. «Hồ đồ dùng một tài liệu cũ»
(Bách khoa, tr. 49)

Bởi vậy, khi tôi lấy con số tuổi trái đất là 4.500 triệu năm trong quyển *Investigating the Earth*, xuất bản năm 1967, mà đối chiếu với con số cũ kĩ là 4.161, 7 năm trong quyển *Lịch sử thành lập đất Việt* của ông Trần Kim Thạch, xuất bản năm 1970, đâu có phải là tôi đã « hồ đồ dùng một tài liệu cũ », như ông đã xuyên tạc ! Sự thật là ở cuối đoạn chắt vắn ông, tôi còn thêm : « nếu chưa muốn nói rằng có quyền đã đi xa hơn nữa mà đưa ra con số 5 tỉ năm » và tôi chỉ muốn chứng tỏ rằng ngay một quyển « ra ba năm trước quyển LSTLĐV » cũng còn có tài liệu mới hơn của ông mà thôi.

Trong bài báo, ông Trần Kim Thạch đã viết : « chúng tôi không dốt về con số đó » mà dẫn chứng những sách ông viết năm 1971 và 1972 đề « mà » con mắt bạn đọc, nhưng tôi nói chuyện về cái « dốt » năm 1970 của ông kia mà ! Quả tình ông Trần Kim Thạch không biết biện luận, hay cố tình cãi chày cãi cối, có khác gì một người phạm tội năm 1970, bị pháp luật phanh giãc và nghị án năm 1972, lại đem những việc thiện mình làm vào những năm 1971-1972 để « chứng tỏ » rằng mình là người tương thiện hay không ?

Hơn nữa, nhờ bài trong *Phương đông* tr. 292, ta được nghe ông Trần Kim Thạch thú nhận về xuất xứ tài liệu tuổi trái đất của ông : Ví dụ đời Trung sinh (*Mésozoïque*) qua các khảo cứu già (tính bằng triệu năm)

ITE Holmes Stokes
155 165 167

Theobald-Gamma Gignoux
125 135

« Chúng tôi đưa ra con số 130 triệu năm là tổng hợp kết quả của hai tác giả Pháp Gignoux và Theobald-Gamma, tức là (125+135) : 2 bằng 130 triệu năm. Các thời kỳ kia cũng được dung hòa như thế. » Rồi ông phê bình rằng « Theo ITE đề bảo rằng các tác giả khác sai là cuồng tín. » Vậy khi ông Trần Kim Thạch bảo tôi là « hồ đồ » ở bài Bách khoa thì phải dùng tiếng gì để phê phán tư cách ông cho đúng ?

Nhưng đã nói đến « hồ đồ » thì phải trưng ra thêm một thí dụ — một thí dụ thôi cũng đủ — về sự hồ đồ của ông Trần Kim Thạch. Trong quyển *Biên khảo về người tiền sử* tr. 48, ta thấy Fontéchevade được ông ghi ba lần là Fontéchevade. Bất cứ nhà học chất đất nào học hành đến nơi cũng phải biết tên ấy, vậy mà ngay ở Mục lục cuối trang 249, ta cũng thấy lại tiếng Giống Fontéchevade cái vốn liếng khoa học của ông Trần Kim Thạch quả là « thiếu não » ! Hơn nữa, cùng tr. 48, tên người phát kiến ra giống người Fontéchevade mà ghi là Henri Martin thì ai chẳng tưởng là đàn ông ? Thực ra đó là cô Germaine Henri-Martin (với gạch nối giữa hai tên cuối) : còn gì « hồ đồ » hơn cái lầm này không ?

3. « Chiếc thuyền cùn bản đề đi trong biển học mệnh mòng ông cũng không có nốt » (*Bách khoa*, tr. 50).

Bản về nòi giống mình là một điều hết sức quan trọng nên khi thấy ông Bình nguyên Lộc phóng bút viết bừa trong quyển *Nguồn gốc Mũ lai*

của dân tộc Việt Nam, trong lời nói đầu tôi có một lời khuyên nhủ : « Đó là đề người viết quyển *Nguồn gốc Mã lai của dân tộc Việt Nam* hiểu rằng biên học mệnh mông, không phải cứ có chiếc thuyền là ghé bờ cập bến được mà còn phải biết chèo biết chống, phải quen bề lái trươg buồm ».

Một câu nói chừng chặc như thế mà ông Trần Kim Thạch có thể giải thích là « kiêu hãnh, dạy đời và khinh miệt », phải chăng vì ông cảm thấy rằng mình cũng trong số người không biết chèo biết chống, như đã chứng tỏ ở trên ? Hơn nữa tôi rất ngạc nhiên thấy với một câu như thế mà ông Trần kim Thạch nghe ra là tôi « vội vàng khoa trương và la hét om sòm » ! Phải chăng ông nghe lầm tiếng « la hét từ trong lòng ông ra tiếng « la hét » từ ngoài ? vì tôi trách một giáo sư đại học là « học đại » ? Nhưng can chi phải « la hét » ? Mình làm lỗi thì thẳng thắn nhận lỗi đề những người đọc mình khỏi theo cái lầm của mình, và với tư cách đảng hoàng như thế thì chính người chỉ trích mình cũng phải quí mình. Ngược lại, nếu mình nguy biện đề chối lỗi thì là hét, xuyên tạc, ăn nói vô lễ có lợi gì đâu ?

Đã vậy, ông Trần kim Thạch còn hạ một câu : « Đến « chiếc thuyền » căn bản đề đi trong biên học mệnh mông ông cũng không có nốt nữa. » Nhưng ông Trần kim Thạch có biết ông đang nói gì không, cũng như khi ông nói « con tây » thành « con sừng tây » ? Ông có biết trong biên học cái « thuyền căn bản » ấy là cái gì không ? Kkì ông mới về nước, ăn nói còn ngọng nhịu, chắc ông đã

nghe giới giáo dục nói đến cái langue véhicule và xác nhận nó phải là « Việt ngữ », không phải « ngoại ngữ ». Thật ra « Việt ngữ », cũng chẳng phải mà là « tiếng mẹ đẻ », thứ tiếng đẻ chuyên chở tư tưởng như một chiếc « thuyền căn bản » vậy.

Cái thuyền đó, những người như ông và một số giáo sư khác không biết trau giồi ngôn từ, làm gì có được ? Không như ông Trần kim Thạch, chỉ nói vu vơ đề mà nói, tôi có thể dẫn hàng mấy trăm thí dụ rút ở trong các sách ông viết ra, đề chứng tỏ rằng « thuyền » ông chẳng có, mà « chèo » cũng không. Vì không muốn làm uổng phí những trang báo quí báu của tờ *Phương đông* tôi không kể những lỗi lầm của ông ra đây làm gì, nhưng nếu ông có lời yêu cầu, và L.M. Chủ nhiệm cho phép, tôi có thể chứng tỏ một cách cụ thể rằng ông đang ngụp lặn trong đó.

Cũng trong tinh thần đó, tôi không đáp những lời bào chữa gượng gạo của ông Trần kim Thạch về những điểm nhỏ làm gì, vì bạn đọc xem qua đã biết đâu là chân, ngụy rồi. Đề kết luận tôi chỉ cần nhấn mạnh vào mấy điều sau đây :

1. Tôi không hề biết hai ông Trần kim Thạch và Bình nguyên Lộc chưa kể rằng tôi có cảm tình với ông Bình nguyên Lộc khi đọc những tiểu thuyết hay truyện ngắn của ông, nên các bài bình phẩm của tôi không vì lý do cá nhân nào cả.

2. Tôi hoàn toàn vì nền văn hóa và nền giáo dục đất nước nói giống mà lên tiếng, và nếu có chỗ nào tôi nghiêm khắc thì cũng chỉ vì lầm lỗi

của người viết quá nặng, và tôi muốn rằng những người khác nhìn vào đó, mà tránh vết xe cũ. Nền học của ta đã hỏng quá rồi, mà làm nó hỏng thêm là một cái tội không tha thứ được.

3. Tôi tin tưởng rằng sau vụ này, ông Trần Kim Thạch và nhóm ông sẽ chịu học hỏi thêm, không những về tiếng mẹ đẻ mà còn về mặt chuyên môn, và những cách xuất bản của nhà Lửa Thiêng sẽ cẩn thận hơn; học sinh sinh viên sẽ đỡ chịu đựng cái cảnh sách không ra sách, và giới học miền Nam này sẽ bớt bị người nước ngoài, nhất là người ngoài Bắc, coi thường đi.

4. Riêng với tôi, tuy những lời lẽ không xứng đáng và không thẳng thắn của ông Trần Kim Thạch đã không làm tôi hải lòng, tôi nghĩ rằng

minh đổ đất xuống lấp một vũng lầy, cho những người khác khỏi mắc lầy, thì cũng chẳng trách được bùn xấy lên mình; mình đập phá một bức tường mục nát, cho ai đi cạnh nó khỏi bị nó xấp xuống, thì thể nào cũng bị mảnh vôi bắn vào mình.

Tôi còn đủ bình tĩnh và vững tin để tiến tới, như tôi vẫn sẽ đem những tia sáng rực rỡ mới mẻ chiếu vào cảnh tranh tối tranh sáng của hội sống tinh thần ở đây: những bóng tối biết điều hãy lùi bước mà nhường chỗ cho ánh sáng, nếu chúng không muốn tiêu tan trong ánh sáng.

NGUYỄN BẠT TỤY

Đalat, ngày 1-11-1972

Prophylaxie et traitement des syndromes grippaux, algies musculaires, crampes, torticolis, lumbago, etc. Asthénie, surmenage, croissance, préparation des examens, grossesse, allaitement, asthénies de la sénescence, convalescence, anorexies essentielles.

VITATHION

Composition et présentation

Acide ascorbique	500 mg
Glutathion réduit	500 gammas
Acide Adénosine triphosphorique (A.T.P.)	500 gammas
Vitamine B1	2 mg
Inositolhexaphosphate de calcium et magnésium	100 mg
Hémoglobine	5 mg

LES LABORATOIRES SERVIER — FRANCOPHAR
B.P. 2569 — SAIGON

Mata, Mạc Da và Mạc Tà

BÌNH NGUYÊN-LỘC

THUỞ tôi lên mười thì tôi đọc truyện *Đông-Châu liệt quốc bản dịch* miền Nam. Một ông cố của tôi (ông cố của tôi đã qua đời lâu lắm rồi, vào năm đó, ông cố này chỉ là em thứ 19 của ông cố của tôi), ông đọc truyện ấy trong nguyên bản chữ Tàu, và nói rằng truyện dịch sai tên người. Vua của nước Ngô tên là Phù Sai chứ không phải Phù Ta như bản dịch đã in. Tôi chưa học chữ Tàu, mà truyện lại không có hóa phép thần thông như truyện Tây Du, nên tôi không chú ý đến lời của ông tôi. Lớn lên, tôi đọc bản dịch miền Bắc thì thấy in là Phù Sai Rồi tôi cũng được học chữ Nho và thấy hai chữ đó chỉ khác nhau có cái Bộ, thành thử tôi mới nhớ đến lời của ông tôi. Nếu lấy đa số, thì bản dịch miền Nam sai, vì ngoài ông tôi ra, thì bao nhiêu sách vở miền Bắc đều viết là Phù Sai, chứ không riêng gì bản dịch Đông Chu.

Cách đây non mười năm, khi kiểm soát lại ngôn ngữ của Sở, Ngô, Việt mà tôi thoáng thấy là ngôn ngữ của Mã Lai, Nam Dương, vì tôi đã bắt đầu viết sử theo chiều hướng đó, tôi lại nhớ lại truyện Đông Chu, trong đó có chứa đựng một mớ danh từ của Sở, Ngô, Việt. Thí dụ Trung hoa có câu tục ngữ *Ngô Việt đồng châu* — *Ngô và Việt có thuyền giống nhau*, mà thuyền đó được Tàu phiên âm là Tu Lư. Cuộc kiểm soát này bắt buộc đọc nhiều sách, chứ không phải chỉ đọc truyện Đông Chu mà đủ, nhưng truyện Đông Chu có kể một câu chuyện khá ngộ nghĩnh: nước Ngô muốn đánh nước Sở, bèn hạ lệnh cho thợ trong nước rèn gươm. Thợ ấy có một anh thợ luyện kiếm rất nổi danh trong lãnh thổ của nước Ngô, tên là Can Tương. Anh ta có vợ tên là Mạc Da. Anh ta luyện kiếm mà nấu sắt hoà, sắt không chảy ra. Vợ anh ta bèn tự hi sinh, nhảy vào nồi nấu, thì bấy giờ sắt mới chịu tan.

Đông Chu chỉ là tiểu thuyết, nghĩa là có bịa hời nhiều. Nhưng câu chuyện trên đây thì không. Tôi đã đọc thấy nhiều nơi cũng có truyền thống thợ luyện kiếm ném trinh nữ vào lò để tế thần của nghề đúc. Hồi cổ thời, dân tộc nào cũng đã làm như thế cả. Nhưng câu chuyện làm cho tôi bận tâm nhiều không phải vì cái điềm ghê rợn đó, mà vì nó cho tôi thoáng thấy một danh từ Mã Lai, Nam Dương trong đó.

Truyện kể tiếp rằng rồi anh luyện kiếm, luyện được một cây gươm báu tên là gươm Mạc Da. Tôi đã biết ngôn ngữ Nam Dương có danh từ Mata có nghĩa là = Lưỡi kiếm.

Mạc Da ➡ Mata ?

Chưa, sự kỳ lạ chưa chấm dứt. Hiện đồng bào Thượng có danh từ Mata và Ta = Mạc, Giáo Dịch giả miền Nam đã có tiền án trong chữ Tắc hóa ra chữ Tô, chữ Sai hóa ra chữ Ta, thì tôi tự hỏi Mạc Da có đúng là Mạc Da hay không. Năm mà tôi kiểm soát ngôn ngữ thì có một trận cháy nhà, tôi không còn bản dịch miền Bắc trong tay nữa. Bản dịch Saigon chỉ có đọc một bản, mà tên dịch giả cũng đã bị đánh tráo rồi. Trong đó, họ in là Mạc Da. Không thể biết rõ miền Bắc cũng viết là Mạc Da hay là gì. Nhưng chữ Da lại hơi giống chữ Ta, chỉ khác nhau có một bên. Chữ Da viết với

chữ Nhì còn chữ Tà viết với chữ Nhơ. Nhìn không kỹ chỉ thấy một bên có thè lẫn lộn như chơi, y hệt như Phù Sai và Phù Ta.

Sự thắc mắc của chúng tôi không phải chỉ vì thế. Như đã nói, tôi cũng đã được học chữ Tài, mà tôi biết rằng Trung Hoa có một danh từ rất là khả nghi. Nó khả nghi vì nó chẳng có nghĩa gì cả, tức đó là một danh từ phiên âm :

Mạc tà = Bảo kiếm

Không thể kiểm soát kỹ hơn xem bản dịch Đông Chu đúng là Mạc Da hay Mạc Tà, chúng tôi tạm dùng Mạc Da, bị nghi ngờ là sai, nhưng sự dùng tạm này, cũng chẳng thay đổi cái gì cho đáng kể. Nếu ta viết ra biểu đối chiếu dưới đây :

Nước Ngô : Mạc Da = Bảo kiếm

Nam Dương : Mata = Lưỡi kiếm

Trung Hoa ; Mạc tà = Bảo kiếm

thì ta sẽ thấy cái gì ? Ta sẽ thấy rằng Ngô, Việt, Sở nói tiếng Mã Lai, Nam Dương, và Trung Hoa cũng biết tiếng Mã Lai đó, trước Chúa giáng sinh bằng chứng là họ đã phiên âm hàng ngàn danh từ như thế, thí dụ danh từ Ất và Phù mà chúng tôi đã nói đến một bài trước.

Cũng nên nhắc rằng đồng bào Thượng là Mã Lai Hoa Bắc, y hệt như ta, còn Nam Dương chỉ là Mã Lai Hoa Nam (Ngô, Việt, Sở). Hai thứ Mã Lai ấy có một số danh từ chung như Mát = Mata, nhưng Mác = Mata thì hai bọn Mã Lai ấy đã tách rời ra, định cư ở hai địa bàn khác và chế tạo vũ khí khác nhau từ nhiều ngàn năm rồi. Dĩ nhiên là cả hai bọn đều đặt tên vũ khí khác nhau. Có phải như thế hay chăng ? Chúng tôi kiểm soát lại thì thấy rằng chúng tôi chỉ đúng có một phần, tức đúng kể từ ba ngàn năm nay mà thôi. Cách đây ba ngàn năm, họ còn giống nhau về những sáng tác mới, bởi hai địa bàn đó liên lạc với nhau được.

Chúng tôi đã giả thuyết rằng sở dĩ Tàu gọi dân Mã Lai ở Hoa Nam là Việt, vì bọn ấy có một thứ rìu mà danh từ của họ là cái gì hơi giống việt của Tàu. Tàu đọc Việt là Yue, vậy dân Mã Lai Hoa Nam đã gọi cái rìu của họ là cái Yut chẳng hạn. Chúng tôi soát lại ngôn ngữ của đồng bào Thượng : Họ đa số là Mã Lai Hoa Bắc, nhưng họ vẫn gọi cái rìu na ná như thế đó, tức khá giống Mã Lai Hoa Nam :

Xi Tiêng : Yêik = Rìu

Nup, Kayong : Yêik = Rìu

Mạ : Yos = Rìu

Sơ đặng : Vok = Rìu

Xin trở lại với bọn Mã Lai Hoa Nam. Sử Tàu cho biết rằng gươm của Việt mang một đặc điểm này là vũ khí đó sắc bén ở cả hai bên (double tranchant). Thế nghĩa là gươm Trung Hoa là Sobre chỉ sắc bén có một bên, còn gươm Việt là Épée, chém bằng bên nào cũng được, mà đâm cũng được tức hơn gươm Tàu nhiều bậc. Vì thế mà sử Tàu lại ghi rằng dưới thời vua Câu Tiễn, nhà Chu phong cho họ Câu làm Bá ở phương Đông, tức làm

Xếp tất cả các tiểu bang Trung hoa ở vùng bờ. Loại gươm bén ở cả hai bên đó, ngày nay người Nam dương gọi là Mata-Đũa. Đũa, được Việt Nam biến thành Đới và Đũa. Mata Đũa = Lưỡi đôi (double edge). Đó là lối dịch của tự điển Anh Mã.

Cũng cứ trong tự điển ấy, ta thấy rằng thợ luyện gươm là Pong chong. Vùng triết giang phát âm chữ Tương là Chong. Còn chữ Can thì được phát âm khác, nhưng theo luật Swadesh thì cứ 1000 năm, một dân tộc biến dạng 20 phần trăm danh từ của họ, thì Pong hiện kim của Nam Dương, cách đây 2500 là Keng. Thế nên truyện Đông Chu mới chép rằng kẻ luyện kiếm tên là Can Tương. Tiểu thuyết Đông Chu liệt quốc được viết sau khi câu chuyện thật đã xảy ra, tới hai ngàn năm, thế nên tác giả của truyện ấy đã lẫn lộn tên vật Mạc tà và tên người (Mạc Da, vợ kẻ luyện kiếm) lẫn lộn danh từ « Thợ » Kang chong và tên họ người thợ (Can Tương). Nhưng có thể không phải chính tác giả Đông Chu lẫn lộn mà dân chúng đã huyền thoại hóa mọi việc, và tác giả chỉ viết theo huyền thoại mà thôi. Những chuyện của Tàu thật sự, là Tàu Hoa Bắc, mà còn bị huyền thoại hóa khác sự thật hết, thì chuyện của « man di » Việt không làm sao mà còn đúng sự thật được cả, trong sách Tàu.

oOo

Tôi đã cố tình chép sót một chi tiết của câu chuyện Mạc tà, Mạc Da. Truyện Đông Chu có kể thêm rằng sau khi bàn luận với chồng rồi thì cô vợ của anh thợ rèn đi tắm gội, đoạn Nhỏ rằng: Xong rồi cô ta mới vào lò rèn để tự hiển mình làm con vật hy sinh hầu cúng thần tổ của nghề luyện kiếm. Tục cà răng của chúng Mã Lai là tàn tích của tục nhổ răng của cô Mạc Da ấy. Chúng Mã Lai xưa, tế thần bằng trinh nữ, mà Mạc Da thì đã lập gia đình rồi. Nhỏ rằng là một hành động gạt gẫm thần thánh, ý muốn nói rằng đây là trẻ thơ, chưa có răng, tức còn tinh khiết, y hệt như trinh nữ. Rồi thì chúng Mã Lai bỏ tục tế bằng thịt người (Nhóm Maya, nhóm có nhiều danh từ trùng hợp với Nhựt, cho đến năm bị Tây Ban Nha diệt quốc vẫn còn tế thần mặt trời bằng cách làm thịt người tù binh trước đền thần nhưng họ vẫn phải tinh khiết khi dùng con vật để tế. Họ tinh khiết còn giả tạo hơn cô Mạc Da nữa, không nhổ răng, mà chỉ cà răng thôi. Răng bị cà, không còn bén nữa, tức không nguy hiểm như răng của người lớn, tức đó là răng của trẻ con, tức là chủ bái còn tinh khiết. Trong hai tục Cà răng, cũng tại, chỉ còn tục Cà răng là liên hệ đến tôn giáo, còn tục căng tai chỉ là một trang sức của người xưa, người xưa của bất kỳ chủng nào, chứ không riêng gì của chúng Mã lai.

oOo

Cốt tủy của bài này, được khai thác quá ít. Tôi xin chuộc tội bằng cách khai thác khía cạnh của vấn đề, vấn đề ngôn ngữ của ba nước Sở, Ngô Việt thời Đông Chu mà chúng tôi quả quyết rằng đó là tiếng Mã Lai Nam Dương hiện kim. Chúng tôi đã đưa ra khá nhiều chứng tích nhưng cả một quyển sách dày cũng không đủ chứa các chuyện về danh từ Mã Lai ở Hoa Nam, do Hoa bắc phiên âm dưới thời Đông Chu.

Câu chuyện trên cũng chứng tỏ rằng ngôn ngữ của Mã Lai Hoa Nam được người Tàu biết và họ có phiên âm rất nhiều danh từ, những danh từ

đó đều lọt vào Hoa ngữ hết. Những danh từ của Mã Lai Nam dương không lọt vào Hoa ngữ, vẫn được người Tàu Hoa Nam hiện kim dùng để nói. Họ nói khác với họ viết, lối 200 danh từ.

Cái trán Trung hoa phát âm là Ngổ, các nhà Nho ta phát âm là Ngạch, thì là khá tạm ổn. Có sao người Tàu Phúc kiến lại phát âm là Hĩa ? Là tại dân Phúc kiến là con dân của Cầu Tiễn, cái bọn mà sử Tàu chép rằng « Tử tôn tản ư Giang Nam ». Bọn ghé lại Phúc kiến phát âm là Hĩa, nhưng Mã Lai Nam Dương thì phát âm là Đơhia, nhưng không phải là đọc sai tiếng Ngạch, mà là nói tiếng Mã Lai. Người Tàu ở Triết giang, nói còn dị kỳ hơn. Nữ họ gọi là Nôm. Triết giang, đúng là địa bàn của Cầu Tiễn và Phù Sai. Tại sao người Tàu nói tiếng Tàu kỳ dị như vậy ? Không, họ nói tiếng Mã Lai chứ không phải tiếng Tàu đâu :

Chàm xưa : Y A Na
 Nhựt xưa : Y Da Na
 Chàm nay : Ina
 Nhựt nay : Onna
 Việt Nam : (Gái) Nạ (dòng)
 Nam Dương : I-nang

Người Triết giang, thay vì nói Ngổ, Ngô, Dư, để chỉ Tôi, lại nói là A lạp, mà người Chàm thì nói là Alok, Dohlek, người Nam dương là Aku, người Việt nam thượng cổ nói Al. Đại tiện, người Phúc kiến và Triết giang nói Bông Xối, tức cũng cứ dùng tiếng Mã Lai và Nam dương nói là Buang Bosa. Có phải là Nam Dương học của thương gia Tàu tại Nam Dương không ? Không, vì Buang Bosa có nghĩa hẳn hoi :

Buang : giải tỏa
 Bosa : cái bụng

Còn Bạng Xối thì không có nghĩa gì cả trong tiếng Tàu, và chính những người Tàu Hoa Nam cũng ngần ngại tự hỏi sao tổ tiên của họ ăn nói kỳ đến thế, viết chữ thì viết Đại tiện, nhưng nói thì lại không viết ra chữ được, mà cũng chẳng biết Bạng Xối có nghĩa gì.

Từ bao lâu nay, ta vẽ hình Tây Thi thì luôn luôn vẽ một cô gái Trung hoa, ăn mặc y như đào hát bội. Nhưng nay ta buồn cười lắm mà chợt thấy rằng Tây Thi giống một cô gái Nam Dương, và có lẽ mặc sà rông. Chính phụ nữ Trung Hoa thuở xưa cũng mặc váy chứ không mặc quần. Còn áo thì Tây Thi mặc áo khác hẳn áo Tàu. Áo của Tây Thi « tả nhận », còn áo Tàu thì « hữu nhận » loại áo mà người Việt miền Nam gọi là « Áo vạt khách », tức vạt của Khách trú, tức vạt cài bên hữu, khác hẳn áo của ta cài bên tả.

Nhưng Tây Thi không có đen da như các thiếu nữ Nam Dương đâu. Tây Thi là dân xứ lạnh, còn con cháu của Tây Thi thì đã phơi nắng ngay tại đường Xích Đạo từ 2500 năm rồi, nên phải sạm màu da. Và Tây Thi không có nói : « Thiếp yêu Hoàng thượng » như sách Tàu đã chép, mà nói : « Alap porangta Tuan Ku ».

Ở đây, ta mới thấy vai trò của Ngũ tử Tư. Y là kẻ thù của Mạc Cửu Dương Ngạn Địch, Trần Thắng Tài, tức người Tàu phục vụ vua Việt. Vào

thời ấy thì dân Sở đã bị Hoa hóa hoàn toàn rồi, ít lắm cũng ở cấp lãnh đạo. Vậy Ngũ Tử Tư nếu không là Tàu thật cũng là Tàu lai. Nhưng y đã bỏ nước Sở sang phục vụ nước Ngô là nước có danh từ Mata = gươm báu.

oOo

Nói đến Ngũ Tử Tư, một bài toán danh từ lại được nhắc tới. Từ non hai ngàn năm nay, học giả Trung Hoa, Nhật bản, Đại Hàn và Việt Nam rất thắc mắc về hai định nghĩa của danh từ Qua thuyền đời Chu. Sách Tàu định nghĩa Qua thuyền là thuyền có gấn Qua (Giáo) ở trước mũi để chống con Giao Long. Nhưng người đời Đông Chu có bắt được một bức thư của Ngũ Tử Tư, trong đó Ngũ Tử Tư có nói rằng Qua thuyền là thuyền chở Qua (Giáo). Thiên hạ bối rối, không biết ai nói đúng.

1. Ngũ Tử Tư rõ ràng là người Tàu. Cả bức thư của y đều được người Tàu biết đọc thì hẳn y viết bằng chữ Tàu, trong khi đó thì bọn Mã Lai từ Hoa Nam, di cư đi Nam Dương lại không có ai biết chữ Tàu hay vài danh từ nào cả.

2. Cả cổ thư Tàu lẫn Ngũ Tử Tư đều nói đúng về Qua thuyền, bởi cả hai trở hai món khác nhau, chứ không phải một món như ai cũng tưởng.

a. Qua thuyền là thuyền có gấn giáo trước mũi, cũng được Cỗ Hy Lạp và Cỗ La Mã chế tạo. Họ gọi thuyền ấy là Vaisseau à éperon, tranh xua của Hy La còn tồn tại và cho thấy cái Qua đó ra sao. Cái Qua đó dùng để đâm thủng thuyền địch trong các trận hải chiến, chứ không phải là để chống con long như các cổ thư Trung hoa đã giải thích lầm. Các sĩ quan hàng hải Pháp đã gặp con giao long nhiều lần tại Vịnh Hạ Long. Nó thấy tàu nó lặn mà trốn mất chớ không dám tấn công mà phải chống nó.

b. Qua thuyền của Ngũ Tử Tư chỉ là thuyền vận tải, chớ không phải là chiếc đỉnh, và trong chiến tranh thì người ta chớ vũ khí, nhưt là Qua vì cả ba quốc gia Sở, Việt đều chuyên môn về thủy chiến.

Vậy không nên có thắc mắc nào cả vì cả hai thứ Qua thuyền đều có thật và cả hai định nghĩa cổ thời đều đúng. Sở dĩ có vấn đề là tại ai cũng tưởng rằng cả hai nguồn đều nói đến một loại thuyền độc nhưt, nhưng khi rõ ra là có hai loại thuyền, cả hai đều dính líu đến Qua, thì tưởng không còn nghi vấn nào hết.

HÉPATOMAX

Bào chế bằng nước cốt gan bò

□ *Thơm ngon, ngọt*

□ *Bổ huyết, bổ gan*

□ *da dẻ hồng hào*

Tại các nhà Thuốc Tây

Mua Sĩ : Tân Hóa Dược Cuộc Công Ty - 601 - L. V. Duyệt, Saigon

Tin Tức

Văn Hóa và Tôn Giáo

GIÁNG SINH 1972

Giáng sinh vừa qua, hàng chất ngập các via hè, nhiều hơn mọi năm, có lẽ vì nhà buồn tin tưởng Giáng sinh này là một trái bom vui nhộn nổ tung lên trong ngày Hòa bình. Nhưng đêm Giáng sinh ấy, dù chưa ngưng bắn, vẫn là một cuộc tức nước vỡ bờ... chơi cho thỏa, khiến đầy đường những xe và người, và khắp nơi những cuộc vui nhộn, trong đó có cả Bum... tối. Bum lậu như thế, Chúa ơi! cả một vài đoàn thể sinh viên Công giáo, như ở T.Đ. gì đó, cũng có đủ. Chắc Quốc tổ buồn lắm, mà Chúa Trời càng buồn hơn. Giá tôi làm Chúa Trời thì tôi khỏi giáng trần cho chúng nó đỡ tội, còn làm Tổng Thống thì cấm chỉ mừng Giáng sinh lớn như thế, vì nguồn gốc của nó là ngoại lai và vô đạo, chứ không phải tôn giáo, lợi cho đạo thì ít mà phản đạo thì quá xá đối với phần đông. Nhà thờ tuy lắm người, nhưng phải kể cả những người ngoài Công giáo đến coi chơi. Vui nhộn đầu cũng có, vì người không Công giáo cũng vui nhộn. Các cách vui nhộn toàn là ngoại lai, và mấy bản nhạc do các ca đoàn làm khi không Công giáo trình diễn trên Tivi cũng ngoại lai rất nhiều. Chúa và Tồ chẳng ai vinh hạnh gì với một Giáng sinh như thế!

TRIỂN LÃM MỸ THUẬT TÔN GIÁO ĐÔNG PHƯƠNG

Trong cuộc triển lãm Công giáo từ 7 đến 22 tháng giêng 1973 vừa qua, khu Mỹ thuật trưng bày khá nhiều tranh có tính chất đông phương. Đây là một bước tiến, tuy mấy bức tranh chưa mấy ghi nhận được những cảm hứng sâu xa giàu tính chất tôn giáo, trừ phi mấy bức âm u của họa sỹ Hạng và mấy bức khác có tính cách thời sự.

Ngành Nhập thẻ trong phong trào H.G.V.Đ. cũng triển lãm một bộ lễ phục vừa Việt nam vừa mới mẻ, với tay áo thụng cắt vát, và áo dài lót trắng mở từ đầu gối xuống thay cho quần. Áo này đủ thẳng xuống theo kiểu Việt và Trung hoa, chứ không xoè ra như "duýp" và "sú tan" của Tây phương. Xem chừng nhiều người thích bộ áo này.

GIẢI TUYẾN DƯƠNG SỰ NGHIỆP 1972

Phong trào HƯNG GIÁO VĂN ĐÔNG đã nộp đơn giới thiệu hai vị: nhà văn Nguyễn mạnh Côn và thi sỹ thiền sư Phạm Thiên Thư dự giải Tuyên dương sự nghiệp 1972 do Phủ Quốc vụ khanh Văn hóa tổ chức lần đầu.

Chắc vì nhiều lý do, nên việc tổ chức giải được công bố quá muộn, và thời gian chấm chỉ có 10 ngày, nên khó bề hoàn hảo được.

Tin giờ chót cho hay kết quả bỏ phiếu như sau: giáo sư Nguyễn duy Cần biệt hiệu Thu Giang trúng giải học thuật, thi sỹ Vũ Hoàng Chương trúng giải Văn chương, và Họa sỹ Nguyễn văn Anh trúng giải mỹ thuật.

Lễ trao giải thưởng đã được tổ chức vào 9g sáng ngày 27-1-1973 tại Trường Quốc gia Âm Nhạc và Kịch Nghệ. Phó Tổng Thống đã đại diện Tổng Thống đến chủ tọa.

Buổi lễ diễn ra trong bầu không khí trang nghiêm. Sau phần trao giải thưởng, là phần văn nghệ đầy tính chất dân tộc. Rất tiếc quan khách đến dự có vẻ thưa thớt. Có lẽ bầu khí «Ngưng bắn» tại Thủ Đô và trên toàn quốc đã làm lu mờ việc này.

PHẦN THƯỜNG ĐẠO ĐỨC.

Cụ Trọng Nghĩa đang đơn thân độc mã vận động treo «Giải thưởng

Đạo đức hằng năm», mục đích để khuyến khích mọi người tu thân tích đức. Đó là điều rất cần cho mọi thời và nhất là thời nay, khi mà ý tưởng Lợi ngự trị lòng mọi người và ý thức đạo đức biến mất, khiêu đầu đầu cũng thấy tội ác, tham nhửng và bất ðn. Con đường cụ Trọng Nghĩa ðang đi cũng là một trong những mục tiêu quan trọng của Phương ðồng và phong trào Hưng Giáo Văn ðồng. Ước mong mọi người cùng chung lý tưởng ðó ðứng chung hàng ngũ với chúng tôi, ðể « Ba cây chụm lại nên hòn núi Cao ».

—————Giới Thiệu Sách Báo Mới—————

Phương ðồng trân trọng giới thiệu những tác phẩm mới nhận ðược sau ðây :

XÂY DỰNG MỘT CĂN BẢN TƯ TƯỞNG của ðại tá ðặng ðình ðán, m' t người ðã lâu năm nghiên cứu việc ðưa kinh Dịch ứng dụng vào ðời sống, kể cả binh bị và thuật chỉ huy. ðây là cuốn sách ðầu tiên của tác giả ði vào con đường ðó. Khổ thường, 132 trang, giấy trắng mịn.

HÁT RỪNG của Lê Nghị, một bài thơ dài suốt 32 trang. Khổ xinh xắn, bìa minh họa ðẹp.

CA DAO CỦA MẸ của Trần hoàng Vy, Thơ do tác giả xuất bản.

—————Hộp Thư —————

BÀI VỞ NHẬN ðƯỢC. Tòa báo ðã nhận ðược những bài sau ðây :

— 2 bài thơ của Xuân Hữu ! Chấp nối, Hoạt cảnh 6

— 3 bài thơ của Trần hữu Nghiê:m : Bạt gió, Khi về lại Huế, Ta vô cùng trong nỗi nhớ thương ta.

(xin ghi nhớ ðường-hướng riêng của tờ báo)

— Bài « Lạy bái, một cử chỉ tôn giáo chân chính » của giáo sư Nguyễn tiến Hữu.

— Bài « Khảo cứu về ðược tính của Chuối và Dừa » của ông Nguyễn văn Xứng

SỐ ðẶC BIỆT DỊP PHẬT ðẢN. Nhân dịp Phật ðản tháng năm 1973. Phương ðồng sẽ ðành một số ðặc biệt (số 23) về **BỘ MẬT TÔN GIÁO PHƯƠNG ðỒNG NGÀY NAY.** Xin quý vị gửi bài về kịp, trước ngày 25 tháng ba.

ĐÍNH CHÍNH

Trang	Cột	Dòng	Chữ sai	Xin sửa là
5		26	xảy ra vào thế kỷ 3	xảy ra vào thế kỷ-3
64	1	39	vua chuyên húc	vua Chuyên Húc
68	2	14	dân chúng	dân chúng
112		24	sắc ðẹp	sắc ðẹp
114		15-16	hiện cụ là Trưởng ban Hán văn	cụ (Nghiêm Toản) làm Trưởng ban Hán văn từ 1961 ðến 1970. Cũng năm 1970, cụ thăng giáo sư ðiển giảng, và 1972 giáo sư thực thụ

Công - Ty Bảo - Hiểm

RỒNG - VÀNG ĐẠI - NAM

Trụ Sở : 17, Công-Trường Lam-Sơn — SAIGON

Điện - Thoại : 93.444 — 93.445

đảm-nhiệm bảo-hiểm về :

- Hỏa hoạn
- Xe Ô-tô, xe Honda, xe Vespa
- Tai nạn cá nhân lao động
- Du khách
- và học sinh
- Trộm cắp
- Trách nhiệm dân sự các nhà
- Hàng hóa chuyên chở bằng
- thầu, xí nghiệp, khách sạn
- đường thủy, bộ và hàng không
- Ghe tàu chuyên chở, ghe tàu đánh cá các loại cận duyên
- và viễn duyên.

PHƯƠNG CHÂM của

CÔNG-TY BẢO-HIỂM

RỒNG-VÀNG ĐẠI-NAM

- Dân xếp mau lẹ
- Bồi thường nhanh chóng và thỏa đáng
- Quyền lợi của Bảo Viên là quyền lợi của Công Ty.

Chi Hội Dịch Lý Việt Nam

- ☐ Sẽ tổ chức hai lớp DỊCH LÝ Du Ngoạn Thực Nghiệm vào mỗi buổi chiều Thứ Bảy và sáng Chủ Nhật.

I.— LỚP CÔNG TRUYỀN.

(Có Học phí)

- Khóa Sơ, Trung, Thượng đẳng được hướng dẫn cách: KIỂM SOÁT, XÁC ĐỊNH, PHÁC HỌA, PHÁC Ý, ĐỌC NỘI TÂM, ĐỊNH ỨNG-KỶ.

II.— LỚP BIỆT TRUYỀN.

(Miễn phí)

- Khóa Thái Thượng đẳng cấp 1, 2, 3 được hướng dẫn toàn khoa: THIÊN NHIÊN XÃ HỘI HỌC, TIỀN HẬU THIÊN TRÍ TRI Ý HỌC, và VIỆT NAM KHOA DỊCH LÝ HỌC.

☐ GHI CHÚ :

Ông Xuân Phong — Hồng Tử Uyên sẽ đích thân đến tận nhà để nói chuyện về Dịch Lý Việt Nam cho Quý vị đã có danh tiếng và địa vị trong xã hội với điều kiện là vị đó HỨA giữ kín tên tuổi cho đôi bên.

- ☐ Liên lạc tại địa chỉ số 194/19E, đường Bạch Đằng — Gia Định (vô hẻm Long Vân Tự khoảng 40 thước).

Ho ! Ho ! Ho ! Ho ! Ho !

Thuốc viên bọc đường

CAMPHOCODINE

LÀM DIU HẸN CƠN HO, CÔNG HIỆU MAU LẺ
BỀN BỈ ĐỐI VỚI TẤT CẢ CÁC LOẠI HO
Bán tại các Nhà Thuốc Tây

Viện Bào Chế VANCO — 134, Yên-Đỗ Saigon — Đ.T. : 22.796

THUỐC VIÊN VÀ CHÍCH

Trị PHONG THẤP
CẤP THỜI VÀ KINH NIÊN

SALICYVITA

chữa
ĐAU NHỨC KHỚP XƯƠNG
NHỨC MỎI GÂN CỐT

Bán tại các nhà thuốc tây



PHONG - 1910
402 B.Y.T. 21.0.69

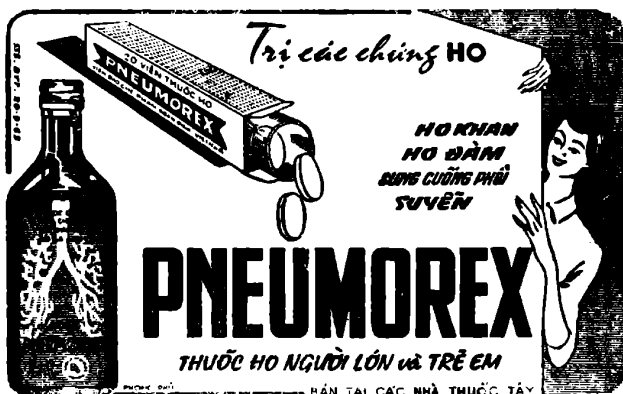
Trị các chứng HO

HO KHAN
HO ĐÀM
SUNG CƯỜNG PHỔI
SUYỄN

PNEUMOREX

THUỐC HO NGƯỜI LỚN và TRẺ EM

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

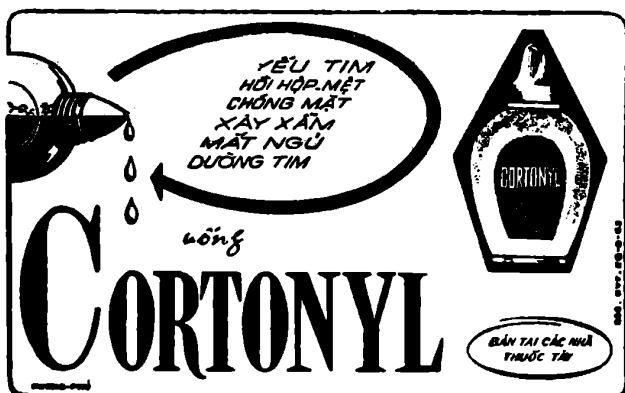


YẾU TIM
HỒI HỢP MỆT
CHÔNG MẶT
XÂY XÂM
MẤT NGỦ
DƯỠNG TIM

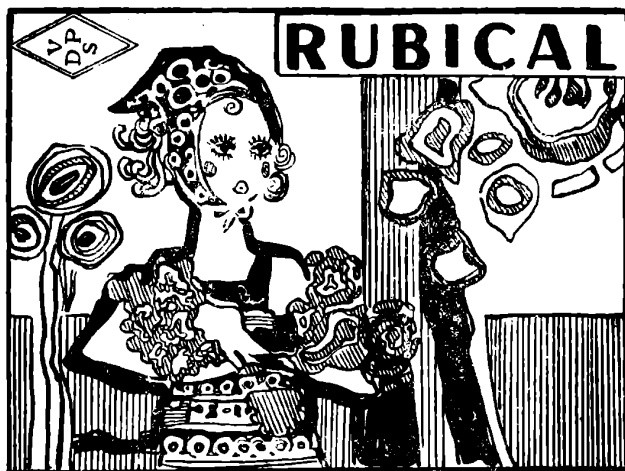
lồng

CORTONYL

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY



PHONG - 1910
402 B.Y.T. 21.0.69



RUBICAL ampoules buvables

(Calcium + Vit. B12 + Sorbitol)

- TRẠNG THÁI THIẾU CHẤT VÔI, TRẠNG THÁI LAO
- THỜI KỲ THAI NGHÉN, ĐANG CHO CON BÚ
- YẾU XƯƠNG, GÂY ỒM, CHẬM LỚN
- CƠ-THỂ SUY YẾU
- TRƯỜNG HỢP XUẤT HUYẾT THƯỜNG

Số 111/QCĐP/13-11-71

VIỆN DƯỢC-PHẨM SAIGON

75, Nguyễn-bình-Khiêm, Saigon I

Đ. T. 23.805

DANS LE TRAITEMENT DU DIABÈTE :

GLUCIDORAL

DES LABORATOIRES SERVIER

Glybutamide 0,50g par comprimé baisse
rapide du taux de glucose sanguin Hémikrèse
de 45 heures

Pour toute information s'adresser à

FRANCOPHAR

B.P. 2569

TRAITEMENT DE LA CRISE D'ASTHME

IMINASTHME

FORMULE :

Agaricine	0.005 g
Caféine	0.10 g
Papavérine	0.02 g
Théophylline	0.10 g

pour un comprimé

Les laboratoires SERVIER — FRANCOPHAR

BP. 2569 SAIGON



Vitac 500

TINH CHẤT VITAMINE C



KY SỐ 134 M/STT/000P

cần cho

CÁC NHÀ THỂ THAO VÀ CÁC SINH VIÊN HỌC SINH

Thuốc hạ huyết áp

ANAPREL

Công thức :

RESCINNAMINE 0,25mg MỖI VIÊN

THUỐC HẠ HUYẾT ÁP, CÓ TÁC DỤNG CHẬM VÀ LÂU DÀI, KHÔNG LÀM TRẦN THỐNG. DÙNG CHO BỆNH HUYẾT ÁP CAO KÈM THEO CHỨNG SUY NHƯỢC TINH THẦN.

Viện bào chế Servier
FRANCOPHAR
B.P. 2569

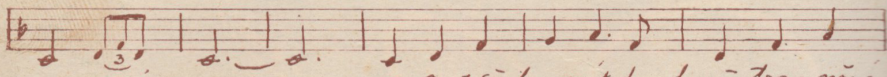
TIN XUÂN

Từ đi Valse - vui hoạt

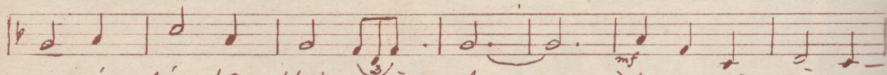
Giọng và nhạc: Thôn Dành



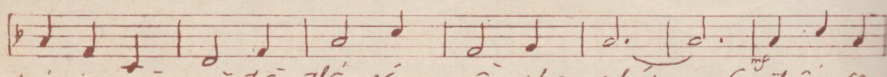
Có đàn anh yên bao tin xuân về duyên dáng, đo dôi - mừng



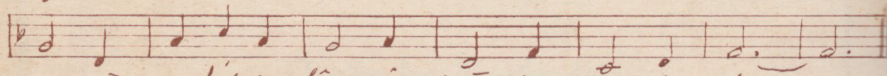
vui sướng vui - và một trời hoa ngát hương trong nắng



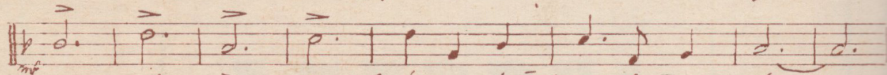
mơ, giúp thế nhóm khối nguồn thơ - Đó xuân về rồi, ở



đứng xuân về rồi, trên thế rức nguyên phúc phước - Các tiếng ca



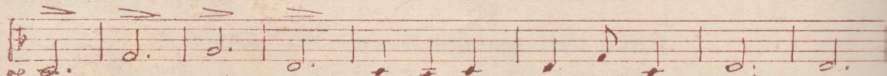
lên, nào, vang hát ca lên, góp lời tâm - tình dần dần



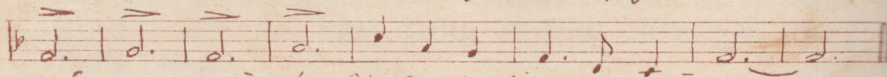
Xuân đã về đây! Tiếng ngọc từ thanh hoa em ai -



Là tuổi, là cười, che giấu xuân quang sáng nơi nơi -



Chào xuân thái hòa, thanh bình yên vui khắp gần xa -



Nhạc xuân thườn g, góp tâm tình khắp nơi ca -